



TRONG
THẦM SÂU CỦA
BÍ ẨN₄

Những bí mật được che đậy trong bóng đêm lịch sử



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

CRONG
THẦM SÂU CỦA
BÍ ẨN

4

BÌA GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nguyễn Thị Kim Anh

Trong thambiêm sâucủabíáñ.T.4/Nguyễn Thị Kim Anh.- T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

188tr.; 20cm.

1. Điều bí áñ. 2. Hiện tượng bí áñ.

001.94 — dc 22

N573-A60

NGUYỄN THỊ KIM ANH
bìen soạn

TRONG
THẦM SÂU CỦA
BÍ ẨN

4

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

Phần 1: TRONG BÓNG ĐÊM LỊCH SỬ

7

Lời nguyền người băng Ötzi	10
Vụ mất tích bí ẩn của hoàng hậu lừng danh nhất Ai Cập	21
Vụ mưu sát vua Ramses III	26
Lời nguyền lăng mộ Tutankhamun	31
Cuộc chiến thành Troy - sự thật hay huyền thoại?	38
Thi hào Homer có thực sự hiện hữu?	43
Mỏ vàng của vua Solomon	49
Nữ hoàng Sheba - huyền thoại vùng Địa Trung Hải	53
Số phận bi thương của vị vua xứ Lydia	58
Người Phoenicia đã từng đặt chân lên Nam Mỹ?	63
Kẻ đốt thành Roma	69
Những điềm báo về cái chết của Caesar	74
Vua Arthur - huyền thoại và sự thật	80
Địa điểm bí ẩn của một trận chiến lừng danh	85
Truyền thuyết về những vị vua lười nhác	90

Các vị vua và quyền năng chữa bệnh bằng phép lạ	95
Cuộc “đại kinh hoàng” năm 1000	100
Bí ẩn cái chết của Napoléon	105
Nàng gián điệp quyền rũ trong thế chiến thứ nhất	113
Truyền thuyết “người vàng”	119
Những kho tàng dưới đáy biển	124
Sargasso - nghĩa địa trên biển	129
Phần 2: BI KỊCH HIỆN ĐẠI	135
Rasputin và cuộc ám sát kinh hoàng	138
Cuộc thảm sát gia đình Sa hoàng Nicholas II	145
Hitler và tư tưởng của các hội kín	154
Ngày tàn của nhà độc tài Hitler	159
Cuộc đào tẩu của kẻ thân cận Hitler	168
Vụ ám sát tổng thống Kennedy của Mỹ	175
Những nghi vấn quanh vụ khủng bố 11 tháng 9	182

P h â n 1

TRONG BÓNG ĐÊM LỊCH SỬ

SUỐT TỪ THỜI TIỀN SỬ CHO ĐẾN THẾ KỶ 20, LỊCH SỬ VẪN LUÔN NGẬP TRÀN NHỮNG BÍ ẨN LỚN. NHỮNG TẤN THẢM KỊCH ĐÔI KHI BỊ BÓP MÉO TRONG QUÁ TRÌNH LAN TRUYỀN, ĐỂ RỒI BIẾN THÀNH NHỮNG TRUYỀN THUYẾT...

Các sự kiện thường xuyên bị bóp méo bởi chính trị. Nhiều triều đại đã ra đời từ một âm mưu hay một vụ ám sát, chính vì thế nên các vị tân vương luôn phải “sắp xếp” lại câu chuyện để khiến mọi người nhớ về chúng một cách khác đi. Đôi khi kẻ bóp méo sự thực lại chính là phương tiện khoa học kỹ thuật yếu kém. Giống như trong một vụ án, thời gian trôi qua càng lâu thì dấu vết càng mất dần và việc phát hiện sự thực càng trở nên khó khăn...

Lịch sử luôn đầy đầy những việc hoang đường, và biết đâu diễn trình lịch sử sẽ khác đi nếu như những vùng tối này được đưa ra ánh sáng?

thời tiền sử



Lời nguyền người băng Ötzi

Ngày 19 tháng 9 năm 1991, khi leo lên ngọn núi băng Similaun cao 3.300 mét ở Áo, gần thung lũng Ötzi, hai du khách đã phát hiện dưới lớp băng tuyết một thi thể đóng băng từ hơn khoảng 5.300 năm. Càng nghiên cứu xác ướp này, người ta càng tìm thấy nhiều điều kỳ lạ... và cùng với những phát hiện đó là những cái chết bí ẩn...

• Xác chết kỳ lạ

Đó là một ngày đáng nhớ đối với cặp vợ chồng người Đức Helmut và Erika Simon. Hôm đó, Helmut đang đi trước vợ một đoạn trên sườn núi Ötztal Alps gần biên giới Áo - Ý, thì bất chợt nhìn thấy một xác người trong tư thế nằm úp mặt xuống chỗ băng đang tan chảy. Mặc dù Erika rất sợ chụp ảnh người chết và tìm cách ngăn cản, nhưng Helmut vẫn cố bấm máy, lưu lại hình ảnh đầu tiên về xác người mà ông cho là “một nhà leo núi xấu số”.

Tư thế của người băng Ötzi khi được vợ chồng Helmut phát hiện.



Hai vợ chồng Simon quyết định tới đồn cảnh sát để báo cáo. Khoảng một giờ sau, họ xuống núi và vào một tiệm bán hàng để mua đồ uống. Tại đây, họ kể lại phát hiện của mình cho người trông coi cửa hàng là Markus Pirpamer và chỉ cho ông này đường dẫn tới xác chết.

Thoạt đâu, nhà chức trách Áo cũng cho rằng đây là xác một người leo núi vì chuyện người leo núi bị tử nạn nơi đây cũng không phải là quá hiếm. Nhưng họ đã nhanh chóng đi đến kết luận rằng đây không phải là xác chết bình thường. Thi thể người chết khô đét như xác ướp, chỉ còn mõi da bọc xương. Sau khi đưa được thi thể này lên cùng cổ quan tài và những đồ vật khác, các nhân chứng nhận ra rằng thi thể này đã tồn tại từ cả ngàn năm nay. Thi hài người chết được bảo quản rất công phu khiến các phần mềm, xương và da vẫn còn nguyên vẹn. Thi hài được chính quyền Áo đưa tới Innsbruck, nơi nó được kiểm tra toàn bộ, hầu như không bỏ sót thứ gì: đo đặc, chụp X-quang, xác định niên đại, nghiên cứu các mô và đồ ăn trong ruột... Niên đại của nó được nhanh chóng xác định là vào khoảng 5.300 năm trước đây, tức cũng lâu không thua kém gì xác ướp cổ xưa nhất của Ai Cập. Đó là xác của một người đàn ông trạc tuổi từ 40 đến 53, cao khoảng 1,6m, một xác ướp đã nhanh chóng nổi tiếng dưới cái tên “người băng Ötzi” hay “người băng Similaun”. Phát hiện Ötzi - xác ướp bảo quản tự nhiên cổ nhất châu Âu - đã cung cấp một cái nhìn chưa từng có về người châu Âu vào thời kỳ đồ đồng.



Xác ướp người băng Ötzi

2,6 triệu USD mỗi năm

Những khảo sát sau đó cho thấy Ötzi nằm sâu vài mét trong lãnh thổ Ý, do đó chính quyền Áo đã quyết định chuyển giao xác ướp cho Roma. Hiện nay, nó được trưng bày tại Bảo tàng khảo cổ học Nam Tyron ở Bozen-Bolzano, nơi mà hàng năm nó đem lại 2,6 triệu đô-la Mỹ từ tiền bán vé cho khách tham quan.

• *Một thợ săn?*

Thoạt tiên, người ta nghĩ người đàn ông này là một thợ săn.

Y phục của ông ta là y phục chống lạnh. Do phải đi lại ở vùng núi cao nên ông ta ăn mặc rất ấm áp. Chiếc áo khoác lông tuy may rất khéo nhưng bị rách ở vài nơi. Bên ngoài áo khoác là chiếc áo choàng cùt tay loại không thấm nước và được đan bằng dây mây. Đôi giày da của người chết được chèn dây rơm để giữ ấm chân. Ông ta có một cây cung lớn dài khoảng 1,8m (cao hơn cả ông) và một bao tên chứa 14 mũi tên, trong đó hai mũi đã sẵn sàng để sử dụng vì đã được đính hai cán mũi tên làm bằng đá lửa và phía sau có gắn lông chim khá công phu.

Hình như để vận chuyển con vật săn được, ông ta đã chuẩn bị săn một dạng sọt gỗ có khung bằng gỗ cây phỉ, dây đeo tết bằng vỏ thông. Để cột con mồi, ông ta đem theo những cuộn dây thừng kết bằng cỏ và vỏ cây. Một phần thịt của con vật săn được tiêu thụ tại chỗ, vì thế mỗi chiều tối ông ta đều nhóm bếp để nấu thịt đồng thời cũng để sưởi ấm khi đêm về và xua không cho thú

dữ lại gần. Trên người ông ta có tất cả mọi thứ cần thiết để đánh lửa như các que gỗ, đá đánh lửa và nấm bùi nhùi.

Nhưng nếu quả thật ông ta là một tay thợ săn như các vũ khí của ông ta mách bảo thì không rõ ông ta dự tính săn con vật nào ở tận miền núi cao lạnh giá này. Rõ ràng, người đàn ông này trang bị đầy đủ cho một chuyến đi nhiều ngày bởi lẽ ông ta đem theo rất nhiều lương thực như ngũ cốc, mận dại (cho thấy lúc đó đang là mùa thu) và thịt. Nhưng điều lạ lùng là nếu ông ta đem theo thịt thì có nghĩa là ông ta không chắc chắn là sẽ tìm được thịt trên núi. Vậy mục đích chính của chuyến đi có phải là để săn mồi?

- **Một người dò tìm kim loại?**

Một giả thuyết khác cho rằng người đàn ông này đang thăm dò kim loại trên núi vì thời đó ở vùng này có mạch đồng. Ngoài

các trang bị săn bắn ra, xác chết còn mang trên người một chiếc rìu mà ông ta cầm chắc trên tay

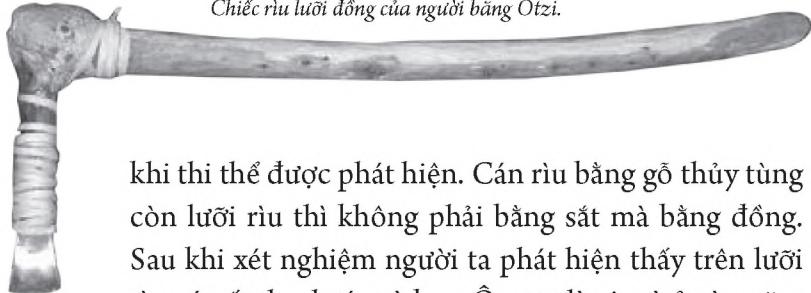


Mô phỏng người băng Ötzi trong một bảo tàng ở Bolzano.



Nghề luyện kim trong thời kỳ phôi thai ở châu Âu.

Chiếc rìu lưỡi đồng của người băng Ötzi.



khi thi thể được phát hiện. Cán rìu bằng gỗ thủy tùng còn lưỡi rìu thì không phải bằng sắt mà bằng đồng. Sau khi xét nghiệm người ta phát hiện thấy trên lưỡi rìu có vết thạch tín và bạc. Ông ta là ai mà ở vào năm 3500 TCN lại có thể sở hữu một công cụ quý như thế? Vào thời đó đã có rất nhiều rìu nhưng những chiếc rìu thời này đều làm bằng đá mài nhẵn và hiếm khi bằng kim loại. Thành phần hợp kim của chiếc rìu chưa tốt lắm nhưng cho thấy con người đã bắt đầu có những bước chập chững trong ngành luyện kim.

• *Hay một phù thủy đi xuyên thời gian?*

Điều kỳ lạ là, ở thắt lưng của xác chết, trong một cái túi nhỏ bện bằng cỏ, là một con dao cán gỗ tần bì có lưỡi bằng đá lửa được gọt đẽo nhưng chưa mài. Kỹ thuật làm ra con dao này là rất thô sơ, có niên đại khoảng 7.000 năm. Như vậy, xác ướp của người đàn ông có niên đại 5.300 năm, dao và cán mũi tên có niên đại 7.000 năm, chiếc rìu có niên đại khoảng 4.600 năm, một chiếc áo có niên đại 8.000 năm. Lẽ nào người đàn ông này đã sử dụng tên và áo khoác của cụ tổ nhưng lại cầm tù của con cháu mình?

Những dụng cụ đánh lửa của người băng Ötzi



Sự lùn này khiến nảy sinh ra một giả thuyết khác cho rằng người đàn ông này là một “phù thủy có khả năng đi xuyên thời gian”.

- **Những hình xăm kỳ lạ**

Người băng Ötzi có cả thảy 57 hình xăm trên cơ thể. Những hình này được xăm đen bằng than cùi. Phía trên đầu gối trái có hình một thập tự, ngoài ra còn có những hình xăm chạy quanh cổ tay, cổ chân và cuối cùng là những sọc kẻ rất đều ở phần lưng dưới. Điều lùn là một số hình xăm nằm tại hay ở gần các điểm châm cứu và trùng khớp với các điểm hiện nay được dùng để điều trị các triệu chứng bệnh mà có lẽ Ötzi mắc phải, như bệnh viêm khớp mãn tính. Một số nhà khoa học đã tìm thấy chứng cứ rằng vị trí các hình xăm đã được lựa chọn vì lý do trị bệnh theo một hệ thống rất giống với châm cứu hiện đại.

- **Một cuộc quyết chiến?**

Có hàng chục giả thuyết khác nhau về cái chết của người băng Ötzi. Các nhà khoa học đã rất bối rối vì không tìm ra vết thương đáng kể nào trên cơ thể người băng ngoài những vết sau đầu mà có lẽ do chim săn mồi hay kên kên gây ra sau khi ông đã chết. Chính vì thế, các nhà khoa học cho rằng người băng Ötzi đã chết do bị kẹt trong

Xác ướp người băng Ötzi đang được xét nghiệm.



một trận bão tuyết: ông hẳn đã bị tuyết chôn vùi hầu như trong thoảng chốc, nhờ vậy mà xác không bị thú ăn.

Giả thuyết này nhanh chóng bị bác bỏ vào tháng 6 năm 2001, sau khi một nhóm khoa học gia khác (ở Bolzano) chụp X-quang và phát hiện một đầu mũi tên kẹt trong vai bên trái của thi hài, đuôi mũi tên rõ ràng đã bị ai đó rút ra. Tháng 6 năm 2002, họ còn phát hiện một bàn tay của người băng bị chấn thương. Trước đó, các nhà khoa học đã phát hiện hai xương sườn bị gãy ở mạn phải. Phân tích DNA cho thấy những dấu máu từ bốn người khác trên đồ dùng của ông (một ở trên dao, hai trên cùng đầu mũi tên, và một trên áo khoác). Từ đó xuất hiện giả thuyết thứ hai, cho rằng người băng đã chiến đấu và bị ngã trước khi bị công đến chết.

- **Một vụ mưu sát?**

Tiến sĩ Annalisa Pedrotti thì cho rằng người băng Ötzi đã bị ám sát bởi một người bạn cũng là thợ săn. Người này đã chôn xác ông ta ngay sau đó. Tiến sĩ Markus Egg cho rằng người băng

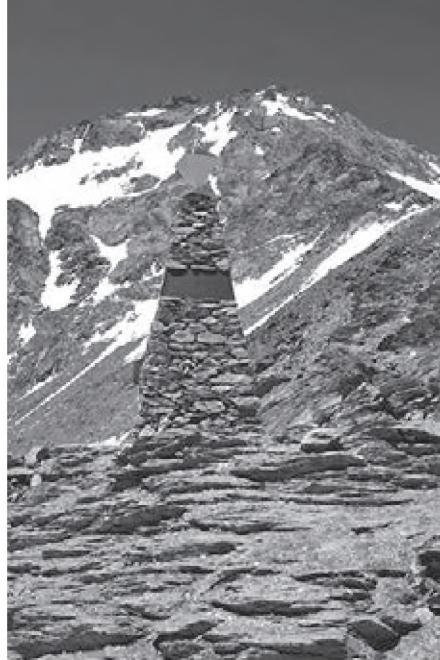


Những người khách du lịch đã tình cờ tìm thấy một xác ướp ở núi băng Similaun.

làm nghề chăn cừu và bị giết bởi một người chăn cừu khác do tranh giành đàn cừu. Tiến sĩ Eduard Egarter cho rằng người băng đã về đến làng của mình giữa lúc ngôi làng bị tấn công, hoặc về nhà giữa lúc “một người đàn ông khác đang chiếm đoạt vợ ông ta khi ông ta vắng mặt”. Một nghiên cứu năm 2009 gợi ý rằng người băng đã bị đánh đuổi, phải chạy vội khỏi làng sau khi bị thương ở tay (bằng chứng của sự vội vàng là những mũi tên chưa sẵn sàng). Sau đó chừng ba ngày ông ta bị truy sát và bắn chết.

Petr Jandácek cho rằng người băng bị ai đó giết nhằm chiếm đoạt chiếc rìu đồng. Ông đã chiến đấu bằng dao, nhưng thua chạy lên núi, bị tên cướp rượt theo bắn trúng vai. Cũng theo Jandácek, người băng đã chơi trò phục kích: ông đặt chiếc rìu quý giá lên một tảng đá để dụ tên cướp, rồi cầm dao rình săn ở gần đó, lấy tuyết phủ lên mình để ngụy trang. Tuyết rơi nặng hạt khiến tên cướp bỏ cuộc, nhưng người băng vẫn tiếp tục nằm rình, cho đến khi ngủ gục và chết colding.

Theo Walter Leitner, người băng là một pháp sư rất được kính nể (căn cứ những món vật quý giá mà ông mang bên người) và đã bị một nhóm người tranh đoạt quyền lực giết chết. Nhóm người này đã tấn công từ xa do sợ pháp sư. Họ quyết định ra tay trên núi để ngụy tạo một vụ tai nạn. Đó là lý do họ không lấy vũ khí, vật dụng của ông (để không ai thắc mắc vì sao họ có chúng).



*Đài tưởng niệm người băng Ötzi
ở biên giới Áo - Ý*



Khuôn mặt người băng Ötzi do nghệ nhân Andrie Kennis phục chế.

• *Hay một vụ hiến tế?*

Giáo sư người Anh Mark Hempsell của trường đại học Bristol thì cho rằng cái chết của người băng liên quan đến vụ thiêu thạch rơi ở Áo vào khoảng năm 3000 TCN. Người băng đã bị hiến tế để làm người giận các vị thần đã gây ra vụ rơi thiên thạch này.

• *Lời nguyền của người băng Ötzi*

Helmut, người phát hiện ra người băng Ötzi, đã chết trong một tai nạn kỳ lạ. Trước đó, đã có nhiều lời đồn rằng Ötzi là một pháp sư được bảo vệ bởi một lời nguyền. Helmut phớt lờ những lời đồn này và vẫn tự hào rêu rao rằng “thần linh chỉ đường cho tôi tìm thấy người băng”.

Một ngày nọ, không mang theo hành lý nào, ông đã mò đến nơi phát hiện người băng và... không bao giờ trở lại. Ba tuần sau, vào ngày 23 tháng 10 năm 2004, người ta tìm thấy xác của Helmut ở một khe núi. Một tạp chí khoa học của Đức viết: “Thật trớ trêu khi cái chết của Helmut rất giống cái chết của người băng Ötzi, kể cả về tư thế”.

Nhưng trước Helmut đã có ba người được cho là “chết bởi lời nguyền”. Đầu tiên là Rainer Henn, tiến sĩ bệnh học thuộc Đại học Innsbruck của Áo. Ông chết vì tai nạn giao thông trên đường đi thuyết giảng về việc phát hiện người băng. Ông là người dùng tay đưa xác của người băng vào bao đựng xác một năm trước đó.

Nạn nhân thứ hai là người dẫn đường Kurt Fritz, người được

cho là hưởng lợi nhiều nhất từ phát hiện người băng (nhờ đưa khách tham quan đến hiện trường). Mặc dù là nhà leo núi dày dạn kinh nghiệm, thuộc nằm lòng khu vực Ötztal Alps, nhưng anh đã bị tuyết lở vùi chết năm 1993 trong khi dẫn đường khách tham quan (trong đoàn của anh, không ai bị hổn gi).

Nạn nhân thứ ba là nhà làm phim Rainer Hoelz, người đã đưa những tư liệu về người băng lên màn ảnh và công bố chúng khắp thế giới. Ông bị chết vì một căn bệnh lạ khiến ông đau đớn quằn quại, chết đi sống lại suốt nhiều tháng sau đó, có người cho rằng ông bị ung thư não.

Sau Helmut đến phiên nhà khoa học Dieter Warnecke, người dẫn đội tìm kiếm tìm ra chỗ Helmut bị chôn vùi. Ông này đột ngột lén cơn đau tim chỉ đúng một giờ sau khi xác Helmut được mai táng ở nghĩa trang.

Nạn nhân thứ sáu là nhà khoa học Konrad Sprindler, người đứng đầu một nhóm nghiên cứu thực hiện các khám nghiệm trên thi hài người băng năm 1991. Ông chết do biến chứng của bệnh đa xơ cứng vào tháng 4 năm 2005.

Nạn nhân thứ bảy là nhà khảo cổ Tom Loy, người đã phân tích các mẫu máu trên vũ khí và quần áo của người băng. Ông mắc một căn bệnh về máu: máu của ông cứ dần dần đông lại thành từng cục trong người. Căn bệnh này được phát hiện từ khi ông bắt đầu nghiên cứu người băng.

Tuy nhiên, nhiều người vẫn cho rằng “câu chuyện lời nguyền” này là vô căn cứ bởi lẽ những người có tiếp xúc với người băng đã lên đến con số trên 150. Ngoài 7 nạn nhân xấu số trên, những người còn lại đều khỏe mạnh, thậm chí sống lâu. Đến nay, ít nhất 25 người tham gia khai quật người băng sống thọ trên 71 tuổi.

Ai Cập



Vụ mất tích bí ẩn của hoàng hậu lừng danh nhất Ai Cập

Năm 1350 TCN, người ta đột nhiên mất dấu nàng Nefertiti, vị hoàng hậu kiều diễm và lừng danh nhất Ai Cập. Người vợ yêu của vị pharaon ưa cải cách Amenophis IV Akhenaton đã đột nhiên biến mất! Cùng lúc, tên nàng bị xóa khỏi các đền đài Ai Cập còn các tượng tạc hình nàng thì đa số bị đập vỡ... Tại sao vậy?

• *Dưới ánh mặt trời Aton*

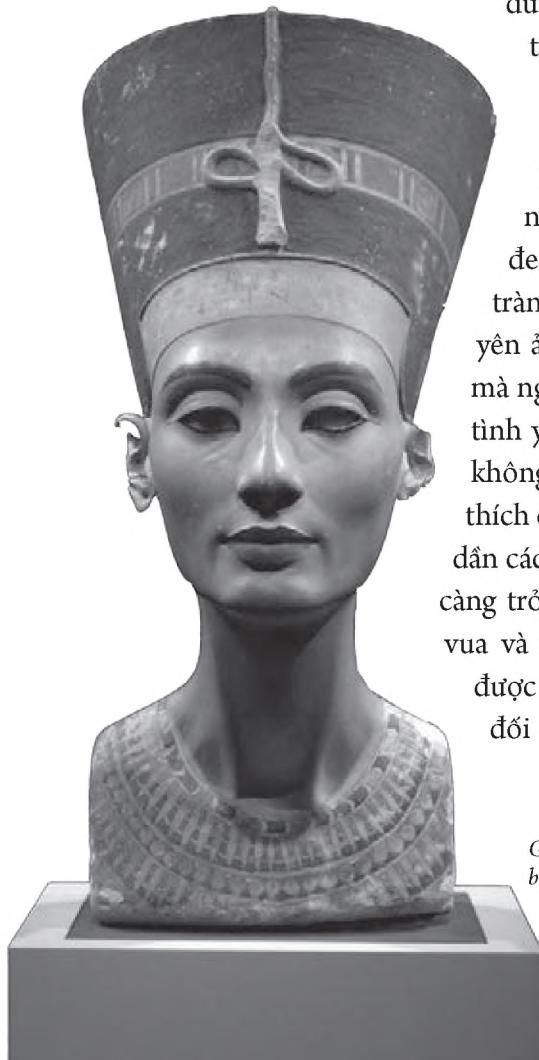
Bù lại, trên các tấm bia khắc ở Ai Cập lại xuất hiện một cái tên mới, tên của một pharaon đồng nghiệp chính. Người này là ai? Còn nàng Nefertiti thì biến đi đâu? Nàng có rời khỏi hoàng cung không hay nàng với vị vua đồng nghiệp chính bí ẩn có dảng dấp phụ nữ kia chẳng qua chỉ là một?

Nefertiti là công chúa xứ Mitanni, con gái vua Tusratta. Tên chào đời của nàng là Tadukhipa. Lúc đó vương quốc Mitanni ở Lưỡng Hà rất hùng mạnh và nhiều nàng công chúa xứ này được gả cho các quý tộc Ai Cập. Chỉ khi đến Ai Cập, nàng Tadukhipa mới lấy tên là Nefertiti, có nghĩa là “Giai nhân đã tới”. Nàng trở thành một trong số các thư thiếp của vị pharaon già Amenophis III và sau khi nhà vua băng hà, nàng lấy con trai ông, tức vua Amenophis IV. Lúc đó là năm 1364 TCN. Nefertiti khi ấy 17 tuổi, còn vua Amenophis IV mới chỉ 12 tuổi. Cặp vợ chồng này dần dần tách khỏi ảnh hưởng của thái hậu Tiye và thờ phụng thần mặt trời Aton.

- **Từ nghệ thuật hiền hòa đến cái nhìn băn khoăn về thế giới**

Sau khi lên ngôi, vua Amenophis IV lấy tên hiệu là Akhenaton và dời đô sang nơi khác. Qua các bức tranh chạm nổi ta có thể thấy cặp vợ chồng trẻ này có những năm tháng hạnh phúc bên nhau. Nefertiti hạ sinh nhiều công chúa xinh xắn và gia đình nàng chuyển đến sống ở thành phố Akhetaton mới (Amarna). Akhenaton muốn tạo cho mình hình ảnh một ông vua tuy hiền

đức nhưng quyết đoán. Bên trong, ngài quyết tâm làm giảm ánh hưởng của giới tăng lữ Ai Cập nhưng lại tìm kiếm sự bình yên ở bên ngoài. Nghệ thuật mà ngài đeo đuổi là thứ nghệ thuật tràn ngập những hình ảnh yên ả, êm dịu bởi vị thần Aton mà ngài tôn thờ là vị thần mang tinh yêu đến cho nhân loại chứ không phải vị thần thù hận ưa thích chiến tranh. Tuy nhiên dần dần các tác phẩm nghệ thuật ngày càng trở nên kỳ dị. Hình ảnh nhà vua và những người xung quanh được thể hiện một cách mất cân đối với chiếc bụng phình to,



Giai nhân Nefertiti đột ngột bị thay thế bởi một nhân vật kỳ lạ tên Semenkhare.

gương mặt gầy guộc, cái đầu dài ra và cả thân hình đôi khi cũng biến dạng. Phải chăng nhà vua bị bệnh và các nghệ sĩ đã mượn cái thân thể ngày càng héo mòn của ngài để thể hiện hình ảnh của toàn bộ hoàng gia? Hay là do tâm thần ngày một khích động của ngài đã áp đặt lên mọi người một cái nhìn ảo về thế giới?

- **Nhân vật Semenkhare bí ẩn**

Lần cuối cùng mà mọi người nhìn thấy cặp vợ chồng pharaon này là vào năm trị vì thứ mười hai của Akhenaton. Lúc đó nhà vua và hoàng hậu đang nhận cống phẩm của các nước chư hầu. Sang đến năm sau thì Nefertiti không còn xuất hiện trước công chúng nữa. Kể từ đó người thay nàng xuất hiện bên nhà vua là nhân vật Semenkhare kỳ lạ. Chàng thanh niên này được nâng lên ngang hàng với vua Akhenaton với cương vị một pharaon đồng nghiệp chính. Đến năm thứ 14 dưới triều Akhenaton, vị vua đồng nghiệp chính này được ban cho một danh hiệu trước đó chỉ dành riêng cho hoàng hậu là Nefer-Neferu-Aton có nghĩa là “người được Akhenaton yêu mến”. Vậy nhân vật Semenkhare là ai? Có lẽ người đó là con rể của vua Amenophis IV, tức chồng của công chúa Meritaton. Hình ảnh thầm thiết giữa nhân vật này với nhà vua trên những tấm bia khiến ta nghĩ rằng giữa họ hẳn phải có mối quan hệ yêu đương. Hình ảnh của Akhenaton trên các tấm bia chạm nổi và trên tranh vẽ bị biến dạng đến nỗi các sử gia thời Cổ Đại là Flavius Josephus và Sexte Jules khi nói về vị pharaon này đều xem ngài như một phụ nữ.

- **Vị hoàng hậu thất sủng**

Giống như Akhenaton, Semenkhare cũng mang đường nét phụ nữ trên các tác phẩm nghệ thuật. Điều này khiến nhà nghiên

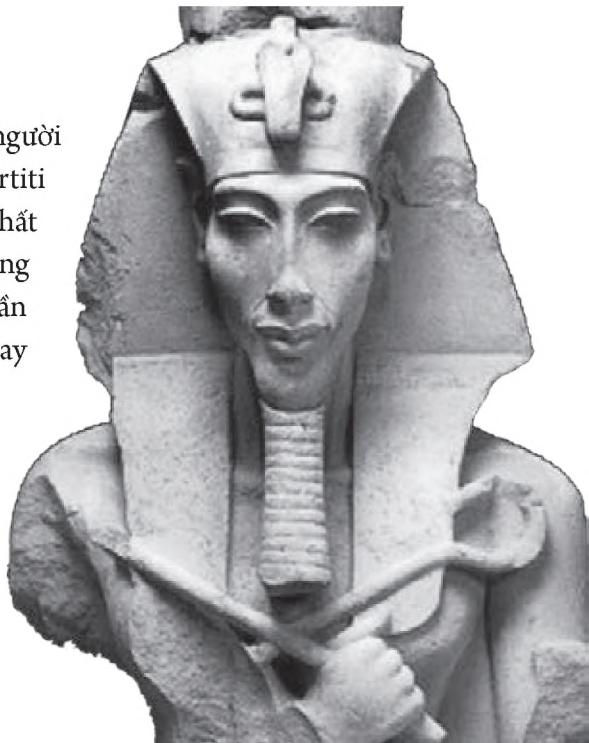
cứu Ai Cập John R. Harris suy đoán rằng Semenkhare và nàng Nefertiti chỉ là một. Nhưng giả thuyết này khó đứng vững bởi không thể giải thích lý do vì sao cả hình thể của vua Akhenaton cũng bị phụ nữ hóa, và cũng vì nó bỏ qua một sự kiện khảo cổ quan trọng: năm 1907, người ta đã phát hiện trong ngôi mộ số 55 ở khu Đồi Vua một chiếc áo quan, bên trong có chứa một xác ướp mà trên thi thể có gắn một tấm biển nhỏ bằng vàng khắc dòng chữ: "Người từng được Akhenaton yêu mến". Xác ướp này là của một thanh niên trạc 20 tuổi nhưng lại được đặt nằm trong tư thế dành riêng cho các tỳ thiếp của pharaon tức cánh tay trái đặt trên ngực còn tay phải thì để buông xuôi dọc thân mình. Không nghi ngờ gì nữa. Rõ ràng Semenkhare là nam nhân nhưng lại được vua Akhenaton xem là vợ. Chàng thanh niên này được mai táng trong chiếc áo quan dành cho nàng Nefertiti, một bằng chứng bổ sung cho thấy vị hoàng hậu này bị thất sủng.

- *Sự trở về không thành của nàng Nefertiti*

Trái với những gì mọi người bấy lâu suy nghĩ, nàng Nefertiti biến mất là do nàng bị thất sủng chứ không phải do nàng chết. Những phát hiện gần đây nhất cho thấy sự chia tay

Tượng bán thân của Akhenaton.

Vị pharaon này đã khiến mọi người nghi ngờ về thân thế thực sự của nhân vật “đồng nghiệp chính” Semenkhare.



giữa nàng với vua Akhenaton. Sau năm trị vì thứ 12 của phu quân, Nefertiti quyết định về sống trong lâu đài của nàng ở phía Bắc thành phố Akhetaton. Có khả năng là vị hoàng hậu bị ruồng bỏ này đang chuẩn bị một cuộc đảo chính để bảo vệ vị thần Aton độc tôn, vị thần mà phu quân của nàng rõ ràng là đang xa lánh dần dưới tác động của Semenkhat. Tuy nhiên, cái chết của vua Akhenaton và Semenkhat cùng xảy ra vào năm trị vì thứ 17 của nhà vua - chỉ cách nhau vài tháng - đã khiến cho việc đảo chính không còn cần thiết. Hồ sơ lưu trữ của vương quốc Hittite đã giúp ta biết được phản ứng của hoàng hậu Nefertiti khi nhà vua băng hà. Vì sợ công cuộc cải cách của mình bị người được chọn trong số các quý tộc Ai Cập lên thừa kế ngai vàng đẹp đẽ nên hoàng hậu gởi nhiều sứ giả đến vương quốc Hittite yêu cầu vua nước này gởi một hoàng tử đến Ai Cập để kết hôn với nàng và trở thành vua Ai Cập. Sau một thời gian dài do dự, cuối cùng vua Hittite đã cử hoàng tử Zannanza đi nhưng vị hoàng tử này đã bị các giáo sĩ thờ thần Amon cho người ám sát dọc đường. Nefertiti đành đưa một thiếu niên 11 tuổi tên Tutankhaton lên ngôi báu, nhưng nàng nhanh chóng bị các quý tộc gạt sang một bên không cho dính líu đến chuyện triều chính. Dưới tác động của giới quý tộc, vị vua nhỏ khôi phục lại tôn giáo đa thần, lấy biệt hiệu là Tutankhamun và rời bỏ thành phố mới mà vua Akhenaton xây dựng cho thần Aton để quay trở về Thebes. Qua các bình đựng di cốt tìm thấy ở Amarna, ta biết rằng nàng Nefertiti đã qua đời ở Amarna khoảng năm 1344 TCN.

Vụ mưu sát vua Ramses III

Ramses III là vị pharaon vĩ đại cuối cùng của Tân vương quốc, có nhiều uy quyền thực sự để cai trị Ai Cập. Ngài qua đời một cách bí ẩn vào năm 1153 TCN. Chỉ vài tháng sau đó, hoàng tử kế vị (tức Ramses IV) đã bắt các tỳ thiếp của nhà vua đem xử tội vì lý do họ đã mưu sát pharaoh.

• *Phạm tội bởi thương con*

Biên bản vụ án ghi trên bốn trang giấy cổ chỉ đã làm sống lại trước mắt chúng ta những bí ẩn chốn hậu cung của Ai Cập cổ. Hiện bản chính của biên bản này đang được lưu giữ ở bảo tàng Turin, Ai Cập.

Ramses III có rất nhiều tỳ thiếp. Bất chấp luật lệ triều đình, nhà vua đã không lập ra một “đại hoàng hậu” để sinh cho ngài một thế tử kế vị ngai vàng mà chọn ra một trong số các các

Mộ của vua Ramses III nằm ở lối ra vào Thung lũng Vua ở Luqsor.





Ramses III

hoàng tử - người sau trở thành vua Ramses IV - làm người kế vị. Do sự lựa chọn này chỉ đơn thuần dựa vào thương ghét nên nó đã gây không ít bất mãn cho các tỳ thiếp và đẩy họ vào những âm mưu đen tối nhằm đưa con trai mình lên ngôi.

Người chủ mưu là một phi tần tên Tiye. Tiye có với vua Ramses một con trai tên Pentaweret. Để đưa con lên ngai vàng, bà quyết định ám sát nhà vua. Là người khôn khéo, bà không những chinh phục được cảm tình của những phi tần khác ở hậu cung mà còn giành được sự hậu thuẫn của một số đại thần trong triều cùng các chức sắc khác ở bên ngoài, trong đó có một quan hầu rượu, một quan ngự y, một quan giám quận, một chỉ huy trưởng của đội quân Kouch đồng thời cũng là em trai của một phi tần khác trong hậu cung, và cuối cùng là một vị tướng. Cả thảy có 28 người đàn ông và một số lớn phụ nữ tham gia vào âm mưu giết vua này.

- **Bắt giữ những kẻ mưu phản**

Những kẻ mưu phản còn cậy cả đến pháp thuật để hại vua. Dựa vào một quyển sách pháp thuật lấy cắp trong thư viện hoàng gia,

một trong những kẻ mưu phản đã tạo ra các hình nhân bằng sáp rồi đọc bùa chú làm phép cho các hình nhân đó rồi đem đặt vào hậu cung. Việc mưu sát pharaon được án định vào dịp lễ tưởng niệm người chết diễn ra tại lâu đài Medinet Habu, nơi tiếp giáp với ngôi đền mà vua Ramses III thường lui tới cúng kiết.

Biên bản ghi trên các cuộn giấy cổ chỉ không cho biết việc ám sát nhà vua diễn ra như thế nào. Xác ướp vua Ramses III cũng không mang chút thương tích gì chứng tỏ nhà vua bị bạo hành. Nhưng khi xử tội những kẻ mưu phản, vua Ramses IV đã khẳng định rằng âm mưu này tuy không thành công trong việc đưa một người khác lên kế vị nhưng cũng đã gây ra cái chết của vua Ramses III. Dù gì đi nữa thì cuộc mưu phản cũng đã bị phát hiện và những kẻ tham gia đều bị bắt.

• *Hành quyết hoặc tự sát*

Thông qua bản báo cáo về phiên xử, ta biết vua Ramses IV đã chọn ra 12 quan tòa trong số các đại thần trong triều để thẩm tra vụ án. Phán quyết mà các quan tòa đưa ra rất ngắn gọn và không chấp nhận kháng cáo. Quá trình xét xử các phạm nhân đều giống hệt nhau. “Mỗi phạm nhân được dẫn tới trước mặt quan tòa; Các quan tòa xem xét tội của người đó; Họ kết luận phạm nhân phạm tội và bắt phạm nhân chịu hình phạt.” Hình phạt này không gì khác hơn là tử hình. Ít nhất có 17 nam và 6 nữ bị hành quyết. Những người khác trong đó có Pentaweret (con trai của Tiye) thì bị “buộc tự sát”. Phán quyết của tòa đối với những người này như sau: “Các quan tòa để phạm nhân ở lại để tự kết liễu đời mình.” Có điều lạ là Tiye, kẻ chủ mưu, lại không nằm trong danh sách bị kết án. Có lẽ bà ta đã tự sát ngay khi biết âm mưu thất bại.

HẬU CUNG

Số phụ nữ ở hậu cung thay đổi tùy theo từng thời đại, đến triều đại vua Ramses III thì con số này lên đến hàng mấy trăm người.

Nhiều thành phần xã hội khác nhau. Đa số các tỳ thiếp của vua đều xuất thân từ tầng lớp dân dã, cho nên họ xem việc tiến cung là cơ hội tuyệt vời để thay đổi thành phần giai cấp của mình. Không phải tất cả mọi phụ nữ sống ở hậu cung đều được nhà vua để mắt đến. Có người cho đến suốt đời cũng vẫn còn trinh trắng, có người thì bị nhà vua đem gả cho các quan lại để thưởng công cho họ.



Tranh vẽ trong lăng mộ vua Ramses III.

Ban quản vụ nam. Việc cai quản hậu cung được giao cho ban quản vụ nam. Công việc của những người này là canh giữ các phụ nữ sống ở hậu cung, tuy nhiên họ không phải là thái giám. Ngoài ra hậu cung cũng có giám quan và thư lại. Lãnh đạo tất cả những người này là tổng quản hậu cung.

Hoạt động đa dạng của hậu cung. Hậu cung sở hữu nhiều đất đai, gia súc và có cả một xưởng dệt. Những nô tỳ và tỳ thiếp nào xuất thân hèn mọn đều bị bắt làm những việc như kéo chỉ, dệt vải và may đồ. Hậu cung là nơi dạy dỗ con cháu các vua quan, đồng thời cũng là nơi đào tạo múa hát cho cung nữ để giúp vui cho các quân vương.

- **Hết âm mưu này đến âm mưu khác**

Lịch sử đã nhiều lần chứng kiến cảnh hậu cung gây náo loạn triều đình. Trước đây, vào năm 2300 TCN, tức trước khi sự kiện trên hơn 11 năm, vua Pepi I đã bí mật xử một phi tần tội âm mưu phản loạn. Năm 1962 TCN, một vụ mưu phản tương tự vụ này đã gây ra cái chết của vua Amenemhat I. Trong vụ này, các phi tần ở hậu cung muốn hậu thuẫn con trai của một người trong số họ chống lại người thừa kế ngai vàng hợp pháp nên đã hối lộ các tay chân thân tín của vua Amenemhat để họ ám sát nhà vua. Vụ giết người được thực hiện vào ban đêm khi nhà vua đang say ngủ và vào đúng lúc người được chỉ định thừa kế ngai vàng đang ở ngoài sa trường chống quân Libya. Nhưng cũng giống như năm 1153 TCN, âm mưu này cuối cùng thất bại bởi vị hoàng tử kế vị trở về triều sớm hơn dự kiến nên đã cứu được ngai vàng khỏi tay những kẻ phản loạn.

Lời nguyền lăng mộ Tutankhamun

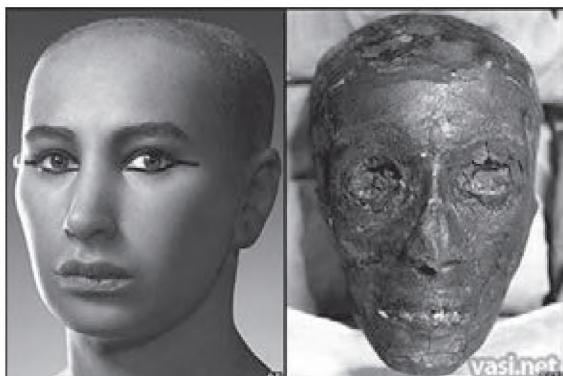
Năm 1922, nhà khảo cổ người Anh Howard Carter đã có một phát hiện tuyệt vời khi tìm ra ngôi mộ của pharaon Tutankhamun. Tuy nhiên các công nhân khai quật cảnh báo ông rằng ngôi mộ này đã bị ốm và những ai xâm phạm sẽ phải gánh lấy cái chết.

• Tutankhamun biến đi đâu?

Năm 1890 Howard Carter, một họa sĩ trẻ, tìm được việc làm ở Bảo tàng Anh khi vừa tròn 17 tuổi. Nhiệm vụ của ông là sao chép các chữ viết tượng hình của Ai Cập cổ. Năm 1891, ông được cử đi làm việc ở Ai Cập và đây là lần đầu tiên ông đến Cairo. Trở thành phụ tá của Flinders Petrie, một nhà Ai Cập học nổi tiếng, ông nhanh chóng học được chữ viết tượng hình của Ai Cập và trở thành một nhà Ai Cập học tài ba.

Năm 1906, Gaston Maspero, quản đốc bảo tàng Cairo giới thiệu huân tước Carnarvon cho ông. Ông này là một đại gia giàu

Chân dung
Tutankhamun
mô phỏng theo
xác ướp của ông



có nhàn rỗi và rất say mê các chữ tượng hình Ai Cập. Do muốn thực hiện các cuộc khai quật nên Carnarvon thuê Carter làm việc cho mình. Ngay từ mùa khai quật đầu tiên, Carter, Carnarvon và những người trong đoàn đã tìm thấy ngôi mộ của một hoàng tử Ai Cập ở triều đại thứ 17. Ngôi mộ này tuy đã bị cướp phá nhưng vẫn còn sót lại một số hiện vật. Phát hiện đầu tiên khiến cho vị đại gia - quý tộc ưa thích Ai Cập học này vô cùng phấn chấn, nhất là khi ông được Carter cho biết là tất cả những vị vua của triều đại thứ 18 đều được mai táng ở Thung lũng Vua và tất cả lăng mộ của họ đều đã được tìm ra trừ một ngôi mộ duy nhất. Đó là mộ của vị vua trẻ tên Tutankhamun, người kế vị vua Akhenaton (hay còn gọi Amenophis IV) trong một thời gian rất ngắn. Các nhà khảo cổ đều cho rằng vua Tutankhamun được chôn cất ở nơi khác vì ông ta không mấy quan trọng và có quãng thời gian trị vì quá ngắn ngủi. Nhưng Carter thì tin ngược lại.

Tượng bán thân bằng gỗ
của Tutankhamun



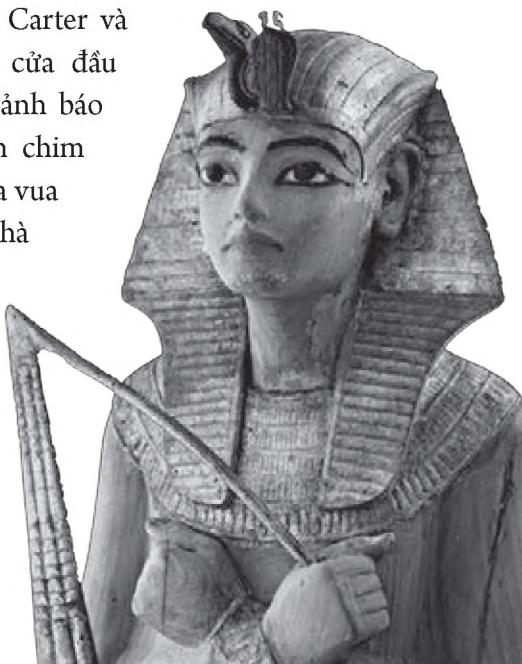
• *Nhiều mùa khai quật*

Khi nghe một người Mỹ tên Davis tuyên bố đã hoàn thành việc khai quật ở khu vực Thung lũng Vua, Carter liền giục Carnarvon đến xin Davis nhượng vùng đất này lại cho ông ta tiếp tục khai quật. Nhưng rồi Thế chiến thứ nhất bùng nổ và hai người đành

phải chờ đến năm 1918 mới có thể bắt tay trở lại công việc. Hàng vạn mét khối đất được moi lên bằng tay vì nơi mà Carter chọn nằm ở một vùng mà các nhà khảo cổ khác biến thành kho gạch vụn. Nhiều mùa khai quật trôi qua. Những người khai quật tìm thấy một vài vật nhưng vẫn chưa tìm thấy mộ. Cuối cùng vào tháng 11 năm 1922, các công nhân khai quật phát hiện ra những bậc thang đi sâu vào lòng đất và dẫn đến một cánh cửa. Đúng ngôi mộ đây rồi! Carter vội vàng thông báo ngay cho Carnarvon, lúc đó đang ở London.

• *Phát hiện lớn nhất thời đại*

Carter có nuôi một con chim hoàng yến. Cả đội khai quật đều rất gắn bó với chú chim này. Với họ, “chú chim vàng” bé nhỏ là con vật mang may mắn đến cho họ. Tuy nhiên chỉ vài ngày trước khi mở cửa mộ, con chim hoàng yến đột nhiên bị một con rắn hổ mang bò vào chuồng và nuốt mất. Bởi rắn hổ mang được xem là biểu tượng của pharaon nên các công nhân xem đây là điềm gở. Khi Carter và Carnarvon chuẩn bị mở cánh cửa đầu tiên thì được người đốc công cảnh báo rằng họ sẽ chết giống như con chim nếu như khuấy động giấc ngủ của vua Tutankhamun. Tuy nhiên, các nhà



Một Shabti trong lăng mộ của Tutankhamun. Shabti là những pho tượng được làm bùa phép để có thể sống dậy phục vụ cho ý nguyện của người đã khuất.



Tranh vẽ trong lăng mộ Tutankhamun

khảo cổ không chút quan tâm đến lời cảnh báo trên. Cùng với Evelyn, con gái của Carnarvon và nhà Ai Cập học Callender, một người tham gia công trình khai quật khác cách đó vài km, mọi người đi vào lòng mộ. Tương truyền, khi vào mộ, Carnarvon đã đọc được dòng chữ: “Cái chết sẽ nhanh chóng đến với người nếu người dám xâm phạm sự thanh bình của hoàng đế”, nhưng ông vẫn phớt lờ. Căn phòng đầu tiên mà họ bước vào chứa một kho báu tuyệt vời, trong đó có ngai vàng, nhiều pho tượng, bàn ghế, xe ngựa, vũ khí, tất cả đều bằng vàng và đá quý. Trong một căn phòng khác lát toàn bằng gạch sứ xanh và vàng có ba chiếc áo quan của Tutankhamun. Chiếc áo quan cuối cùng chứa một số tượng nhỏ cùng nhiều rương nữ trang. Carter và Carnarvon vừa thực hiện được một khám phá khảo cổ học lớn nhất lịch sử, đó là tìm ra ngôi mộ còn nguyên vẹn của một pharaon. Điều kỳ diệu là ngôi mộ này chưa từng bị cướp phá.

- *Lời nguyền của Tutankhamun*

Một năm sau ngày tìm ra ngôi mộ, ngài Carnarvon lên cơn sốt vì bị muỗi cắn. Bệnh tình của ông nhanh chóng trở nên trầm trọng khiến mọi người vội vã đưa ông về Cairo, nhưng đến 2 giờ sáng ngày 5 tháng 4 năm 1923 thì ông trút hơi thở cuối cùng. Do đã nghe phong thanh từ trước về lời cảnh báo của người đốc công trước ngày mở cửa mộ nên giới báo chí tin rằng ngài Carnarvon là nạn nhân đầu tiên của lời nguyền. Chẳng phải là ông ta đã xâm phạm giấc ngủ của pharaon khi đỗ tiên đầu tư vào công trình khai quật đó sao? Diễn biến sự kiện sau đó đã làm hài lòng các nhà báo thích tin giật gân. George Bénédite, nhà Ai Cập học gắn bó với bảo tàng Louvre đột nhiên qua đời sau khi đi thăm ngôi mộ. Đồng nghiệp người Mỹ của ông ta là Arthur Mace cũng chịu chung số phận, sau đó đến lượt người em trai và cô ý tá của ngài Carnarvon, rồi đến thư ký của Howard Carter...

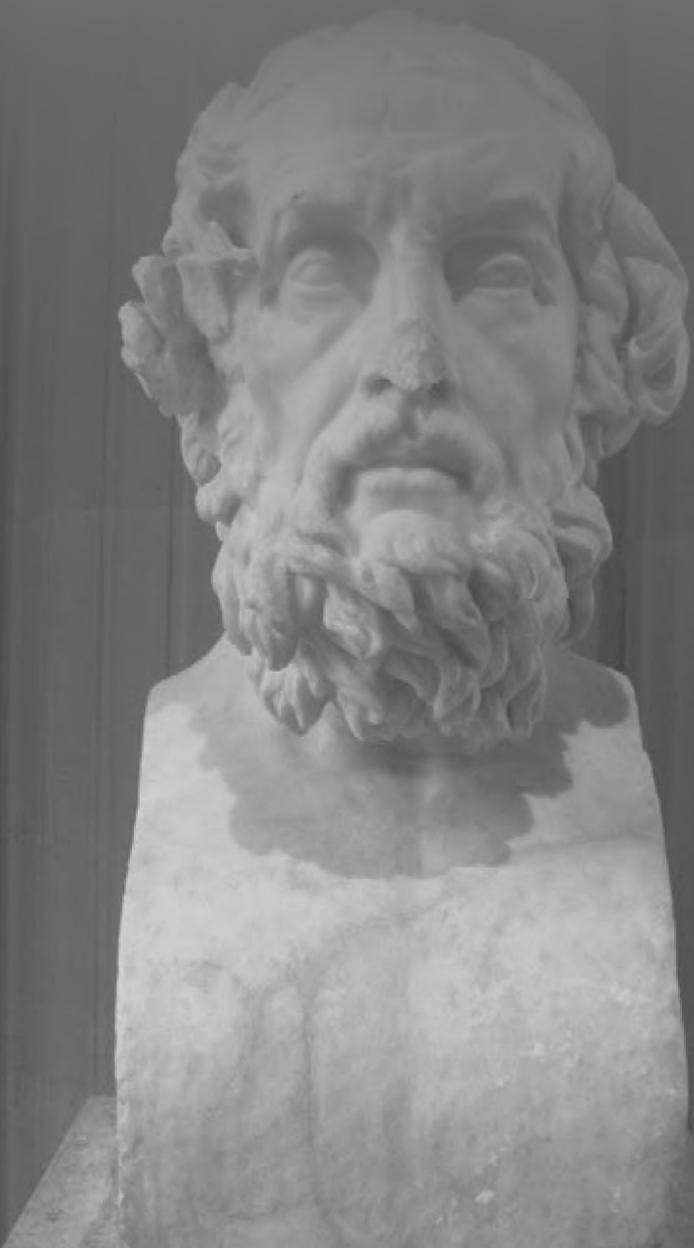
Áo quan của Tutankhamun



- ***Phải chăng có một virus bí ẩn?***

Tính ra có đến 27 người chết một cách bí mật. Phần lớn các nạn nhân đều bị bệnh. Giới báo chí cho rằng có một loại virus sống trong ngôi mộ suốt 3.000 năm, tuy nhiên qua xét nghiệm người ta không tìm thấy bất kỳ virus nào. Tuy nhiên, những cái chết liên tục nối tiếp nhau vẫn chưa đủ để làm người ta tin rằng đây là sự trả thù của pharaon do bị khuấy động giấc ngủ vĩnh cửu. Ngoài cái khí hậu được xem là rất độc ở Ai Cập ra cần phải nhìn nhận rằng trong số những người đầu tiên bước vào ngôi mộ, chỉ có ngài Carnarvon là chết ở tuổi 57 mà thực ra thì sức khỏe của ngài từ lâu cũng đã yếu săn. Còn những người khác cùng tham gia việc mở cửa mộ như Howard Carter, Evelyn Carnarvon và nhà khảo cổ Callender thì mãi đến nhiều năm sau họ mới từ giã cõi đời một cách êm á.

Hy Lạp



Cuộc chiến thành Troy - sự thật hay huyền thoại?

Hai kiệt tác văn học phương Tây là *Iliad* và *Odyssey* đều mô tả các sự kiện diễn ra năm 1200 TCN. Tuy nhiên, từ một thế kỷ nay, các sử gia và các nhà khảo cổ đều không ngót tự hỏi không biết liệu cuộc chiến giữa người Hy Lạp và người thành Troy mà văn hào Homer mô tả có thực sự diễn ra không.

• *Mưu mô Ulysses*

Cuộc chiến giữa người Hy Lạp với người Troy xuất phát từ một câu chuyện tình tuyệt đẹp. Một trong số 50 người con của vua Priam thành Troy là Paris đã bắt cóc người đẹp Helen, vợ của vua Menelas xứ Sparta. Để báo thù và khôi phục danh dự cho anh trai, em của vua Menelas là Agamemnon đã tập hợp một liên minh dân tộc Hy Lạp và dẫn đầu đội quân này tiến đánh Troy.

Suốt mười năm ròng, các anh hùng Hy Lạp là Achilles, Ulysses, Nestor và hai anh em Ajax đã không ngừng tấn công dưới chân thành Troy nhưng vẫn không phá được thành. Là người được mệnh danh là khôn ngoan nhất Hy Lạp, Ulysses liền nghĩ ra một kế là cho đóng một con ngựa gỗ khổng lồ để quân sĩ chui vào ẩn nấp bên trong đồng thời chàng ra lệnh cho quân Hy Lạp giả vờ rút lui. Người dân thành Troy đưa ngựa vào thành không chút ngờ vực. Đến đêm, quân lính nấp bên trong ngựa gỗ chui ra để mở cửa thành cho đồng đội tràn vào.

• *Thành phố bị hủy diệt*

Quân Troy vì đang say ngủ và không mang vũ khí nên trở tay

không kịp. Thành phố chìm trong biển lửa, quân Hy Lạp tràn vào nhà dân để cướp bóc và tàn sát. Cung điện của vua Priam bị vây hãm. Công chúa Cassandra trốn vào đền Athena nhưng bị bắt ra và trở thành chiến lợi phẩm của Agamemnon. Chị dâu của công chúa Cassandra là Andromaque lọt vào tay con trai Achilles. Còn Astyanax, con trai của Hector và cháu nội của vua Priam, thì bị đẩy từ trên thành cao xuống. Vua Priam tuy tuổi tác đã cao nhưng vẫn cầm vũ khí kháng cự đến cùng và bị chém đứt đầu.

Sau cảnh chém giết náo loạn, một sự im lặng chết chóc phủ xuống thành Troy. Kinh đô lộng lẫy thuở nào giờ đây chỉ còn là đống điêu tàn đổ nát.

• *Sự thật lịch sử*

Các sử gia Hy Lạp ở thế kỷ thứ 5 TCN là Hérodote, tác giả của *Những câu chuyện lịch sử*, và Thucydides, tác giả của *Cuộc chiến Peloponnese* đã đưa ra lời giải thích mang nặng tính lịch sử

Cuộc diễu hành của con ngựa thành Troy - Tranh của Giovanni Domenico Tiepolo, thế kỷ 18.



và chính trị cho các tác phẩm văn học của Homer. Hérodote thì cho rằng dân thành Troy là kẻ thù truyền kiếp của Hy Lạp, tức của người Ba Tư hay người Medes. Theo nhân vật “cha đẻ của môn lịch sử” này thì cuộc chiến thành Troy là cuộc chiến đầu tiên của người Medes. Còn phân tích của Thucydides thì nặng phần chính trị hơn. Theo ông, cuộc xung đột mà Homer mô tả là nỗ lực đầu tiên nhằm tập hợp các dân tộc Hy Lạp vào một cuộc chiến, nói tóm lại thì đó là hình thức chủ nghĩa đế quốc cổ Hy Lạp. Dù gì đi nữa thì các tác giả cổ đại cũng không hề nghi ngờ tính chân thực của các thi phẩm này. Dưới mắt họ, những sự kiện mô tả trong các thi phẩm trên đều thực sự xảy ra trong lịch sử.

Nhưng kể từ cuối thời kỳ Cổ đại thì lịch sử thành Troy bắt đầu được xem là truyền thuyết nhiều hơn là một sự kiện có thực.

*Anh hùng thành Troy Aeneas trốn khỏi thành Troy đang bốc cháy.
Tranh của Federico Barocci, 1598.*



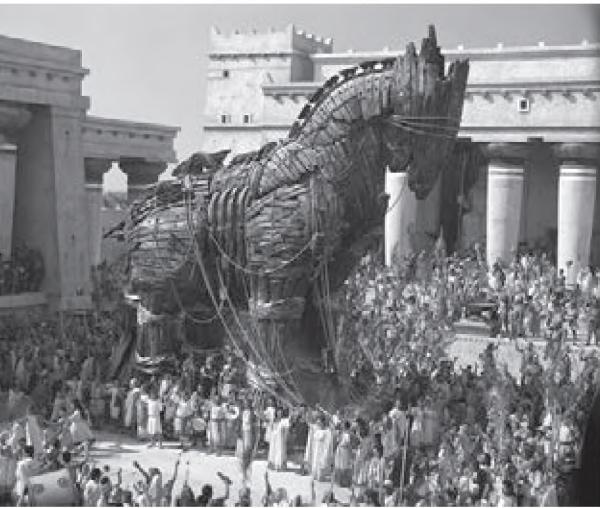
• Phép tích của Troy

Cuối thế kỷ 19, Heinrich Schliemann, một người Đức đam mê văn học Hy Lạp, quyết chứng minh rằng thành Troy trong các câu chuyện kể của Homer là có thật và kết cuộc của Troy quả thực là bi thảm đúng như mô tả của Homer. Nhưng thứ mà ông ta tìm thấy chỉ là một thị trấn nhỏ mà các nhà khảo cổ đặt tên là Troy VII theo thứ tự địa tầng trong khảo cổ học. Nơi này từng tồn tại trước khi xảy ra cuộc chiến thành Troy và các phép tích cho thấy đây là một thị trấn nhỏ hẹp nghèo nàn. Điều này khiến người ta không thể hiểu vì sao quân Hy Lạp lại đưa quân đến đó đánh chiếm. Ngược lại, những khai quật tiến hành ở Mycenae, thành phố của vua Agamemnon, thì lại cho thấy nơi đây có nhiều kho báu. Do đó ta cần loại bỏ giả thuyết cho rằng quân Hy Lạp đánh Troy nhằm mục đích cướp bóc.

• Quyền lực cổ Hy Lạp mở rộng

Năm 1953, một phát hiện lớn đã mở đường cho một diễn giải khác về cuộc chiến thành Troy. Đó là năm mà người ta giải mã được chữ viết trên những phiến đá tìm thấy ở các phép tích của cung Knossos ở Crete và chữ viết tìm thấy ở thị trấn Pylos tại Peloponnese. Kết quả cho thấy chữ viết ở hai nơi này đều có nguồn gốc từ ngôn ngữ Hy Lạp sơ khai. Điều này có nghĩa là quả thực đã tồn tại một quyền lực cổ Hy Lạp mở rộng. Từ đó giả thuyết cho rằng vua thành Mycenae tập trung một liên minh hùng mạnh để tham gia một cuộc chiến tại một nơi xa xôi là có cơ sở về mặt lịch sử.

M.I. Finley, một sử gia nổi tiếng, quả quyết rằng cuộc xung đột giữa hai nước đã xảy ra sớm hơn quãng thời gian trên. Trong tác phẩm *Thế giới của Ulysses*, Finley khẳng định là câu chuyện của



Cảnh trong bộ phim “Cuộc chiến thành Troy” (*Battle for Troy*) thể hiện cảnh người Troy mở hội đón con ngựa gỗ vào thành.

Homer không xảy ra tại Mycenae ở thế kỷ 13 TCN, đồng thời cũng không xảy ra ở các thành phố cổ ở thế kỷ 8 đến 6 TCN. Xã hội mô tả trong hai tác phẩm *Iliad* và *Odyssey* là một xã hội nằm ở thời kỳ tăm tối của lịch sử Hy Lạp tức giữa thời kỳ sụp đổ của Mycenae và thời kỳ ra đời của các thành phố.

• *Phóng đại sự kiện*

Các nhà nghiên cứu thời nay còn đi xa hơn và phân biệt ba cấp độ đọc trong tác phẩm của Homer. Một mặt đây là một thi phẩm tưởng tượng nên không giống với những gì xảy ra trong lịch sử. Mặt khác, thời kỳ mà Homer mô tả trong truyện là thời kỳ huyền thoại xa xôi, thuở vàng son của thành phố Mycenae hùng mạnh. Nhưng các chi tiết mô tả xã hội thì quả đúng là ở thời đó. Vậy, nếu thực sự Hy Lạp cổ đã tiến hành một cuộc viễn chinh ở châu Á thì chắc chắn quy mô cuộc chiến này không lớn bằng quy mô cuộc chiến thành Troy trong huyền thoại mà mãi sau này tầm ảnh hưởng và tầm quan trọng của nó mới được phóng đại lên. Có lẽ, đúng như Thucydides đã nói, đó là vì cuộc chiến này là sự hợp lực của nhiều dân tộc khác nhau ở Hy Lạp nhằm chống lại một dân tộc khác.

Thi hào Homer có thực sự hiện hữu?

Iliad và *Odyssey* là hai thi phẩm nổi tiếng và lâu đời nhất của văn học cổ điển. Nhưng tác giả của hai thi phẩm này là ai?

- *Nhiều phiên bản*

“Hỡi nữ thần, hãy cất cao tiếng hát diễn tả sự giận dữ của Achilles, con trai của Péleus. Sự giận dữ này đã gây muôn vàn khổ đau và khiến bao linh hồn kiêu hãnh của các bậc anh hùng phải rơi vào chốn địa ngục của thần Hades, biến họ thành miếng mồi ngon cho lũ chó và lũ chim trời để hoàn thành ý nguyện của Zeus”. Đó là những dòng mở đầu cho *Iliad*, tác phẩm đầu tiên trong số hai thi phẩm được cho là của thi hào Homer. Trong thi phẩm đầu tay này, Homer thuật lại cuộc chiến thành Troy trong 84 đoán thi. Thi phẩm thứ hai của Homer là thiên anh hùng ca *Odyssey* trong đó nhân vật chính là Ulysses, vua xứ Ithaque, cũng là một nhân vật

Tranh vẽ thể hiện một cảnh trong *Ulysses*.





Tranh vẽ thể hiện một cảnh trong Iliad.

phụ trong *Iliad*. Sau khi trở về từ Troy, Ulysses bị một cơn bão làm lạc hướng, phải lang thang suốt 10 năm trời ở khắp vùng Địa Trung Hải và đương đầu với bọn quái vật cùng những kẻ có phép thuật. Khi về đến Ithaque, chàng đã đánh bại những kẻ nhòm ngó ngai vàng và muốn chiếm đoạt Penelope, người vợ yêu của chàng.

Ở thế kỷ thứ 7 TCN, những người ngâm thơ, thi sĩ và người hát rong đã rong ruổi khắp Hy Lạp để ngâm hai bản anh hùng ca mới này. Đến đâu câu

chuyện của họ cũng được tán thưởng nhiệt liệt và chẳng bao lâu sau các bản hùng ca trở nên nổi tiếng. Nếu như ở thế kỷ thứ 6 TCN thành phố Athens mới bắt đầu tổ chức một buổi biểu diễn ngâm thơ cho công chúng thì đến thế kỷ thứ 5 TCN, mọi thanh niên Hy Lạp đều thuộc lòng hai thi phẩm này. Trong suốt thời gian dài, hai thi phẩm này đã được đưa vào trường học để dạy cho học sinh và được xem là căn bản của giáo dục cổ điển. Ngoài thế mạnh văn học ra, hai thi phẩm này còn chứng tỏ tính thống nhất của văn học Hy Lạp và được xem là biểu tượng của văn minh. Ở thế kỷ thứ 4 TCN, Alexander Đại Đế dù chinh chiến nơi nào cũng đều mang theo bên mình bản thiên anh hùng ca *Iliad* và *Odyssey*.

Hai thi phẩm này được chép lại và lưu truyền rộng rãi. Tuy nhiên nhiều lúc người ghi chép lại đưa thêm vào một vài câu thơ

DI SẢN CỦA TRUYỀN THỐNG TRUYỀN KHẨU

Ngày nay, mọi người đều công nhận tác giả của *Iliad* có thể không phải là tác giả của *Odyssey*. Việc phân tích ngôn ngữ và ý tưởng thi ca cho thấy tính cách của hai tác giả khác hẳn nhau. Có lẽ tác giả của *Iliad* sống ở thế kỷ thứ 8 TCN còn tác giả của *Odyssey* thì sống ở thế kỷ thứ 7 TCN. Thiên anh hùng ca *Odyssey* thể hiện hình ảnh một dân tộc Hy Lạp ưa thích chu du trên sông biển và mong muốn khám phá Địa Trung Hải. Tác phẩm này đã đem đến cho các thần linh một vai trò mới khi không thể hiện họ như những "siêu nhân" hiện diện khắp nơi. Tuy nhiên tác giả của *Odyssey* có lẽ đã khai thác nội dung câu chuyện từ rất nhiều nguồn. Những khiếm khuyết trong kết cấu cùng tính thiếu thống nhất của *Odyssey* khiến người ta nghĩ đây là tác phẩm của nhiều người. Nói chính xác hơn, đó là câu chuyện do nhiều người kể và được một người khéo léo tập hợp và biên soạn lại.

do chính họ sáng tác, vì thế mà đến nay ta có đến hàng trăm phiên bản *Iliad*, mỗi phiên bản đều có chút dị biệt, cho đến khi có sự thanh lọc dưới triều Alexander Đại Đế.

- **Tác phẩm ra đời khi nào?**

Theo truyền thuyết thì Homer sống ở thế kỷ thứ 10 hoặc thứ 11 TCN, nhưng lần đầu hai thi phẩm này được ngâm lại là vào thế kỷ thứ 7 TCN. Tuy nhiên Schadewaldt, một giáo sư tiến sĩ người Đức, lại khẳng định là hai tác phẩm này được thai nghén ở nửa sau của thế kỷ thứ 8 TCN, chính xác là vào khoảng năm 720 TCN. Những dữ kiện khảo cổ học cũng xác nhận đây là thời điểm ra đời của các thi phẩm trên. Quả thật là Homer đã thuật lại những sự kiện được cho là diễn ra ở thời kỳ Mycenae, nhưng thời điểm xảy



Homer được phong thần trong tranh của Jean-Auguste-Dominique Ingres, 1827.

ra lại sai lệch rất nhiều. Tuy nhiên, cho dù có sai lệch về thời gian thì cũng không có nghĩa đây là câu chuyện tưởng tượng và cũng không có nghĩa Homer là người sáng tác duy nhất. Câu chuyện cuộc chiến thành Troy hẳn đã được truyền miệng từ đời này sang đời khác và mãi đến thế kỷ thứ 8 TCN mới được viết thành văn sau khi Ai Cập sáng tạo ra chữ viết.

- *Chỉ một thi hào duy nhất...*

Cho đến thế kỷ 17 vẫn chưa ai nghi ngờ về sự hiện hữu của Homer trong lịch sử. Theo truyền thuyết thì Homer ra đời ở Colophon hoặc Chio, Smyrne, Ios hay Cymè... Nói chung là rất nhiều thành phố tranh giành nhau cái vinh dự được là nơi chôn nhau cất rốn của thi hào này. Cũng theo truyền thuyết, Homer là một người mù. Năm 1670, trong tác phẩm “*Diễn giải các tác phẩm hàn lâm*”, linh mục Aubignac đã lên án các tác phẩm của Homer là thiếu mạch lạc. Đây là lần đầu tiên có người tỏ ra nghi

ngờ việc Homer là tác giả duy nhất. Khẳng định của ông không được ai hưởng ứng nhưng, một thế kỷ sau, tức vào năm 1795 thì nhà thông thái Đức Friedrich-August Wolf cho xuất bản một tác phẩm mang tựa đề *Prolegomena ad Homerum* trong đó ông ta nêu thắc mắc giống hệt Aubignac. Lúc đó là thế kỷ Ánh Sáng, thời kỳ mà việc phê phán văn học cổ điển đang phát triển mạnh, chính vì thế đã nổ ra nhiều cuộc tranh luận xung quanh câu hỏi: phải chăng đằng sau bút hiệu Homer tàng ẩn nhiều tác giả vô danh?

• ... hay nhiều tác giả?

Hai thi phẩm liên được đưa ra phân tích. *Iliad* là một tác phẩm hoàn chỉnh có bố cục không chê vào đâu được. So với *Iliad* thì tác phẩm *Odyssey* xem chừng lộn xộn và ít mạch lạc hơn. Nội dung và tinh thần của hai tác phẩm này khác xa nhau. *Iliad* là một thiên anh hùng ca, trong đó tác giả mang tầm nhìn bao quát khắp vũ trụ khi để cho các thần linh hiện diện khắp nơi. *Iliad* áp dụng mô hình cố định cho cấu trúc của một số cảnh như cảnh đánh nhau hay đụng độ. *Iliad* gần gũi với truyền thuyết truyền khẩu của người Hy Lạp cổ như các bản thiên anh hùng ca cổ và những bài thơ lưu truyền từ nhiều đời.

Tác giả của *Odyssey* thì thiên về những đề tài kỳ dị như quái vật, phù thủy, mỹ nhân ngư, những kẻ mè hoặc bằng phép thuật. Các thần linh ngược lại rất ít hiện diện trong *Odyssey*. Ngay cả Athena, vị nữ thần luôn theo bảo vệ Ulysses trong tác phẩm *Iliad* cũng không đi cùng chàng đến Địa Trung Hải phương Tây mà chỉ xuất hiện khi Ulysses trở về Ithaque. Phần lớn các cảnh mô tả trong *Odyssey* là cảnh đi tìm sự bình yên và êm ả trong cuộc sống đời thường. Ta không tìm thấy ở đây cái tinh thần chiến binh quật cường như trong *Iliad*.

phương đông



Mỏ vàng của vua Solomon

Người ta đồn rằng vị vua của người Hebrew này đã tích lũy được một tài sản khổng lồ. Tài sản này từ đâu ra? Trong Kinh Thánh có nói về một chuyến đi biển khiến ta dễ dàng hình dung đến nhiều chuyến đi biển khác nữa, hướng về một vùng đất bí ẩn có nhiều vàng mang tên là Ophir.

• Giai đoạn 1: thành phố mỏ thời Cổ Đại

Để quản lý vương quốc, xây dựng các pháo đài và duy trì lối sống xa hoa của triều đình, vua Solomon cần rất nhiều vàng. Theo Kinh Thánh, để tìm vàng, nhà vua đã kết thân với vua Hiram de Tyr xứ Phoenicia và được vị vua này giúp đóng tàu ra biển để đi đến xứ sở Ophir huyền bí, một nơi mà truyền thuyết cho rằng có rất nhiều vàng. Con tàu này khởi hành từ cảng Ezion Geber phía Bắc vịnh Aqaba biển Hồng Hải và trở về với 420 talent (đơn vị trọng lượng cổ Hy Lạp), tương đương khoảng 11 tấn vàng.

Năm 1938, nhà khảo cổ người Mỹ tên Nelson Glueck xác định được vị trí của cảng Ezion Geber thuộc nước Jordan hiện nay nằm ở một nơi tên Tell el-Kheleifeh. Đây là



Vua Solomon

một phát hiện quan trọng bởi nó cho thấy vua Solomon cho xây cả một thành phố chỉ để dành riêng cho việc nấu chảy và xử lý đồng và sắt đưa về từ các mỏ.

Những trang thiết bị mà Glueck và đội khai quật của ông tìm thấy chứng tỏ Ezion Geber là một trung tâm thương mại lớn, điểm đến của các đoàn thương buôn Ai Cập, Ả Rập, Judea và là điểm khởi hành của những con tàu bản xứ. Kể từ đó, một góc tấm màn bí mật đã được vén lên, cho thấy vua Solomon đã đổi các đồ vật bằng đồng và bằng sắt ít giá trị để lấy vàng ở Ophir.

- **Giai đoạn 2: Ophir phải chăng ở châu Phi?**

Nhờ biết được số lượng vàng mà các chuyến tàu Phoenicia đưa về là rất lớn nên ta đỡ mất thời gian xác định vị trí của cái xứ sở diệu kỳ kia. Quả thật là lượng vàng lớn dường ấy chỉ có thể đến từ ba quốc gia ở gần Ấn Độ Dương là Ả Rập, Ấn Độ và phía Nam



Phế tích của thành phố Zimbabwe. Cho đến đầu thế kỷ 20, người ta vẫn nghĩ Ophir và Zimbabwe là một.

bờ Đông châu Phi. Ả Rập bị loại khỏi danh sách bởi để đến đó thì không cần phải đi tàu thủy bởi đã có đoàn xe của các thương nhân. Còn người Ấn Độ thì sử dụng nhiều vàng đến nỗi thậm chí còn phải nhập khẩu vàng mặc dù lượng vàng mà nước họ sản xuất rất lớn và được bảo vệ bởi những quốc vương hùng mạnh. Chỉ còn sót lại mỗi phía Nam châu Phi và đặc biệt là vùng đất hiện là Zimbabwe.



Người Phoenicia dâng báu vật cho vua Solomon.

Tại đây, cách bờ biển khoảng 1.000km là những mỏ vàng dồi dào nhất lục địa đen mà chưa ai từng khai thác. Rõ ràng là số vàng mà mọi người thèm muốn thực sự nằm ở đây. Sở dĩ nơi này còn nhiều vàng là vì người châu Phi cổ đã chuyển thẳng từ thời kỳ đồ đá sang thời kỳ đồ sắt mà bỏ qua thời kỳ đồ đồng, điều đó giải thích vì sao đất nước này phải nhập khẩu sắt từ Bắc Phi về bằng đường bộ hoặc đường biển. Chính vì thế mới có quá trình trao đổi vàng và sắt giữa thành phố Ezion Geber với Nam châu Phi. Trong bối cảnh đó, phát hiện của Adam Renders về phế tích của thành phố Zimbabwe kỳ diệu này vào năm 1868 đã làm nảy sinh những hy vọng to lớn.

- **Giai đoạn 3: hy vọng bị dập tan**

Cho đến đầu thế kỷ 19, người ta vẫn tin rằng Zimbabwe - thành phố đá duy nhất của châu Phi và cũng là nơi mà người ta nhìn thấy người Phoenicia sinh sống - và Ophir chỉ là một. Người ta thậm chí còn quan sát thấy nhiều người đỗ xô nhau đi tìm vàng trong vùng. Tuy nhiên đến năm 1929 thì niềm tin này tắt ngấm khi nhà khảo cổ người Anh Gertrude Caton-Thompson chứng minh và xác định được rằng thành phố châu Phi bị bỏ hoang ở thế kỷ 16 này chỉ mới xuất hiện từ thời Trung Cổ.

Như vậy Ophir không phải là một thành phố sản xuất vàng mà chỉ là một khu sản xuất sơ khai, tức vua Solomon cử người đến gặp dân bản xứ tại nơi bây giờ là bờ biển Mozambique để nhận hàng.

Nữ hoàng Sheba - huyền thoại vùng Địa Trung Hải

Nữ hoàng Sheba là một trong những nhân vật bí ẩn kích thích trí tưởng tượng của nhiều thế hệ. Nhân vật nửa người nửa thần thánh này xuất hiện trong nhiều câu chuyện truyền thuyết tôn giáo khác nhau đến mức cả người Do Thái, người Công Giáo lẫn người Hồi Giáo đều tranh giành nàng là của họ.

- **Nhân vật trong Kinh Thánh...**

Nữ hoàng Sheba trong Kinh Thánh lúc đầu chỉ là một nhân vật phụ được dành chỉ vài hàng trong truyền thuyết của người Hebrew. Thực ra thì vị nữ hoàng này được xem là quan trọng cung chỉ vì hình ảnh của nàng gắn liền với một nhân vật lừng lẫy trong lịch sử Do Thái là vua Solomon nổi tiếng khôn ngoan ở thế kỷ thứ 10 TCN, con trai của David. Cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật này đã được Kinh Thánh thuật lại trong sách kể về các vị vua. Truyền kể rằng bị lôi cuốn bởi sự nổi tiếng của vua Solomon, nữ hoàng Sheba đến Jerusalem và đặt cho nhà vua hàng loạt câu hỏi để thử thách sự khôn ngoan của vị vua vĩ đại này. Chính những câu trả lời chính xác của nhà vua cùng sự giàu có xa hoa của triều đình ngài đã khiến nữ hoàng cuối cùng phải công nhận quyền lực của Solomon. Nữ hoàng sau đó đã phải thốt lên những lời than phục như sau: “Bệ hạ thực sự khôn ngoan và giàu có hơn những gì mà ta được nghe nói về ngài. Ta xin vinh danh đấng Vĩnh Hằng, vị Chúa đã đặt ngài lên ngai vàng Israel”. Đoạn kể này cho thấy nữ hoàng Sheba không những xác nhận quyền lực của vương quốc Israel mà còn công nhận vị Thượng Đế vĩ đại của vương quốc đó.



Cuộc gặp gỡ giữa vua Solomon và nữ hoàng Sheba đã tạo cảm hứng cho nhiều họa sĩ.
Tranh của Johann Friedrich August Tischbein.

• ... trong Kinh Koran...

Chính nhờ Kinh Koran và những diễn giải thông thái trong Kinh mà nữ hoàng Sheba trở nên gần gũi với mọi người trong câu chuyện *Nghìn lẻ một đêm* hơn là trong Kinh Thánh. Kinh Koran đã lấy lại câu chuyện nói về sự gặp gỡ giữa nữ hoàng và vua Solomon để đưa vào thiên Sura. Ngay từ đầu câu chuyện đã xuất hiện sự huyền bí qua hình ảnh nhà vua được các thần thánh vây quanh. Còn nữ hoàng Sheba, dưới cái tên Balkis, đã kích thích sự hiếu kỳ của vua Solomon vì, thông qua một con chim thần, ngài biết được rằng “ngoài Thượng Đế ra, vị nữ hoàng và thần dân của mình còn tôn thờ Mặt trời, và sự sùng bái này được hậu thuẫn bởi quỷ Satan”. Đây quả thực là chân dung kỳ lạ của người phụ nữ có quan hệ với quỷ sứ và cũng là người cai trị cả một dân tộc ở xứ sở

Sheba, một vùng đất rất xa Israel. Phần còn lại của câu chuyện thì khá giống với Kinh Thánh, đó là nữ hoàng đến Jerusalem và cuối cùng công nhận Thượng Đế của vua Solomon, tức Thánh Allah. Tuy nhiên Kinh Koran đã thay đổi hẳn hình ảnh của nữ hoàng Sheba. Từ một nhân vật phụ trong Kinh Thánh, nàng trở thành nhân vật chính trong truyền thuyết của người Hồi giáo. Một số nhà bình luận thời đó xem nàng là nhân vật đặc biệt bởi chỉ bằng trực giác mà nàng nhận ra được Thượng Đế trong hình hài nhân gian của người.

• ... và trong các huyền thoại công giáo ở Ethiopia

Hình ảnh nữ hoàng Sheba cũng xuất hiện trong một câu chuyện huyền thoại công giáo của người Ethiopia. Câu chuyện này ra đời từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 14, trong đó nữ hoàng được xem là người sáng lập vương triều. Cốt truyện cũng tương tự với các chuyện kể trong Kinh Thánh và Kinh Koran nhưng có sự thay đổi lớn. Lần này tên của nữ hoàng là Makeda và nàng xuất thân từ thành phố Axum ở Ethiopia. Hình dáng của nàng rất lạ lùng nếu không nói là có phần kỳ dị bởi một trong hai chân của nàng kết thúc bằng một cái móng lừa. Lần này cuộc viếng thăm vua Solomon của nàng mang chiêu hướng khác. Nàng không ca ngợi Thượng Đế mà là hợp pháp hóa một triều đại. Chính vì thế mà câu chuyện huyền thoại này được thêm vào một đoạn khác. Trong đoạn này, vua Solomon do bị nữ hoàng Makeda lôi cuốn nên đã lập mưu lợi dụng nàng. Sau một bữa ăn trưa đặc biệt nhiều mặn, nhà vua buộc nữ hoàng hứa là không được đụng đến bất cứ thứ gì trong hoàng cung. Nhưng vì quá khát nước nên nữ hoàng đã không giữ được lời hứa và lấy nước trong bình uống. Vua Solomon bắt quả tang nàng đụng vào bình nước nên buộc nàng phải ngủ với ngài

một đêm. Trở về nước, nữ hoàng Makeda hạ sinh một bé trai và đặt tên con là Menelik. Đây là câu chuyện mà Ethiopia xem là chủ đạo. Một mặt, câu chuyện này giúp giải thích sự hiện hữu của người Falasha tức những người Do Thái da đen sống ở Ethiopia. Những người này được cho là con cháu của các binh lính và tu sĩ dòng Levi do vua Solomon cử đi hộ tống nữ hoàng về nước. Mặt khác, cho đến trước khi xảy ra cuộc chính biến năm 1975, những vị vua công giáo ở Ethiopia tự xưng mình thuộc dòng dõi Menelik đều lấy mối quan hệ nổi tiếng này (sở dĩ gọi là mối quan hệ nổi tiếng bởi vì những vị vua này cho rằng họ là con cháu của David và Solomon nên cũng xem như có họ với Đức Ki-tô bởi Đức Ki-tô cũng là hậu duệ của David) để biện bạch cho tham vọng là người đi đầu trong việc đưa Thiên Chúa giáo đến châu Phi. Cũng cần nói thêm rằng truyền thuyết này còn biến các vị vua Ethiopia thành những người trông giữ *Hòn đựng pháp điển* cùng các phiến đá khắc 10 điều răn mà Thượng Đế ban cho Moses. Trong truyện, Menelik khi đến tuổi trưởng thành đã đến gặp cha là vua Solomon và sau đó đưa *Hòn đựng pháp điển* về Axum. Đến nay vẫn còn rất nhiều người Ethiopia quả quyết là chiếc hòn này vẫn còn ở đó.

• *Người phụ nữ quyến rũ*

Như vậy có tất cả là ba câu truyện viết về nữ hoàng Sheba. Chúng biến nàng thành một huyền thoại lôi cuốn của vùng Địa Trung Hải. Tuy sức hấp dẫn của các truyền thuyết này rất lớn nhưng mối liên hệ giữa chúng với thực tế lịch sử khó có thể làm sáng tỏ. Ta không dễ xác định vị trí của vương quốc Sheba. Có thể vương quốc này nằm ở nơi hiện nay là đất nước Yemen, nơi vẫn còn tồn tại một vài cộng đồng Do Thái. Chính ở xứ sở quy thuận Hồi giáo

này ở thế kỷ thứ 7 TCN mà câu chuyện trong Kinh Thánh đã được cải biên thành câu chuyện trong Kinh Koran. Còn sở dĩ Ethiopia sở hữu câu chuyện huyền thoại về nữ hoàng Sheba là nhờ tiếp xúc với người Yemen đến buôn bán hoặc sinh sống tại Ethiopia.

Điểm chung của tất cả các câu chuyện này là việc nữ hoàng đến thăm vua Solomon. Vậy đây là câu chuyện có thực hay bịa đặt? Các sử gia đương thời nhìn thấy ở câu chuyện này ký ức về mối quan hệ thương mại giữa bán đảo Ả Rập và vương quốc Do Thái

trong nhiều thế kỷ trước công nguyên. Dù gì thì cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật này cũng đã tạo cảm hứng cho thi hào Gérard de Nerval và giúp cho sáng tác của ông được đưa lên màn ảnh lớn. Nhưng ngoài ý nghĩa kinh tế và tôn giáo của câu chuyện ra thì nữ hoàng Sheba vẫn mãi là hình ảnh của một phụ nữ quyến rũ đầy bí ẩn.



Câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ giữa nữ hoàng Sheba và vua Solomon khác nhau tùy theo xuất xứ của nó từ Kinh Thánh, Kinh Koran hay từ huyền thoại của người Công giáo Ethiopia.

Số phận bi thương của vị vua xứ Lydia

Giàu như Croesus” (vua xứ Lydia) là một thành ngữ quen thuộc ở phương Tây. Thành ngữ này bắt nguồn từ một thực tế hiển nhiên về sự giàu sang tột bực của Croesus, vua xứ Lydia. Nhưng số phận bi thương của nhà vua này cũng nhắc ta nhớ đến bài học luân lý về “tiền bạc không làm nên hạnh phúc”.

- *Croesus, kẻ thù của người Hy Lạp*

Gần như tất cả những gì người ta biết về Croesus đều bắt nguồn từ tác phẩm “Những câu chuyện lịch sử” của Hérodote. Nhà sử học này sống ở thời kỳ diễn ra những cuộc chiến cuối cùng của người Medes (490-479 TCN).

Theo “cha đẻ của lịch sử” này thì vương quốc của vua Croesus nằm ở Lydia và hơi chêch lên phía Bắc, gần các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á. Tuy nhiên, nhà vua vẫn mong muốn mở rộng quyền lực của mình. Hérodote miêu tả nhà vua như “kẻ ngoại xâm đầu tiên tấn công người Hy Lạp và buộc họ triều cống hoặc liên kết với mình”.

- *Tội lỗi tổ tiên*

Ngoài thực tế lịch sử ra còn có cả một truyền thuyết về Croesus. Nếu như Croesus trở thành vua xứ Lydia từ năm 561 TCN thì đó là nhờ ông tổ Gyges của ngài - cận vệ của vua Candaules - đã giết vua và lấy hoàng hậu để soán ngôi. Theo lời sấm ở đền Delphi thì hậu duệ của vua Candaules sẽ trả thù ở thế hệ thứ năm tức thế hệ của Croesus. Tuy biết rõ điều này nhưng vua Croesus vẫn không

Sự sụp đổ của Croesus

"Thế là quân Ba Tư chiếm thành Sardis và bắt sống vua Croesus. Sau 14 năm cai trị, thế mà chỉ sau 14 ngày bị vây hãm, đúng như lời phán truyền, một vương quốc lớn đã không còn tồn tại: vương quốc của Croesus. Quân Ba Tư đưa Croesus đến gặp vua Cyrus. Cyrus ra lệnh nổ lửa một giàn hỏa lớn và buộc Croesus, trên mình đầy xiềng xích, cùng 14 thanh niên Lydia khác bước lên. Có lẽ vua Cyrus muốn dâng các chiến lợi phẩm này lên một thần linh hoặc thực hiện lời thề mà ngài đã lập. Ít ra thì đó cũng là việc Cyrus đang làm. Giữa lúc thập tử nhát sinh trên giàn hỏa, Croesus đột nhiên nhớ đến lời một vị thần đã nói với Solon rằng không có ai mãi hạnh phúc. Nghĩ đến đó, ngài buông tiếng thở dài, thoát ra một tiếng rên rỉ chấm dứt sự im lặng suốt một thời gian dài bằng cách gào tên của Solon đến ba lần. Cyrus nghe thấy và hỏi các thông dịch viên xem người mà Croesus gọi tên là ai. Các nhà thông dịch lại gần Croesus để hỏi và được Croesus đáp rằng: "Đó là người mà ta muốn tất cả các vị vua trò chuyện với ông ta cho dù ta có phải đánh đổi bằng kho báu khổng lồ!"

Hérodote, *Những câu chuyện lịch sử*(I, 86)

chút lo sợ. Ngài đem quân đánh chiếm các thành phố Hy Lạp ở Ionia lẩn trên các đảo và thôn tính nhiều lãnh thổ. Tài sản mà Croesus có được là do cướp bóc hoặc nhờ các cống phẩm, nhờ việc đánh thuế và nhờ tiền buôn người từ các xứ sở mà ngài xâm chiếm. Sardis, nơi mà Croesus đặt kinh đô, trở thành một thành phố nổi tiếng. Tại đây, nhà vua cho xây nhiều lâu đài tráng lệ và không tiếc tiền tuyển mộ các nghệ sĩ, triết gia và thi sĩ.



Croesus khoe kho báu với Solon - Tranh của Frans Francken (Thế kỷ 16)

- **Lời cảnh báo thứ nhất**

Của cải của Lydia tưởng chừng như vô tận. Croesus buộc tất cả các lãnh thổ thuộc lưu vực Địa Trung Hải phải tuân thủ luật tài chính do ngài áp đặt. Do của cải của Croesus vượt xa các vương triều khác nên khắp nơi đều phải sử dụng đơn vị tiền tệ của Lydia. Vua Croesus tự cho mình là người vĩ đại và hạnh phúc nhất trần gian. Ông luôn huênh hoang tuyên bố điều đó... Tuy nhiên nhà vua đã bị một người cảnh báo. Người này là nhà lập pháp nổi tiếng Solon, người được xem như cha đẻ của nền dân chủ Athens. Lôi cuốn bởi hào quang của triều đình, Solon đến Sardis và được Croesus đưa đi thăm khắp các lâu đài nhằm khoe khoang sự giàu có của mình. Khi vua Croesus lên tiếng hỏi: "Khanh có thấy có ai hạnh phúc hơn trăm không?" Nhà thông thái thành Athens bèn

trả lời: “Thần thấy rõ là bệ hạ rất giàu và có dưới trướng rất nhiều bệ tôi nhưng thần không thể trả lời câu hỏi này của bệ hạ khi còn chưa biết bệ hạ có qua đời một cách yên ổn hay không. Người giàu có không thể được xem là hạnh phúc hơn kẻ kiếm tiền độ nhật nếu như số phận không cho phép người đó giàu đến cuối đời. Mọi chuyện như thế nào thì phải chờ xem kết cuộc bởi có rất nhiều người được trời ban phúc nhưng sau đó tước đi tất cả”.

- *Lời phán truyền mơ hồ của nữ giáo sĩ*

Sau đó thì vận rủi bắt đầu trút xuống đầu vua Croesus. Một lần trong mơ, nhà vua thấy con trai mình là tướng quân Atys bị một mũi tên sắt đâm chết. Mặc dù hết sức thận trọng nhưng cuối cùng lời tiên đoán trong mơ cũng biến thành sự thực: Atys bị giết chết trong một tai nạn săn bắn. Sau đó Croesus bị buộc phải ra một quyết định quan trọng. Trước sự vươn lên của đế quốc Ba Tư đặt dưới sự cai trị của vua Cyrus, Croesus do dự không biết nên đàm phán hay gây chiến. Ngài đến đền Delphi để xin ý kiến thần Apollo và không quên đặt vô số cống lê lên điện thờ: bình, cốc bằng vàng, trang phục, liễn bạc và 117 nén vàng ròng... Nhà vua nghĩ rằng số cống phẩm hậu hĩnh này sẽ giúp ngài có được sự ủng hộ của thần Apollo. Tuy nhiên lời phán truyền của nữ giáo sĩ lại không mấy rõ ràng khi chỉ cho biết là một vương quốc hung cường sẽ đại bại. Đó là vương quốc nào? Vì nghĩ rằng đó là vương quốc Ba Tư nên Croesus quyết định tấn công.

- *Thoát khỏi giàn hỏa*

Tai họa giáng xuống đầu Croesus bởi chỉ ngay sau vài trận đánh đầu tiên ở Thymbra, quân Ba Tư đã bất thần bao vây thành Sardis và bắt Croesus làm tù nhân. Bị xử hỏa thiêu và chứng kiến kinh đô



*Croesus
trên giàn thiêu.*

bị cướp phá, nhà vua suy ngẫm lại những gì mà Solon từng cảnh báo về số kiếp báp bênh của con người. Tò mò khi nghe Croesus không ngừng kêu tên Solon lúc ngọn lửa bắt đầu bốc cao, vua Cyrus ra lệnh dập tắt lửa và yêu cầu Croesus kể lại chuyện này. Nghe xong câu chuyện, vua Cyrus vô cùng bối rối vì lo sợ sau này mình cũng sẽ chịu chung số phận nếu như lấy đi mạng sống của Croesus. Thế là từ lòng thương hại, Cyrus sau đó đã xem Croesus như bạn. Mặc dù ngài không trao trả vương quốc cho Croesus nhưng phong cho ông làm quân sư.

Người Phoenicia đã từng đặt chân lên Nam Mỹ?

Năm 1872, người ta đào được một phiến đá gần thành phố Rio de Janeiro trên đó có khắc một bản văn có xuất xứ từ Địa Trung Hải. Đây có phải là bằng chứng người Phoenicia đã đặt chân đến Brazil hai nghìn năm trước khi đất nước này được chính thức phát hiện?

• *Phiến đá Paraiba bí ẩn*

Từ lâu ta đã biết là Christopher Columbus chỉ là “phát hiện lại” Thế giới mới bởi trước ông ta 5 thế kỷ, người Viking đã từng đặt chân đến nơi này. Nhưng các khai quật khảo cổ học lại cho thấy châu Mỹ dường như đã được phát hiện từ trước đó nữa, tức vào thời Cổ Đại.

Ngày 11 tháng 9 năm 1872, tử tước Sapuacahy, chủ tịch Viện sử học thành phố Rio de Janeiro nhận được một bức thư nói về việc phát hiện một phiến đá trong một đồn điền ở Paraiba. Trên phiến đá này có khắc những dòng chữ kỳ lạ mà bản sao của nó được đính kèm theo thư. Tuy nhiên, bản thân phiến đá kỳ lạ thì sau đó mất tăm không ai tìm thấy.

Một số bác học cho rằng trên bản sao phiến đá đó có chữ viết của người Phoenicia. Một người Pháp tên Ernest Renan được mời đến trợ giúp vì tác giả cuốn *Cuộc đời Chúa Jesus* này là một chuyên



Phiến đá Phoenicia tại đảo Motya thuộc Sicily. Một phiến đá tương tự như thế cũng được tìm thấy ở Paraiba, Brazil.

gia về văn minh Phoenicia. Sau khi dịch dòng chữ khắc này ra, Renan tuyên bố chữ khắc trên phiến đá là giả, nhưng bản dịch này ngày nay được xem là sai hoàn toàn. Sau đó đã nổ ra cuộc tranh cãi dữ dội giữa các chuyên gia châu Âu. Điều kỳ lạ là một số chữ khắc trên phiến đá là hoàn toàn lạ lẫm vào thời điểm phát hiện. Điều đó khiến nhiều người nghiêng về ý kiến cho rằng các dòng chữ khắc là thật mặc dù những người hoài nghi vẫn lấy lý do phiến đá bị mất tích để phản bác.

Bản văn khắc bằng ngôn ngữ Phoenicia trên phiến đá

"Chúng tôi là người Cananea Bắc Phi sống tại một thành phố chuyên buôn bán. Chúng tôi bị vứt lên hòn đảo xa xôi đầy đồi núi này. Trước khi con tàu của chúng tôi xuất phát từ cảng Ezion Geber để ra biển Hồng Hải, chúng tôi đã tế một thanh niên cho các thần linh vào năm thứ 19 của triều đại vua Hiram. Chúng tôi có tất cả mười con tàu ra khơi và đi vòng châu Phi bằng đường biển trong suốt hai năm trời. Sau đó chúng tôi bị bàn tay của thần Baal chia cắt nên không đi được cùng nhau nữa. Và rồi 12 người nam và 3 người nữ chúng tôi đến "hòn đảo sắt" này. Một đô đốc hải quân như tôi phải chăng là hạng người trốn chạy? Chắc chắn là không rồi. Xin các thần linh trên trời phò trợ chúng tôi!"

• Bản dịch mới và cách diễn giải mới

Năm 1967 giáo sư Cyrus Gordon - chuyên gia ngôn ngữ cổ, đồng thời là giám đốc khoa nghiên cứu Địa Trung Hải của đại học Brandeis (bang Massachusetts, Mỹ) - lấy bản chữ khắc để dịch lại. Sau đó, ông dựa vào những phát hiện mới nhất để khẳng định rằng những chữ khắc trên phiến đá ở Paraiba không thể là giả. Tuyên bố của ông đã khơi mào cho một cuộc bút chiến mới.

Theo giải thích của Gordon thì vị vua đế cập trong bản khắc không ai khác hơn là Hiram III (552-532 TCN), vì thế thời điểm khắc chữ trên phiến đá hẳn phải là năm 531 TCN. Việc người Carthage kiểm soát vùng Gibraltar là lý do vì sao từ biển Hồng Hải mọi người phải theo hướng Đông để bọc qua châu Phi. “Đảo sắt” đế cập trên phiến đá chính là Brazil, một đất nước có nguồn kim loại dồi dào. “Bàn tay của thần Baal” (thần mưa gió sấm sét, vẫn thường can thiệp vào công việc của con người) có thể mang hai nghĩa, hoặc là nói về một cơn bão hoặc là nói về sự run rủi.

- **Vì sao người Phoenicia không trở về?**

Câu “bị vứt lên hòn đảo xa xôi” cũng như số người ít ỏi trên tàu cho phép ta hiểu là con tàu bị đắm. Nhưng ở một xứ sở rừng rậm như Brazil thì những người đi biển kiên cường vẫn có thể đóng lại một con tàu khác nhau để lèn đường trở ra khơi.

Điều thực sự gây trở ngại cho việc ra khơi chính là gió mậu dịch. Gió mậu dịch vào mùa này thổi từ châu Phi sang châu Mỹ nên tạo điều kiện dễ dàng cho việc ra khơi ở chặng đi. Nhưng các con tàu Phoenicia vì không trang bị bánh lái ở đuôi tàu (một phát minh của châu Âu vào mãi tận thế kỷ 12) nên không thể đi quanh co và chống lại các cơn gió ngược. Điều này cho phép ta suy đoán là thuyền của những người đi biển (cũng chính là những người khắc chữ lên phiến đá) đã đạt vào Nam Mỹ và mãi mãi ở lại lục địa này do không thể trở ra khơi.

Ai cũng biết là các thủy thủ Phoenicia, Crete và Carthage rất táo bạo. Họ thường xuyên vượt ra ngoài giới hạn an toàn của Địa Trung Hải, chính vì thế mà việc họ thực hiện cuộc hành trình trên không có gì là lạ.

AI LÀ NGƯỜI KHÁM PHÁ RA CHÂU MỸ?

Những người thời Cổ Đại. Có thể là trước người Phoenicia đã có những người khác đến châu Mỹ, nhưng đó là bờ biển của Nam Mỹ lục địa. Nếu đúng như lời giáo sư Cyrus Gordon thì những đồ gốm Nhật Bản thuộc triều đại Jomon (Thế kỷ thứ 3 đến thứ 1 TCN) đã được tìm thấy ở vùng xích đạo.

Theo những ghi chép trong biên niên sử của nhà Minh, Trung Quốc, thì dưới sự chỉ huy của đô đốc Trịnh Hòa, một đoàn tàu 60 chiếc đã cập bờ Tây của một lục địa lạ gọi là Fu-Tchang. Fu-Tchang và Nam Mỹ phải chẳng là một?

Từ người Viking đến Christopher Columbus. Ngày nay ta đã biết là người Viking đặt chân lên Bắc Mỹ từ trước năm 1000. Một số công trình nghiên cứu cũng cho thấy người Drakkar còn xuống đến tận phía Nam Amazon.

Tuy nhiên nhiều chỉ dấu cũng cho thấy là có những thủy thủ châu Âu khác cũng từng vượt Đại Tây Dương trong khoảng thời gian giữa hai cuộc hành trình của nhà thám hiểm người Viking Leif Eriksson và Christopher Columbus.

Người La Mã vào năm 1000. Ngoài những câu chuyện bán thần thoại về chuyến du hành của Brandan ở thế kỷ thứ 6 còn có một số chỉ dấu cho thấy nhiều cuộc hành trình vượt biển đã diễn ra ở đầu Công nguyên. Những chỉ dấu này gồm đầu một pho tượng La Mã đào được trong một kim tự tháp ở Mexico và những đồng tiền xu La Mã nằm lẫn với những đồng xu Ả Rập tìm thấy ngoài khơi Venezuela. Tuy nhiên nhiều người vẫn nghi ngờ về tính xác thực của những phát hiện này.



የተመራ የዕለቱ ንግድ ተያዥ አንቀጽ ክፍል ተስፋ ስለሚከተሉ ተስፋ ተስፋ
አንቀጽ ክፍል ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ ተስፋ

Chữ ghi trên phiến đá ở Paraiba.



Mặt dây chuyền mang hình con tàu Phoenicia (năm 400 TCN)

La Mā



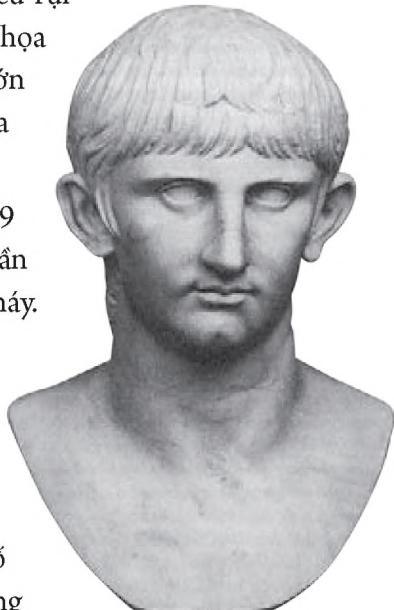
Kẻ đốt thành Roma

Năm 64 sau Công nguyên đã xảy ra một trận hỏa hoạn vô cùng dữ dội kéo dài suốt hơn một tuần liền khiến cho phần lớn thành Roma bị hủy hoại. Ngay sau đó đã dấy lên tin đồn cho rằng hoàng đế Nero chính là kẻ đã châm ngòi cho ngọn lửa.

• Trận hỏa hoạn dữ dội chưa từng thấy

Việc thành phố Roma bị lửa thiêu rụi quả là một bi kịch quốc gia. Thảm họa này không chỉ nổi tiếng vì quy mô lớn chưa từng có mà còn bởi vì kẻ gây ra nó được cho là... hoàng đế Nero!

Vào đêm 18 rạng sáng ngày 19 tháng 7 năm 64, các kho hàng nằm gần Đại Đấu Trường bỗng vô cớ bốc cháy. Gặp gió mạnh, ngọn lửa nhanh chóng bốc cao, lan về hướng đồi Palatin rồi tỏa xuống các con phố dọc đồi Quirinal, đồi Viminal và đồi Esquiline. Bị đánh thức trong cơn say ngủ, người dân thành phố nháo nhào chạy ra đường trong hoảng loạn. Mỗi người nếu không tự thoát thân thì cũng lo cứu người thân hoặc cứu lấy của cải. Lính gác đêm, tức những người có nhiệm vụ phòng cháy và dập cháy, không cách nào ngăn chặn được ngọn lửa do bị màn đêm dày đặc cùng đám đông hỗn loạn gây trở ngại.



Chân dung Nero

Trận hỏa hoạn không những không lắng xuống mà còn tiếp tục hoành hành trong suốt bảy ngày đêm. Khi nhà cầm quyền tướng đã khống chế được ngọn lửa thì nó lại đột ngột bùng lên ở một con phố khác. Mãi đến ngày thứ chín, ngọn lửa mới tắt hẳn. Roma lúc này chỉ còn là đống hoang tàn đổ nát.

Lời chứng của một người thời đó

*Sau khi sự kiện này xảy ra một vài năm,
nhà sử học Latin Tacite (55-120) đã mô tả
trận hỏa hoạn như sau:*

"Ngọn lửa phát ra từ một nơi trong Đấu trường tiếp giáp với đồi Palatin và đồi Caelius. Từ đó, nó bị một ngọn gió mạnh thổi bùng lên và tấp vào số hàng hóa dễ bắt lửa ở các cửa hàng và thiêu hủy tất cả những gì nằm dọc Đấu trường. Quả thật là không gì có thể ngăn được ngọn lửa cho dù đó là những căn nhà được rào chắn kỹ càng hay những ngôi đền có tường bao quanh kiên cố hay những thứ khác tương tự. Đầu tiên ngọn lửa lan nhanh ra các khu vực bằng phẳng rồi sau đó tấp vào các khu phố trên cao trước khi tràn xuống phá hủy các khu vực thấp của thành phố. Với tốc độ kinh hoàng, ngọn lửa lan tới trước cả khi mọi người kịp trở tay. Nó tìm thấy con mồi dễ xơi ở phố cổ Roma, nơi có nhiều con hẻm hẹp quanh co với những căn nhà trồi sụt".

• *Roma bị thiêu rụi*

Trong số 14 khu phố ở Roma, chỉ có 4 khu là không hề hấn gì. 10 khu còn lại thì có khu bị thiêu hủy toàn bộ, có khu bị thiêu hủy một phần. Không thể tổng kết số nạn nhân của trận hỏa hoạn, nhưng có lẽ phải đến 200.000 người Roma phải ra đường ở do nhà cửa bị thiêu hủy. Nơi bị cháy nặng nhất là những khu phố bình dân có nhiều nhà cho thuê. Các công trình cổ kính mà người Roma vô cùng trân trọng chỉ



Thành Roma
trong biển
lửa. Tranh
của James E.
McConnell.

còn là những đống gạch vụn. Các tác phẩm nghệ thuật đưa từ Hy Lạp và phương Đông về để trang trí các nơi công cộng đều hư hại nặng. Sách cổ chép tay trong các thư viện công cộng cũng không thể cứu vãn.

• *Tin đồn động trời*

Ngay từ lúc thảm họa mới xảy ra, mọi người đã tìm hiểu xem ai là người gây ra hỏa hoạn. Ngọn lửa lan nhanh đến mức nhiều người cho rằng trận hỏa hoạn không phải là ngẫu nhiên. Một số người kể rằng họ nhìn thấy nhiều người ném đuốc vào các căn nhà. Chẳng bao lâu, toàn bộ dân chúng thành Roma đều cho rằng người gây ra thảm họa kinh hoàng này không ai khác hơn là Nero. Người thì nói rằng hoàng đế vì muốn xây dựng lại kinh đô nên đã tìm cách san bằng các khu phố cũ. Ké lại cho rằng Nero vì muốn tìm cảm hứng cho thiêng anh hùng ca “Chinh phục thành Troy”

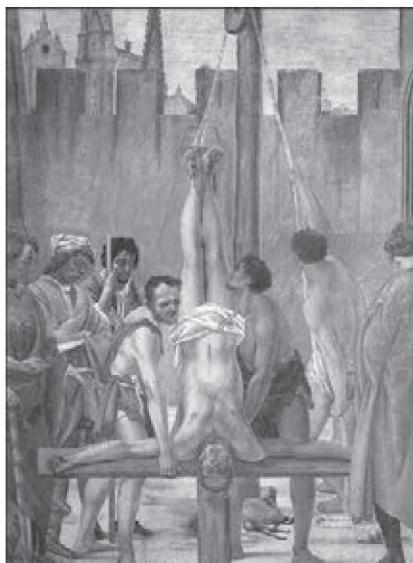


*Nero chiêm ngưỡng
Roma chìm trong lửa.*

mà ngài đang sáng tác nên đã ra lệnh phóng hỏa chính thành phố của mình.

• *Nero thoát tội*

Khi nghe khắp nơi đồn mình là người phóng hỏa, Nero hoảng sợ. Quân chúng đang cần một con tốt thí, vì thế nhà vua phải nhanh chóng chỉ ra kẻ phạm tội để thoát khỏi trách nhiệm này. Quả thật, dân chúng đã nguôi ngoai khi tội ác được đổ lên đầu một giáo phái nhỏ. Các tín đồ của giáo phái này bị vu cáo đã thực hiện những nghi lễ bí ẩn làm phật lòng các vị thần hộ mệnh của Roma. Khoảng 200 tín đồ của giáo phái đó bị bắt và hành quyết. Họ bị biến thành



*Tông đồ Peter bị đóng đinh thập giá
theo lệnh của Nero.*

NHỮNG TRẬN HỎA HOẠN Ở ROMA

Con mồi ngon của bà hỏa. Thành Roma với nhiều tòa nhà gỗ cùng những con hẻm nhỏ hẹp đồng đúc đã tạo điều kiện cho ngọn lửa lan ra nhanh chóng. Cho dù là tai nạn hay tội ác thì ngọn lửa cũng không hề gặp chút khó khăn nào để lan rộng khắp thành phố.

Nhiều trận hỏa hoạn. Từ lúc bắt đầu triều đại vua Augustus (năm 27 TCN) cho đến khi Đế chế La Mã chấm dứt (476 SCN) đã có gần 40 trận hỏa hoạn tàn phá Roma. Trong số đó có bốn trận hỏa hoạn đặc biệt dữ dội xảy ra năm 64, năm 80, năm 190 và năm 283 SCN. Các trận hỏa hoạn này đã thiêu hủy rất nhiều khu dân cư cùng nhiều đền đài và công trình nghệ thuật.

những ngọn đuốc sống để soi sáng các lễ hội mà Nero tổ chức cho dân chúng thành Roma.

- **Hoàng đế phải chăng mắc bệnh xung động phóng hỏa?**

Cho đến nay vẫn chưa ai chứng minh được một cách chắc chắn rằng hoàng đế Nero đã gây ra chuyện này. Thay vì tìm kẻ phóng hỏa, ta hãy trở về với lời giải thích hợp lý và đơn giản nhất: ngọn lửa đã bốc lên từ những kho chứa dầu và kho lúa ở bến tàu rồi nhanh chóng bị gió thổi lan ra. Do thảm họa xảy ra ngay giữa mùa hè nên lính cứu hỏa gần như bất lực vì nguồn nước dự trữ của họ rất hạn chế.

Những điểm báo về cái chết của Caesar

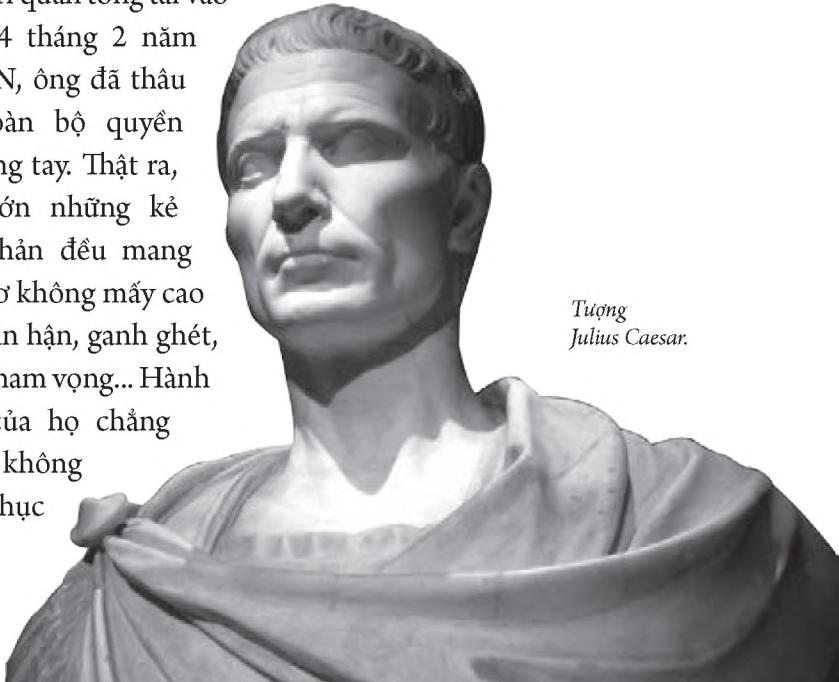
Vào lúc 11 giờ sáng ngày 15 tháng 3 năm 44 TCN, Julius Caesar bị ám sát chết. Có tổng cộng hai mươi ba nhát gươm đâm vào người vị chủ nhân của La Mã. Caesar lấy áo choàng che mặt và, bằng một động tác phẩm hụt, ông dấu đôi chân dưới lớp y phục trước khi lìa trần...

• *Động cơ không mấy cao quý*

Theo lời thú nhận của những kẻ mưu sát thì động cơ giết Caesar là nhằm ngăn ông khôi phục nền quân chủ, nhờ vậy mà cứu lấy nền cộng hòa. Tuy nhiên, Caesar kỳ thực vẫn luôn từ chối ngai vàng. Làm vua liệu có ích gì khi thực quyền của Caesar cũng chẳng khác gì quyền lực của vua? Kể từ lúc được Viện Nguyên lão đề cử vào vị trí quan tổng tài vào

ngày 14 tháng 2 năm 44 TCN, ông đã thâu tóm toàn bộ quyền lực trong tay. Thật ra, phần lớn những kẻ mưu phản đều mang động cơ không mấy cao quý: oán hận, ganh ghét, đố võ tham vọng... Hành động của họ chẳng những không khôi phục

Tượng
Julius Caesar.



lại được nền cộng hòa mà còn mở đầu cho một cuộc nội chiến ở La Mã.

• *Những điểm báo*

Theo lời nhà sử học Suetonius, tác giả của *Cuộc đời Caesar*, thì ngay từ trước khi sự kiện này xảy ra rất lâu đã xuất hiện nhiều điểm báo mà lẽ ra Caesar phải lưu ý. Đầu tiên, Caesar được Spurina, một thầy bói lòng (tức vị tu sĩ chuyên đoán vận mệnh tương lai qua các bộ lòng của những con thú bị hiến tế), cảnh báo là ông sẽ

gặp đại nạn vào ngày 15 tháng 3. Kế đó là việc phát hiện ngôi mộ của Capys, người sáng lập thành La Mã, ở Capoue. Trên mộ là một phiến đá bằng đồng có ghi dòng chữ: “Khi mọi người tìm thấy hài cốt của Capys cũng là lúc một hậu duệ của Iulus (Iulus được Caesar xem là tổ tiên của mình) sẽ chết dưới tay của người

Những điểm báo theo lời kể của Suetonius

“Vào những ngày cuối cùng [trước khi chết], Caesar được tin đàn ngựa mà khi vượt sông Rubicon ngài đã hứa tặng cho thần sông bỗng nhiên không chịu ăn uống và chảy nước mắt ròng ròng. Ngoài ra khi làm lễ hiến tế, thầy bói lòng Spurina đã cảnh báo ngài “phải coi chừng mối nguy hiểm đang chực chờ trong ngày 15 tháng 3”. Ngay trước ngày này, một con chim hồng tước có lông trên đầu giống như vòng nguyệt quế trong khi đang bay về hướng Viện Nguyên lão ở Pompei thì bị nhiều loài chim khác đuổi theo và xé xác ngay tại sảnh đường của Viện Nguyên lão. Vào cái đêm trước khi bị giết, Caesar nằm mơ thấy mình khi thi bay trên các tầng mây lúc lại đang nắm chặt tay thần Jupiter, còn vợ của ngài là phu nhân Calpurnia thì mơ thấy nóc nhà của họ đột nhiên sụp xuống và phu quân của bà bị đâm nhiều nhát giữa hai cánh tay, và rồi bất thình linh cánh cửa phòng ngủ của họ tự mở ra...”

Suetonius, *Caesar*, LXXXI.

thân và Italia sẽ gánh chịu đại họa khủng khiếp để đền tội cho cái chết này”.

Ngoài ra những con ngựa của Caesar cũng có nhiều biểu hiện lạ lùng. Đây là bầy ngựa mà Caesar dành để tế thần sông Rubicon sau khi cùng đoàn quân vượt qua sông này để khởi đầu cuộc nội chiến và sau đó chiến thắng trở về.

Theo Suetonius thì trước khi vị tổng tài này bị ám sát vài ngày, đàn ngựa của ông “nhất định không chịu ăn uống và chảy nước mắt ròng ròng”. Và rồi, ngay trước ngày 15 tháng 3, con chim hông tước có lông trên đầu giống như vòng nguyệt quế đột nhiên bị các con chim khác xé xác ngay tại chính căn phòng mà Viện Nguyên lão sắp họp. Ngày định mệnh càng đến gần thì các điềm báo càng rõ rệt. Trong bữa ăn tối cuối cùng, Caesar đã cùng các thực khách tranh cãi về chuyện chết thế nào là tốt nhất. Caesar nói rằng ngài thích “được chết đột ngột không biết trước”, một ước nguyện mà

“Cái chết của Julius Caesar”. Tranh của Vincenzo Camuccini.



chẳng bao lâu sau đã biến thành sự thực. Trong những giờ tiếp sau đó, Caesar và Calpurnia, vợ ông, đều gặp ác mộng.

• *Brutus, kẻ phản bội*

Kinh hoàng trước cơn ác mộng, Calpurnia nài xin phu quân ở nhà, không đi ra ngoài, và Caesar đã nhượng bộ. Ông nhờ một người bạn là tướng Marc Antoine hoãn cuộc họp Viện Nguyên lão lại. Nhưng Brutus, người mà Caesar luôn xem như con đẻ đồng thời cũng là kẻ tham gia mưu phản đã có mặt ở đó. Lo ngại âm mưu bị thất bại, Brutus với can thiệp vào, nói rằng cư xử như vậy là không xứng với uy danh của Ceasar. Và lẽ nào Ceasar có thể tin vào những giấc mơ và những điềm báo hão huyền? Lời của Brutus cuối cùng đã thuyết phục được nhà độc tài, khiến ngài quyết định không thay đổi kế hoạch. Thế là Ceasar đã lên kiệu đến Viện Nguyên lão. Trên đường đi, bỗng đâu có một người rẽ đám đông chạy đến trao cho ông tờ giấy và xin ông đọc ngay tại chỗ, nhưng lúc đó Ceasar đã bị đánh lạc hướng nên không chú ý đến việc này. Tờ giấy đó viết gì mà cấp thiết như vậy? Đơn giản là nó tiết lộ cho Ceasar về vụ mưu sát. Trên đường đi, Ceasar cũng gặp Spurina và đã nói với ông ta bằng giọng bối rối: “Ngày



Calpurnia nài xin Ceasar không đến
Viện Nguyên lão.

15 tháng 3 đến rồi đấy”. Người thầy bói đã trả lời: “Vâng, ngày 15 tháng 3 đã đến nhưng nó còn chưa qua”.

- **Cuộc muu sát**

Caesar lại tiếp tục lên đường. Khi ông đến nơi thì cũng là lúc các tu sĩ đang làm lễ tế thần. Họ liên tiếp giết nhiều con vật nhưng đều không đạt kết quả: con vật nào cũng chỉ ra điềm xấu. Và khi nhà độc tài thất vọng quay về phía mặt trời lặn thì các tu sĩ lại xem đó là điềm báo còn xấu hơn. Cuối cùng thì Caesar cũng bước vào Viện Nguyên lão nơi các nguyên lão đang tụ họp. Xung quanh ngai vàng của ông đã có sẵn một nhóm 23 nguyên lão đang đứng chờ. Còn người thứ 24 thì đứng bên ngoài để chặn không cho tướng Marc Antoine vào giải cứu. Caesar không hề ngạc nhiên trước sự tụ tập này. Ông tự tin tiến đến ngai vàng và ngồi xuống. Một nguyên lão lập tức tiến lại gần cầu xin ông ân xá cho một người em bị lưu đày. 22 nguyên lão khác cũng tiến đến gần Caesar để xin phu nhưng tất cả đều bị Caesar khuất từ. Các nguyên lão ngày càng siết chặt vòng vây. Caesar đứng dậy đẩy họ ra, nhưng một người trong số họ đã giật chiếc áo khoác của ông. Đây là ám hiệu tấn công. Những người mưu phản đồng loạt rút dao kiếm dấu trong y phục, đâm túi bụi vào Caesar. Nhưng chỉ duy nhất một nhát gươm đã lấy được mạng sống của ông. Ngạc nhiên khi nhìn thấy Brutus trong số những kẻ ám sát, Caesar chỉ kịp buông ra câu nói bất hủ: “Cả con nữa ư, con trai của ta”.

phương tây



Vua Arthur - huyền thoại và sự thật

Là người hùng trong cuộc kháng chiến của người Celts chống quân Anglo-saxon xâm lược, vua Arthur trở thành chủ đề trong những áng văn đẹp nhất của các nhà thơ Trung Cổ. Nhưng vị vua vĩ đại này là nhân vật huyền thoại hay quả thực là kẻ đã chém bay đầu quân Anglo-saxon bằng thanh gươm *Excalibur* nổi tiếng?

- *Thanh gươm thần kỳ*

Một thời gian sau khi người La Mã rời khỏi Great-Britain (Anh), người Celts tự phân thành nhiều vương quốc nhỏ và chẳng bao lâu sau các vương quốc này bắt đầu gây hấn với nhau. Tương truyền rằng một trong những vương quốc này nằm dưới sự cai trị của vua Uther Pendragon. Nhờ mưu mẹo của thầy tế Merlin mà vua Uther đã ngủ được với giai nhân Igraine, vợ của một trong những kẻ thù của ông ta. Chín tháng sau, một đứa bé ra đời mang tên Arthur và được giao cho Merlin nuôi nấng.

Lúc còn là một thiếu niên, Arthur đã chứng tỏ là mình mang vinh dự của hoàng gia khi không chút khó khăn rút được thanh gươm *Excalibur* huyền diệu ra khỏi một khối đá. Vua Arthur là người có công thống nhất các tiểu vương



Thanh gươm Excalibur huyền thoại.

quốc ở Anh và đẩy lui quân Saxon xâm lược ra tận đại lục. Cùng với hoàng hậu Guinevere, vua Arthur cai trị dân chúng ở kinh đô Camelot đầy ánh sáng, nơi ngài quy tụ quanh một chiếc bàn tròn những hiệp sĩ phi thường như Gauvain, Kay, Perceval, Lancelot, Tristan... Nhà vua không hề biết rằng mình có một đứa con trai với tiên nữ Morgane người em gái cùng cha khác mẹ của ngài. Cho đến một ngày Mordred (tên người con trai đó) trở về cung điện của vua cha để đòi ngai vàng. Hai cha con đã quyết chiến một trận sinh tử. Trước khi lìa đời, Arthur ra lệnh đem thanh gươm thần diệu của mình ném xuống hồ để giao trả lại cho tiên nữ Viviane, "nữ thần giữ hồ" đã nuôi dạy hiệp sĩ Lancelot và mê hoặc thầy tế Merlin...

- *Sứa đời của một huyền thoại*

Sử gia Nennius là tác giả đầu tiên đưa tên vua Arthur vào tác phẩm *Lịch sử người Britain (Historia Brittanum)* mà ông soạn ra năm 826. Đây là một tác phẩm lấy cảm hứng từ một câu chuyện kể xảy ra ở thời trước đó nữa. Nennius viết về Arthur như một "dux bellorum" tức một thủ lãnh chiến tranh độc lập do các vị vua chỉ định. Các vị vua này buộc phải liên kết với nhau nhưng không người nào chịu để người khác nắm quyền chỉ huy. Nguyên do khiến họ phải liên minh là vì vua Guthrigen của người Celts đã phạm sai lầm khi mời người



Vua Arthur phải chăng là một huyền thoại?



Giấc ngủ của vua Arthur ở Avalon. Tranh của Edward Burne-Jones (1898)

Saxon cùng tham gia trận chiến chống ngoại xâm vào năm 449, để rồi sau đó bị họ trở mặt, đánh lại chính người Celts. Để không bị hủy diệt, người Celts phải liên kết lại dưới sự lãnh đạo của Arthur. Từ năm 456 trở đi, nhiều trận đánh đã diễn ra cho đến khi quân Celts đại thắng ở Badon Hill. Trận thắng này được *Biên niên sử của xứ Wales* (năm 995) xác định là xảy ra vào năm 518. Tác phẩm này cũng xác định ngày qua đời của Arthur là vào năm 529 ở Camlann. Lúc này ông đã trên 90 tuổi.

Geoffroy de Monmouth, người viết *Lịch sử các vị vua Great Britain* năm 1136, đã khai thác các chiến tích của Arthur và biến Arthur thành một vị vua. Ông cũng là người đưa nhân vật Merlin hoang đường vào trong chuyện kể của mình và dựng lên tất cả những sự kiện mà sau này đã tạo cảm hứng cho các nhà thơ.

"CHỨNG CỨ" KHÔNG MẤY THUYẾT PHỤC

Phé tích của lâu đài Tintagel (nơi nàng Igraine hạ sinh Arthur trong truyền thuyết) nằm trên một mũi đất ven biển, phía Bắc quận Cornwall. Tòa lâu đài này chắc chắn được xây vào thời đó. Các bức tường lâu đài được xây bằng đá bảng, kết dính với nhau bằng vữa. Tháp phòng ngự bằng đá đến nay vẫn trụ vững.

Trải qua nhiều thế kỷ chiếc bàn tròn vẫn còn đó, chứng thực cho sự tồn tại của vua Arthur. Đó là một thớt gỗ sồi hình tròn có đường kính rộng sáu mét. Chiếc bàn hiện đang được trưng bày tại lâu đài Winchester. Tuy nhiên, sau khi phân tích, người ta phát hiện ra là chiếc bàn này thật ra được làm ở thế kỷ 13 và được sơn lại ở thế kỷ 16 dưới thời vua Henri VII.



Chiến công của các hiệp sĩ dưới quyền vua Arthur xuất phát từ những hội nghị bàn tròn.

Glastonbury là một tu viện nằm ở phía Nam thành phố Bristol thuộc quận Somerset. Năm 1911, các tu sĩ sống trong tu viện tuyên bố là đã tìm thấy thi thể vua Arthur và hoàng hậu Guinevere nơi đây. Tin này đã gây xúc động mạnh và một lần nữa

thi thể được cho là của vua Arthur và hoàng hậu Guinevere lại được an táng một cách trọng thể. Ngày nay, ta vẫn có thể nhìn thấy những tấm bia mộ còn mới ngay giữa thảm cỏ của tu viện. Làm thế nào các tu sĩ có thể nhận diện được hài cốt của vua Arthur? Câu trả lời của họ là: "Dựa vào dáng vẻ quý phái của các hài cốt".... Với câu trả lời này, tính xác thực của phát hiện dĩ nhiên không có gì là đảm bảo.



Phế tích của lâu đài
Tintagel do bá tước
Richard de Cornwall
xây dựng năm 1240.
Theo truyền thuyết thì đây
là nơi vua Arthur ra đời.

• *Giả thuyết về vị thủ lĩnh chiến tranh*

Nhiều sử gia đã tìm cách xác định vị trí của kinh đô Camelot của vua Arthur. Cái tên *Camelot* có lẽ xuất phát từ *Camulos*, tên vị thần Chiến tranh của người Celts. Thành phố đã tạo cảm hứng cho câu chuyện huyền thoại về vua Arthur được cho là nằm ở Cornwall, Somerset hoặc Wales nhưng chắc chắn nhất là ở Devonshire. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy ở Cadbury vết tích của những thành lũy quây tròn, tàn tích của chiến lũy quan trọng và nổi tiếng nhất thời đó. Nếu như có một vị vua kháng cự quân thù một cách hiệu quả vào thời đó thì át đó là nhờ ông ta đã đóng đô ở Cadbury.

Vậy vua Arthur có hiện hữu không? Chắc chắn một điều là ở cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 đã có một quãng thời gian mà quân Saxon xâm lược đã phải khụng lại và bị đẩy lùi. Để đạt được điều đó hẳn phải có sự liên kết giữa nhiều vị vua Celts. Nhưng liên minh này muốn được bền lâu thì phải có một thủ lĩnh không thuộc phe cánh nào. Căn cứ các chiến công đạt được, người thủ lĩnh này hẳn phải là một cựu tướng lĩnh La Mã, tức một người thông thạo chiến lược và nghệ thuật cầm quân... Cớ sao người đó không phải là Arthur?

Địa điểm bí ẩn của một trận chiến lừng danh

Trận chiến ở Alésia (năm 52 TCN) khắc sâu trong ký ức nhân loại bởi lẽ đó là trận chiến giữa hai vị danh tướng: Julius Caesar người La Mã và Vercingétorix người Gaule.

Một cuộc bút chiến dữ dội đã bùng lên ở Pháp vào thế kỷ 19 để xác định nơi diễn ra trận chiến nổi tiếng cách đây gần 2.000 năm này.

- *Cuộc đói đầu Julius Caesar - Vercingétorix*

Trận chiến này là đoạn kết của phong trào nổi dậy chống La Mã của người Gaule. Bị đánh bại, vị chỉ huy của xứ Gaule Vercingétorix cùng tàn quân lui về cố thủ tại một vị trí phòng ngự thuộc về bộ tộc Mandubien. Đó là công sự Alésia, một trong những thành trì của nền văn minh Celtic ở Gaule vào thế kỷ I TCN. Công sự là phần cốt lõi của một thành phố với chức năng chủ yếu là phòng ngự. Do nằm ở địa thế cao nên nơi này có thể giúp bộ tộc Gaule lánh nạn và dễ dàng chống trả quân địch.

Theo như mô tả của Caesar trong tác phẩm *Cuộc chiến của người Gaule* thì Alésia là một nơi như thế. Đó là một cao nguyên rộng 90 hecta bị một vách đá thẳng đứng tách rời khỏi vùng đồng bằng. Mọi lối đi lên cao nguyên đều bị chặn bởi một bức tường đá xây quanh một hệ thống những đinh và cọc đan chéo nhau. Hệ thống phòng thủ này có thể chống được lửa và cả các phương tiện công phá thành. Tóm lại, đó là một vị trí khó đánh chiếm...

Tuy nhiên, bằng nỗ lực phi thường, Caesar và đoàn quân lê dương của ông ta đã dựng lên một hàng rào vây hãm kiên cố mà không một người hay vật nào có thể lọt qua. Sau khi quân cứu viện



Vercingétorix đến đầu hàng trước Caesar. Tranh của De Neuville.

địa phương bị các binh đoàn La Mã đánh tan tác, những người bị vây hãm trong thành đành đầu hàng. Cuộc chiến của người Gaul thế là kết thúc, mặc dù cuộc chiến của các nhà khảo cổ vẫn còn chưa bắt đầu.

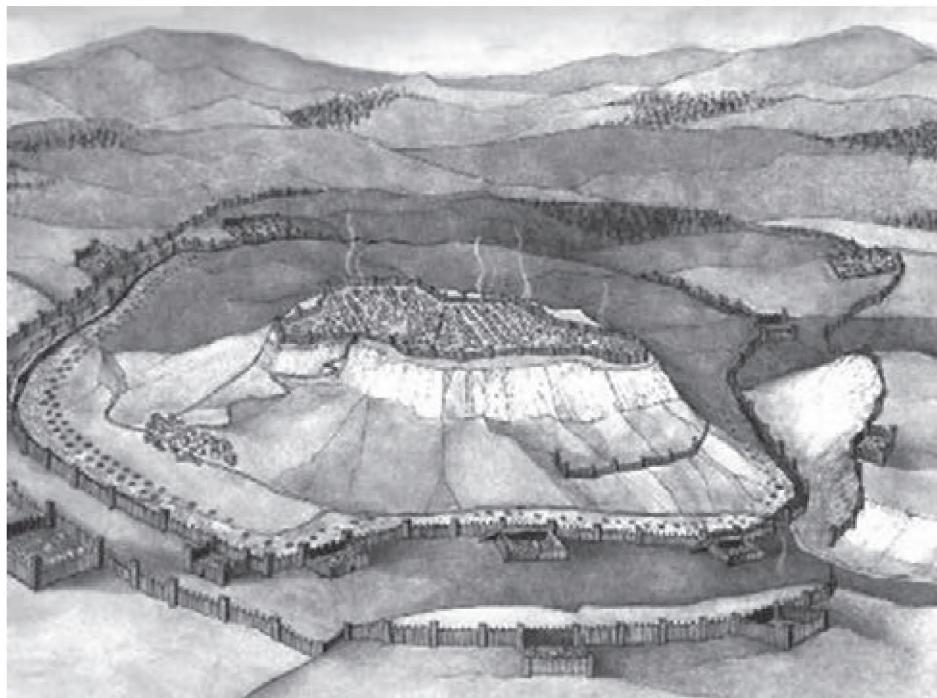
• *Cuộc tranh cãi quyết liệt giữa các nhà bác học ở Đế chế thứ hai*

Theo một truyền thuyết ở Bourgogne thì Alésia nằm trên một vùng đất cao ở rìa cao nguyên Langres (bờ biển Vàng) tức núi Auxois thuộc làng Alise-Sainte-Reine. Không ai tranh luận chuyện này bởi lẽ cái tên Alise chẳng phải từ Alésia mà ra đó sao?

Đến năm 1855 thì mọi chuyện thay đổi. Vụ ầm ĩ này do một nhóm học thuật gây ra. Hội Doubs (tên của nhóm này) tự cho mình là người tiên phong trong bảo vệ lợi ích của vùng Franche-Comté và nâng cao địa vị lịch sử của nó trong tương quan với vùng Bourgogne. Dưới sự xúi giục của một kiến trúc sư tên Delacroix sống ở Besançon, Hội này đề nghị “đưa” Alésia về Alaise, một

vùng thuộc tỉnh Doubs. Đề nghị này được nhiều khoa học gia tên tuổi ủng hộ. Các nhà khoa học ở Bourgogne cực lực phản đối, quyết giữ Alésia ở lại Alise. Cuộc tranh cãi nhanh chóng lan ra cả nước. Số báo cáo khoa học, tờ quảng bá và cả những bài báo của hai phe cứ thế không ngừng tăng lên. Các cơ quan văn hóa hàng đầu như Học viện Nghiên cứu Chữ viết và Văn học đều từ chối làm trọng tài để phân xử cuộc bút chiến này. Sự việc trở nên đình đám đến nỗi cả hoàng đế Napoléon II, tác giả của “Câu chuyện về Julius Caesar”, cũng quan tâm. Để xoa dịu tình hình, hoàng đế cho thành lập ban do vẽ địa hình xứ Gaule. Ban này có nhiệm vụ phối hợp xây dựng một dự án khai quật và lập bản đồ thể hiện các địa điểm chính xác của lãnh thổ nước Pháp ở thời kỳ đầu của Công nguyên.

Công sự Alésia



- *Từ những phát hiện khảo cổ sai lệch cho đến những khám phá chính xác*

Ngay trong lân đâu khai quật xung quanh làng Alise năm 1860, người ta đã tìm thấy những chiếc rìu và vũ khí bằng đồng. Người Bourgogne lập tức reo mừng thắng lợi, nhưng họ đã lầm bởi năm 52 TCN cách xa thời đại đồ đồng đến hơn một nghìn năm, và nền văn minh xứ Gaule thời điểm đó đã đủ phát triển để sở hữu vũ khí bằng sắt...

Nhưng người ta cũng tìm thấy ở đây những chiếc hào có kích thước tương ứng với các công sự mà Caesar mô tả trong tác phẩm *Bình luận*. Dưới hào có những đồng xu La Mã mà ta có thể dễ dàng xác định niên đại là trước năm 52 TCN. Chứng cứ này đã đủ hay chưa? Vẫn có nhiều lời bàn ra tán vào về chuyện này. Người ta thậm chí còn tiến hành đo đạc thung lũng dưới núi Auxois theo đủ mọi hướng để kiểm chứng xem các số đo này có tương ứng với khoảng cách “3000 bước chân” mà Caesar đã từng ước lượng hay không.

Các nhà khai quật ở đế chế thứ hai còn tìm thấy một hố chất đầy xương người và xương ngựa cùng với vũ khí ở dưới chân đồi, nơi mà họ cho rằng đoàn quân cứu viện của xứ Gaule đã bị đánh bại bởi quân La Mã...

- *Kết quả khoa học thống nhất với truyền thuyết địa phương*

Năm 1906, các bác học thuộc Hội khoa học lịch sử Semur-en-Auxois lại một lần nữa tiến hành khảo sát núi Auxois. Lần này, số lượng những phát hiện được rất nhiều và rất thuyết phục.

Tuy các nhà nghiên cứu vẫn tiếp tục quan tâm đến Alésia ở xứ Gaule, nhưng họ cũng bị lôi cuốn bởi sự phồn vinh của các



Cuộc chiến trên lưng ngựa của các chiến binh xứ Gaule.
Tranh màu nước của Théodore Chassériau.

thành phố Gaule-La Mã ở những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên công giáo thể hiện qua các công trình kiến trúc phong phú như nghị viện, đài tưởng niệm, nhà cửa và những thánh đường Thiên Chúa giáo.

Giờ đây, tuy các kiến nghị đưa Alésia về Alise vẫn chưa dứt hẳn nhưng mọi thứ đều đã rõ. Các nhà khảo cổ cuối cùng đã chứng minh được rằng Alésia quả đúng là nằm trên núi Auxois đúng như truyền thuyết.

Truyền thuyết về những vị vua lười nhác

Triều đại Mérovingien (Pháp) tạo những cảm hứng bất tận cho truyền thuyết. Nhưng các đấng quân vương ở triều đại thứ nhất của người Franks có thực chỉ biết ăn không ngồi rồi?

- *Vương quyền suy yếu*

Truyền thuyết về những vị vua lười nhác đã ra đời vào thời kỳ rối loạn chính trị sau khi vua Dagobert băng hà năm 639, dẫn đến sự vươn lên của dòng họ Pippinides (tổ tiên của Charlemagne) kể từ nửa sau của thế kỷ thứ 7. Xứ Gaule lúc đó được phân ra làm nhiều lãnh địa (Neustrie, Austrasie, Burgondie hay còn gọi là Bourgogne, và cuối cùng là Aquitaine) chia đều cho những người cuối cùng thuộc triều đại Mérovingien.

Cứ mỗi khi đổi ngôi là lại diễn ra việc tranh chấp đất đai thừa kế, dẫn đến những cuộc nội chiến và tàn sát lẫn nhau khiến cho vương quyền ngày càng suy yếu. Song song với tình trạng hỗn



Clotaire I, vua của người Franks (498-561)

độn này, ở thế kỷ thứ 7 còn có việc các quý tộc địa phương hậu thuẫn cho các thừa tướng làm nhiệm vụ quản lý đất đai của vua (do đó có quyền cấp đất cho giới quý tộc để thưởng công họ phục vụ tốt triều đình). Thừa tướng vì thế ngày càng có nhiều quyền lực trong triều và bắt đầu tìm cách tiếm quyền của vua.

- **Và thế là những ông vua lười nhác xuất hiện**

Năm 673, thừa tướng Ébroin ở Neustrie muốn tiếm quyền bằng cách đưa một vị vua bù nhìn lên ngôi. Vị vua này là Thierry, con trai thứ ba của vua Clovis II với hoàng hậu Bathilde. Vua Thierry III được xem là vị vua vô tích sự đầu tiên. Bị Ébroin nhiều lần giật dây rồi phế bỏ, vị vua này chỉ biết ngoan ngoãn leo lên, leo xuống chiếc ngai vàng để rồi rốt cuộc bị tống vào tu viện. Vương quốc thế là bị phân thành nhiều công quốc tự trị hay độc lập, và cuối cùng thì dòng họ Pippinides lên nắm quyền ở Neustrie.

Năm 687, Pépin le Jeune hay còn gọi là Pépin de Herstal đánh bại quân Neustrie ở trận Tertry và trở thành thừa tướng của vua Thierry. Nhà vua từ đó trở thành con tin của Pépin. Charles Martel, đứa con ngoài giá thú của Pépin đồng thời cũng là chủ nhân xứ Austrasie và xứ Neustrie, là người deo đuổi sự nghiệp thống nhất dân tộc Francs. Tuy nhiên sự nghiệp này chỉ hoàn tất dưới triều đại của con trai ông ta là Pépin le Bref, người được phong vương năm 751 sau khi vua Chiladeric III, đại diện cuối cùng của triều Mérovingien, bị truất phế.

- **Khi triều Carolingien tuyên truyền chống triều Mérovingien**

Có thể thấy rõ cái lợi mà những người thuộc triều Carolingien (tức những người kế tục dòng dõi Pippinides) được hưởng khi dựng lên truyền thuyết về các vị vua Mérovingien lười biếng.

Điều này là để hợp thức hóa việc tiếm ngôi của họ. Truyền thuyết xưa nhất được thuật lại bởi Eginhard, thư ký và cũng là người viết tiểu sử cho Charlemagne. Truyền thuyết này sau đó được lấy lại ở thế kỷ 10 và 13 để đưa vào *Đại biên niên sử của Saint-Denis*. Các vị vua triều Mérovingien trong tất cả các câu chuyện đều bị chỉ trích là yếu kém hơn so với các vua triều Carolingien. Nếu như họ không cai trị được là bởi họ vô tích sự. Những người thuộc triều Mérovingien cũng bị chê là không có năng lực cầm quân ra trận trong khi người Carolingien như Roland, cháu trai của Charlemagne, thì lại là những chiến binh anh dũng. Các vị vua triều Mérovingien bị cho là hèn kém bởi họ rời bỏ lối sống của giới quý tộc. Bằng chứng hùng hồn nhất là việc họ không đi ngựa mà ngồi trên xe bò kéo.

Các vị vua triều Mérovingien cũng bị xem là lố bịch vì luôn để tóc dài, cho đó là minh chứng cho sức mạnh cùng dòng dõi hoàng tộc của họ. Các vua triều Carolingien thì ngược lại cho mái tóc dài là biểu hiện thú tính của người Mérovingien. Người Mérovingien cũng được mô tả như những kẻ nát rượu hoặc những quái nhân vì “có lông ở dọc sống lưng giống như lợn rừng”...

- **Nền Cộng hòa không cần những kẻ ăn không ngồi rồi**

Truyền thuyết này được đưa vào sách sử của nền Đệ tam Cộng hòa. Sách sử phổ biến nhất là sách của Lavisse. Theo sách này thì chỉ có mỗi Charles Martel là có khả năng bảo vệ xứ Gaule khỏi sự xâm lăng của quân Ả Rập: “Dưới thời những ông vua vô tích sự, nước Gaule lại một lần nữa bị xâm lấn. Đất nước chúng ta liệu sẽ trở thành một quốc gia Hồi giáo bởi đám vua chúa triều Mérovingien bất lực trong bảo vệ đất nước?”

Tuy nhiên, người lập ra triều đại Mérovingien là Clovis thì lại luôn được tôn vinh. Đó là vì “lịch sử chính thức” của nước Pháp luôn gắn việc lập quốc với sự anh dũng của một số đại anh hùng như Vercingetorix, Charles Martel, Charlemagne và Roland, Du Guesclin hay Jeanne d’Arc. Có lẽ chính vì thế mà cả vị vua đầu tiên của triều đại Mérovingien ít được ưa thích cũng được ca ngợi. Chỉ những tên tuổi vĩ đại là được vinh danh, còn những ông vua triều Mérovingien khác, ngoại trừ vua Dagobert, thì bị sử sách nhanh chóng bỏ quên bởi cá nhân họ không lập được một thành tích nào hay hoàn thành được một sự nghiệp cao cả nào.

Hoàng hậu Galswinthe bị bóp cổ chết. Tranh của Philastre con, thế kỷ 19.



VÔ TÍCH SỰ THÌ CÓ THỂ, NHƯNG TÀN BẠO THÌ CHẮC CHẮN

Các con trai của Clodomir. Năm 534, hai hoàng tử con của người con trai thứ hai của vua Clovis (Clodomir) là Gontran và Théodebald bị hai bác của chúng là Clotaire I và Childebert giết chết. Sau khi đâm chết Gontran, mặc cho đứa cháu thứ hai van xin tha mạng, Clotaire quay sang cắt cổ đứa bé. Người con thứ ba của Clodomir là Cloud hay còn gọi là Clodoald may mắn được cứu thoát và sau đó trở thành tu sĩ.

Saint Léger. Năm 677 giám mục vùng Autun rơi vào tay kẻ thù của ông là Ébroin, thừa tướng xứ Neustrie. Ông bị cắt lưỡi, xẻ môi, má rồi sau đó bị bắt đi chôn trần băng qua một hồ bơi chứa đầy đá nhọn và cuối cùng bị móc mắt.

Théodebert. Théodebert là con trai vua Childebert. Sau khi vua cha băng hà năm 595, đến năm 612 Théodebert cùng con trai Mérovée bị anh trai là Thierry ám sát.

Brunehaut. Brunehaut là vợ của Sigebert, con trai thứ ba của vua Clotaire I. Bà cai trị đến năm 613 thì bị giới quý tộc bắt giữ vì muốn tống bà khỏi ngai vàng. Mặc dù lúc đó đã 80 tuổi nhưng bà vẫn bị những kẻ phản loạn tra tấn vô cùng tàn nhẫn. Bà chết trong tư thế bị cột tóc vào một con ngựa và cho ngựa kéo lê đi. Hai đứaチャt của bà là Corbon và Sigebert cũng bị giết cùng bà.

Chilpéric I. Người con trai thứ hai của vua Clotaire I lấy một phụ nữ tên Frédégonde làm vợ ba. Bà này cho người ám sát 2 trong số 3 con trai của Chilpéric với người vợ đầu là Audovère. Galswinthe, vợ thứ hai của Clotaire I cũng bị Frédégonde sai người giết chết. Người ta tìm thấy thi thể vị quý phi này chết ngạt trên giường. Bản thân Chilpéric I cũng bị hoặc là Frédégonde hoặc là cô em dâu Brunehaut giết chết năm 584.

Các vị vua và quyền năng chữa bệnh bằng phép lạ

Dưới triều vua Louis VI le Gros của Pháp ở thế kỷ 12, người ta tìm thấy một tư liệu viết tay lần đầu tiên thuật lại nghi lễ chạm vào người để chữa bệnh tràng nhạc. Sở dĩ có tập tục này là do ở thời đó, các vị vua công giáo được cho là có khả năng chữa bệnh. Nghi lễ này tồn tại mãi cho đến khi vua Charles X đăng quang năm 1824.

• *Niệm hạch*

Ngôn ngữ Trung Cổ sử dụng từ “tràng nhạc” hay còn gọi là “tặng lao” để ám chỉ một căn bệnh mà ngày nay ta gọi là lao hạch. Người bệnh đột nhiên nổi nhiều hạch ở cổ và những hạch này nhanh chóng sưng tấy và mưng mủ khủng khiếp. Người ta cho đây là biểu hiện bên ngoài của căn bệnh lao bộ phận sinh dục.

Căn bệnh này rất phổ biến vào thời đó. Mặc dù đây là căn bệnh lây lan nhưng không gây chết người. Nguy cơ lớn nhất mà người bệnh có thể gặp là vô sinh.

• *Quyền năng khi đăng quang*

Ở thế kỷ 12, từ thường dân đến tầng lớp tinh hoa của Pháp đều tin vào khả năng trị bệnh tràng nhạc của vua, đến độ người ta còn gọi đó là “bệnh vua”. Niềm tin này chỉ mới xuất hiện không lâu trước đó từ một sáng kiến của vua Louis VI: biến lê đăng quang thành một cơ hội nâng cao uy lực của vương gia. Nghi thức này tiếp tục được các vị vua kế tục tiến hành cho đến khi nó chính thức được thế chế hóa dưới triều vua Charles V le Sage (đăng quang năm 1364).

Quả thực là từ năm 1108 trở đi, điều đầu tiên mà một vị vua nước Pháp phải làm ngay sau khi đăng quang là chịu lễ xức dầu thánh. Theo truyền thuyết, bình dầu thánh do một con chim bồ câu của Đức Thánh Thần đem đến cho Đức giám mục Remi vùng Reims, thoát dầu là để rửa tội cho Clovis, vị vua đầu tiên của dân tộc Franks. Do là dầu Trời nên khi xức cho vua thì nhà vua sẽ sở hữu một quyền năng tôn giáo giúp ngài làm được những phép lạ giống như Đức Ki-tô.

Nghi thức này ra đời ở Pháp dưới triều Carolingien. Nó trao cho nhà vua một quyền năng thần thánh, biến vua thành một vua-linh mục mang sứ mạng vừa cai trị giáo dân vừa trông coi việc thờ phụng Chúa Thánh Thần. Với quyền năng chữa bệnh, vua được đặt ở vị trí cao hơn mọi người phàm tục.

- **"Vua chạm, Chúa chữa"**

Lúc đầu, nghi lễ này được tiến hành đơn giản, không cầu kỳ. Mỗi ngày, bệnh nhân tràng nhạc chầu chúc vua Saint Louis đi lê



xong thì đến xin ngài chạm tay vào người. Tuy nhiên bắt đầu từ triều đại vua Louis XI ở cuối thế kỷ 15 trở đi thì tất cả những người bệnh chỉ tập hợp mỗi tuần một lần duy nhất để vua chữa bệnh.

Ngay dưới cây cây sồi này vua Saint Louis đã chạm vào bệnh nhân tràng nhạc để chữa trị cho họ.

ANH VÀ PHÁP CẠNH TRANH NHAU CHỮA BỆNH BẰNG PHÉP LẠ

Tại châu Âu, từ thời Trung Cổ, chỉ có các vua Anh là cạnh tranh với các đồng nghiệp Pháp về quyền năng chữa bệnh bằng phép lạ. Từ năm 1276 đến năm 1714, các vua Anh cũng chạm vào bệnh nhân tràng nhạc để chữa bệnh. Có thể nói đây là cuộc tranh giành uy thế diễn ra trong một thời gian dài giữa hai nền quân chủ châu Âu. Vào thế kỷ 13, nghi thức chữa bệnh của Anh và Pháp đều giống nhau, nhưng sau đó, ở Anh, nó biến thành một nghi lễ tôn giáo long trọng và hoành tráng hơn khi nhà vua luôn sát cánh cùng các linh mục trong các nghi lễ này.

Cũng ở thế kỷ này, tất cả những người bệnh cũng đều bị buộc khám sức khỏe trước để lọc ra những người bị bệnh khác. Các vị vua triều Capéte đặt tay lên chỗ bị đau sau đó làm dấu thánh trên chỗ đó hoặc trên trán bệnh nhân. Việc vua đặt tay lên người bệnh được xem là để truyền luồng sức mạnh vô hình vào cơ thể họ, còn việc vua làm dấu thánh thì nói lên rằng nhà vua đã hoàn tất việc trị bệnh.

Từ thế kỷ 16 trở đi, hễ mỗi lần chạm tay vào người một bệnh nhân, vua lại nói thêm câu sau: “Đức vua chạm vào người, Chúa chữa lành cho người”. Những trường hợp lành bệnh nếu có xảy ra thì cũng là điều không khó hiểu và mang nhiều yếu tố tâm lý: nếu như phép lạ xảy ra thì đó là do người bệnh quá tin rằng nó sẽ phải xảy ra.

- **Những buổi chữa trị trở thành những màn trình diễn**

Ở thế kỷ 17, việc chạm tay vào người bệnh tràng nhạc trở thành một trong những nghi lễ long trọng nhất dưới chế độ quân chủ Pháp. Nghi lễ này chỉ được tổ chức vào những ngày lễ công giáo lớn như lễ Phục sinh, lễ Hạ trần, và nhất là lễ Giáng sinh. Thông báo được truyền xuống công chúng thông qua những anh mō và những bản yết thi. Thường thì nghi lễ được tổ chức tại đại sảnh của điện Louvre. Số lượng bệnh nhân Pháp và bệnh nhân nước ngoài tập trung tại đây đông đến mức triều đình Pháp thường lợi dụng sự kiện này để tuyên truyền về tính ưu việt của mình so với các triều đại đối địch khác ở châu Âu.

Năm 1715 tại lễ Hạ trần, vua Louis XIV đã đặt tay lên 1.700 bệnh nhân tràng nhạc trước ngày ngài băng hà không lâu. Điều này cho thấy dù tình hình sức khỏe của nhà vua có như thế nào thì ngài cũng vẫn phải chữa bệnh cho thần dân và không thể xem nhẹ nghĩa vụ này.

- **Phép lạ ngày càng kém linh nghiệm**

Tuy nhiên, nghi thức chữa bệnh bằng cách chạm tay này không tồn tại được lâu. Tuy dưới thời vua Louis XV và Louis XVI vẫn còn hàng ngàn người nối đuôi nhau chờ chữa bệnh, nhưng do ý thức của những người sống ở thời kỳ tiền cách mạng Pháp được nâng cao nên lòng tin của họ vào phép lạ cũng nguội lạnh dần. Chiến thắng của chủ nghĩa duy vật ở thời đại Ánh Sáng khiến các tầng lớp thượng lưu xa lánh dần thế giới tôn giáo, nơi mà truyền thống chữa bệnh này ngự trị. Trong khi tầng lớp bình dân vẫn tiếp tục sùng kính các vị vua thần thông quảng đại thì giới trí thức lại hoài nghi và mỉa mai ra mặt. Triết gia Voltaire đã xác xược nhạo báng rằng vua Louis XIV đã không thể chữa khỏi bệnh cho một



Theo truyền thuyết, các vị vua nước Pháp được ban quyền năng chữa bệnh ngay trong ngày đăng quang. Trên hình là vua Henri IV đang đặt tay lên các bệnh nhân tràng nhạc.

cô nhân tình bị tràng nhạc của ngài mặc dù nàng đã được ngài “tận tình sờ soạng”.

Bản thân các vị vua cũng không tin vào quyền năng chữa bệnh của chính họ. Kể từ thời vua Louis XV trở đi, câu “khẩu quyết” của nhà vua khi chạm vào bệnh nhân đã bị đảo lại đây ngụ ý như sau: “(Câu) Chúa chữa lành cho ngươi, (vì) Đức vua (đã) chạm vào ngươi”.

Đến năm 1824 thì vua Charles X nói với các bệnh nhân tràng nhạc như sau: “Ta đã ban cho ngươi lời an ủi và thực sự mong ngươi khỏi bệnh...” Các công trình nghiên cứu sau này cho thấy các bệnh nhân được vua chạm vào đều được chăm sóc về mặt y tế. Điều đó có nghĩa là những bệnh nhân này có thể đã nhận được “phép lạ” từ... y học.

Cuộc “đại kinh hoàng” năm 1000

Hiếm có thời kỳ nào lại nổi tiếng tồi tệ như thời kỳ xoay quanh năm 1000. Các sử gia thuộc trường phái lăng mạn ở thế kỷ 19 gọi đây là thời kỳ hỗn loạn, đói kém, mê tín và sợ hãi.

• *Nhân chứng thời đó*

Đây là thời kỳ mà không ai có thể trông đợi điều gì tốt đẹp. Nhiều người gọi đây là thời kỳ “cận tận thế”. Điều này được thể hiện qua một số thư từ và sử liệu mà Giáo hội đã ghi lại. Nhờ thiên hướng và nhờ được đào tạo mà những người trong Giáo hội

Nỗi kinh hoàng của năm 1000

*Năm 1833, bằng ngòi bút thiên tài Michelet
đã kể lại câu chuyện huyền thoại dưới đây:*

“Ngày tận thế buồn thảm này vừa là niềm hy vọng vừa là nỗi kinh hoàng của thời Trung Cổ. Hãy nhìn vào các pho tượng cũ kỹ trong các thánh đường..., những pho tượng mang vẻ mặt sầu khổ như sự sống và xấu xí như cái chết (...) Hết tai ương này đến đại họa khác đua nhau ập đến, hết sự hủy diệt này đến sự tiêu vong khác nối tiếp nhau xảy ra. Mọi người đều trống chò ở một điều gì đó. Kẻ bị giam cầm thì chò trong ngục tối, nông nô chò đợi trên các luống cày, còn các tu sĩ thì ngóng chò trong tu viện...

Trong nỗi kinh hoàng chung đó, đa số mọi người chỉ tìm được chút bình yên dưới bóng của nhà thờ.”



Bệnh dịch hạch là một trong những thảm họa lớn nhất trong năm 1000 -
Tranh của Louis Gallais, 1882: Bệnh dịch hạch ở Tournai năm 1092.

có thể đọc và diễn giải thế giới như rút ra từ một quyển sách lớn do Tạo hóa viết ra. Sao chổi, hiện tượng thiên thực, “chiến tranh các vì sao”, sự ra đời của quái vật, sự xuất hiện của nạn đói và dịch bệnh... Tất cả đều được họ giải thích.

Những đề tài mà tu sĩ người Bourgogne (Pháp) Raoul Glaber đưa vào *Sử biên niên* mô tả thời kỳ từ năm 900 đến 1046 đều xoay quanh những sự kiện xảy ra trong cuộc chuyển giao giữa hai thiên niên kỷ. Đức tin tôn giáo bị lung lạc, sự tham lam của giới quý tộc, những vụ ăn thịt người trong thời gian nạn đói hoành hành.... Tất cả những tội ác đó đã buộc Thượng đế phải ra tay trừng trị. Rất nhiều người đã suy nghĩ giống tu sĩ Raoul, một người luôn băn khoăn và hay dao động. Nhưng điều đó cũng chẳng có gì là lạ khi mà ngay ở Paris cũng đã từng có người cảnh báo trước đám đông

THUYẾT NGHÌN NĂM

Thuyết nghìn năm là một trào lưu tranh biện xoay quanh việc trông chờ một "Đấng Cứu Thế" do Thượng Đế phái đến để trị vì trên dương thế trong 1000 năm, đến khi có Phán xét cuối cùng.

Trong Thiên Chúa giáo. Người Công giáo tin rằng Đấng Cứu Thế đã đến và từ chối trị vì trên thế gian. Do đó, Giáo hội Thiên Chúa xem *Thuyết nghìn năm* như lời dự báo về chiến thắng của họ trên toàn thế giới cho đến khi có *Phán xét cuối cùng*.

Nhưng *Thuyết nghìn năm* lại dựa vào sách *Khải huyền* của Jean, một biên niên sử dự đoán trước ngày tận thế thông qua mô tả thời kỳ đại họa dưới sự trị vì tạm thời của *Kẻ chống Chúa*.

Xu hướng chung của các tôn giáo. *Thuyết nghìn năm* tồn tại cả trong Do Thái giáo lẫn Công Giáo, Hồi giáo và những tín ngưỡng "sơ khai" khác, chẳng hạn như đạo "thờ tàu" ở Melanesia, theo đó người da trắng sẽ bị trực xuất và một thời kỳ hòa bình, thịnh vượng sẽ hồi phục, đánh dấu bằng sự trở về của các bậc tổ tiên trên một con tàu lớn màu trắng.

Các trào lưu lịch sử. Các trào lưu này chủ yếu hình thành sau thế kỷ 11. Cho đến thế kỷ 13, vẫn có các cuộc khủng hoảng xảy ra do một số kẻ cuồng tưởng tự cho mình là Đấng Cứu Thế.

Với một số tu sĩ, *Thuyết nghìn năm* xuất phát từ những phê phán về trật tự thang bậc trong giáo hội. Joaquim de Flore - người tuyên bố rằng ngày tận thế sẽ xảy ra vào năm 1260 - qua đó đã gây ảnh hưởng đến dòng Francisco.

Trào lưu này lại trỗi dậy vào cuối thời Trung Cổ và mang sắc thái chống giáo quyền (như trường hợp người Taborite ở Hungary, vốn bị Giáo hội Thiên Chúa xem là ngoại đạo), sắc thái tâm lý (như trường hợp các tu sĩ tự hành xác) hoặc sắc thái cách mạng xã hội (như trường hợp các tín đồ Baptist của Munster năm 1535).

*Lời bàn về Ngày tận thế:
Thiên thần vừa dứt tiếng kèn thứ
năm thì đàn châu chấu bắt đầu
rớt đầy mặt đất.
Bản thảo của Saint-Sever.
Tranh của Beatus de Liébana.*



về “mối đe dọa thiên niên kỷ” cùng với lời tiên đoán về sự xuất hiện của “Kẻ chống Chúa” vào năm 1000.

Vì quyền sử biên niên này rất mông mênh không trình bày hết được tâm lý đám đông vào thời kỳ này, một thời kỳ gây sợ hãi cho mọi người nhiều hơn tất cả các thế kỷ trước và sau đó.

• **Niềm hy vọng năm 1000**

Nhưng năm 1000 đã mang lại những hy vọng mới. Vượt qua hỗn loạn, đây còn là thời kỳ tái thiết lập quyền lực ở cấp độ địa phương. Xã hội thoát khỏi mô hình cổ điển trước đây và được tái cấu trúc trở lại xung quanh các xà lim, lanh địa và nhà thờ xúi. Với phương Tây thì thời kỳ đại nguy biến đã qua đi. Thiếu thốn vẫn luôn chực chờ trỗi dậy, nhưng nạn đói và dịch hạch đã không còn hoành hành nữa. Có lẽ do thời tiết thuận lợi hơn nên cả dân số lẫn

sản lượng nông nghiệp đều tăng nhanh, nhất là ở vùng biển Địa Trung Hải trong suốt thế kỷ 11.

Tình hình này tuy thế vẫn không làm thuyên giảm những cuộc bạo động hàng ngày. Rất ít nhân chứng còn sống sót sau những cuộc nổi loạn nông dân bị trấn áp nặng nề, như cuộc nổi loạn ở vùng Normandie năm 996-997. Cũng rất ít người sống sót sau cuộc nổi dậy của các phong trào dị giáo ở Champagne, ở Flandre và Milanais.

Đây là những phong trào có sự tham gia của các nhà thần học bị ám ảnh bởi mối liên hệ giữa đức tin và lý trí hoặc của những tu sĩ bị trực xuất và những kẻ “vô đạo” (vô thần). Đó là một phong trào mạnh mẽ đã dẫn phương Tây vào con đường chinh phục đất đai. Trong quyển sử biên niên, Raoul Glaber đã mô tả sự lạc quan của một thế giới tuy trẻ nhưng tưởng mình già nua: “Vào năm thứ 1000 sau khi xảy ra Nỗi khổ hình của Chúa, sau một nạn đói khủng khiếp, sự tốt lành và khoan dung đã được ban xuống thế gian (...) vào khoảng năm 1033. Ở mọi nơi, nhất là Italia (Ý) và ở Gaules (Pháp), để tạ ơn Chúa người ta thi nhau dựng lên những

giáo đường, như thế thế giới này đã giữ bờ được sự già nua để khoác lên mình tấm áo choàng trắng của nhà thờ vậy.”



Tác hại của dịch. Tranh khắc của Frans Van Mieris, 1725.

Bí ẩn cái chết của Napoléon

Năm 1821, Hoàng đế Napoléon I của nước Pháp qua đời ở đảo Sainte-Hélène do bệnh loét dạ dày. Một trăm bốn mươi năm sau, tiến sĩ Forshufvud, một nhà sử Thụy Điển, đã cho xuất bản tác phẩm "Napoléon phải chăng bị đầu độc?" Một tác phẩm lúc đầu không mấy ai chú ý...

• Tiết lộ của báo Sunday Telegraph

Nhưng đến khi phòng pháp y của thành phố Glasgow (Scotland) xét nghiệm năm mẫu tóc của Hoàng đế do năm người khác nhau gởi đến thì họ phát hiện ra rằng cả năm mẫu này đều chứa một lượng thạch tín không nhỏ.

Mùa xuân năm 1965, sau khi tờ báo đầu tiên là *Sunday Telegraph* của Anh đưa tin về xét nghiệm này (vốn sử dụng cả đến lò phản ứng hạt nhân Harlow) thì tờ *France-Soir* và tờ *Journal du dimanche* của Pháp cũng bắt đầu vào cuộc khiến dư luận xôn xao.

Cái chết của Napoléon
ở đảo Sainte-Hélène -

Tranh của nam tuốc
Steuben (1788-1856).

Các triệu chứng bệnh
của Napoleon khiến
người ta nghĩ đến một vụ
đầu độc, tuy nhiên vẫn
có nhiều cách giải thích
hợp lý khác...



- **Thạch tín phải chăng là nguyên nhân gây bệnh?**

Theo báo cáo về kết quả phẫu thuật thì có một vết loét lớn ở dạ dày và vết loét này đang chuyển dần sang ung thư. Năm 1961, tiến sĩ Forshufvud đã bỏ qua vết loét mà ông cho rằng không phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra cái chết của Napoléon mà tập trung vào căn bệnh ung thư. Nhưng ngay sau đó ông cũng gạt bỏ nguyên nhân gây bệnh này. Một khối u ác tính hẳn sẽ khiến người bệnh gây rộc, thế mà lớp mỡ trên bụng thi thể Napoléon vẫn dày gần 5cm. Trong khi đó, những người bị đầu độc bằng thạch tín trong thời gian kéo dài thì thường hay lên cân bởi nếu sử dụng với liều lượng nhỏ thì thạch tín là một chất kích thích. Ngoài ra, một bác sĩ người Anh đã khẳng định là không thấy có lông trên thi thể

VÌ SAO CÓ THẠCH TÍN TRONG TÓC HOÀNG ĐẾ?

Ý kiến bác bỏ khả năng “đầu độc” cũng rất đáng quan tâm. Do có quá nhiều manh mối từ quá nhiều luồng khác nhau nên khó lòng có sự nhầm lẫn. Các phương pháp áp dụng trong phân tích đều là những phương pháp tiên tiến nhất. Tuy nhiên, Alain Decaurese đã đưa ra một giải thích thỏa đáng trên mọi phương diện.

Ta biết rằng ở liều lượng nhỏ, thạch tín có tác dụng như chất kích thích. Nhu cầu cuộc sống sôi động đã buộc Napoléon phải dùng đến thạch tín và lạm dụng nó đến mức đói khi bị tác dụng phụ. Chính chất thạch tín này đã được các nhà khoa học phát hiện ra...

Giả thuyết này có thể là đơn giản, thậm chí là quá đơn giản, nhưng nghe thuyết phục hơn hẳn các giả thuyết cho rằng nhiều loại độc dược được sử dụng để đầu độc Napoléon và có nhiều hung thủ liên quan đến vụ đầu độc ngài.



Mộ của Napoléon ở đảo Sainte-Hélène

hoàng đế, một trong những dấu hiệu cho thấy ngài bị đầu độc bằng thạch tín. Ông bác sĩ này cũng khẳng định rằng thi thể hoàng đế khi khai quật hầu như vẫn toàn vẹn, điều được cho là nhờ tác dụng của thạch tín.

Trước những dấu vết mong manh đó, viên nha sĩ người Thụy Điển kết luận rằng thạch tín là nguyên nhân gây ra các vấn đề sức khỏe của Napoléon. Đầu tiên là một cơn co giật gần giống với động kinh vào năm 1805, vài tuần trước trận Austerlitz. Đến năm 1809 thì, cùng với các cơn đau dạ dày, hoàng đế còn thấy cồn cào trong ruột và chảy nước mắt xối xả. Năm 1812, trong thời gian diễn ra trận đánh Moscow (Mátxcova), ngài bị ho khan và có những cơn nhức đầu dữ dội. Năm 1813, Napoléon bắt đầu đau ở dạ dày. Đến khi bị đày ở đảo Elbe, ngài lại phát bệnh eczema. Đến trận Waterloo thì ngài bị chứng ngủ gật và bí tiểu cùng vô số những triệu chứng bất ổn khác trong thời gian lưu đày lần cuối... cho đến khi ngài mắc phải căn bệnh cuối cùng.

KẾT QUẢ GIẢI PHẪU TỬ THI CỦA HOÀNG ĐẾ

Trích báo cáo của bác sĩ François Antommarchi:

"Tôi quan sát thấy mặt lõm của thùy gan trái hình thành nên một cái lỗ có đường kính khoảng 6,75mm ở mặt trước dạ dày, gần đầu mút bên phải.

Khi mở phần dạ dày phía sau chỗ cong lớn ra, tôi quan sát thấy một phần dạ dày chứa đầy một thứ dịch đen nhòe có mùi nồng nặc khó chịu.

Sau khi lấy hết số dịch này ra, tôi quan sát thấy có một vết loét dạng ụng thư rất rộng nằm chủ yếu ở phần trên của mặt trong dạ dày và trải dài từ hang tâm vị cho đến cách môn vị khoảng 27mm.

Trên thành vết loét hướng xuống môn vị, tôi nhận ra cái lỗ do vết loét bào mòn thành dạ dày gây ra.

Thành dạ dày bị loét sưng rất lớn và chai cứng...".

Rõ ràng là những chi tiết liên quan đến các rối loạn làm ta nghĩ đến một vụ đầu độc nhưng chúng cũng có thể giải thích bằng nhiều nguyên nhân khác. Nhưng vì lẽ gì kẻ đầu độc bí mật kia lại không ra tay dứt điểm nhanh mà đầu độc từ từ?

- ***Phản ứng hóa học tác dụng chết người***

Trở lại với cuộc phẫu thuật. Nó cho thấy dạ dày của Napoléon chứa đầy một thứ chất giống như bã cà phê. Forshufvud kết luận rằng hoàng đế bị xuất huyết đến chết do thành dạ dày bị bào mòn - một đặc điểm của việc ngộ độc thủy ngân. Vì thế ông ta suy đoán rằng sau nhiều năm dùng thạch tín để đầu độc Napoléon, kẻ mưu

sát ngài đã chuyển sang dùng một loại độc dược khác. Nói chính xác thì độc dược đó chính là cyanua thủy ngân, một chất độc cực mạnh hình thành ngay trong dạ dày bệnh nhân khi có sự tương tác giữa một loại thuốc là *calomel* dùng ở liều cao để khai thông đường ruột với một loại thức uống mà hoàng đế hay dùng là xi-rô đại mạch, một loại xi-rô có thành phần cơ bản là quả hạnh đắng. Nếu không có đại mạch và quả hạnh đắng thì muối ăn cũng có thể gây phản ứng tương tự.

- **Ai được lợi từ vụ đầu độc?**

Chỉ còn lại mỗi việc là tìm ra hung thủ và động cơ gây án. Người Anh không hề tiếp cận tù nhân của họ và cũng rất ít chiến hữu của hoàng đế ở cạnh ông từ đầu chí cuối. Mọi người đều đồng lòng cho rằng thống chế Bertrand không thể dính líu đến chuyện này. Như vậy chỉ còn lại tướng Montholon, người đi theo Napoléon để tránh tránh các chủ nợ và có thể đóng vai trò mật thám cho thế lực quân chủ đang cầm quyền ở Pháp, vốn không thể thấy yên ổn được chừng nào Napoléon còn sống. Montholon cũng có khả năng trông chờ vào một bản chúc thư có lợi của hoàng đế. Trong các tuần cuối cùng trước khi từ giã cõi đời, hoàng đế đã giảm hẳn cơn đau trong thời gian ngài đang soạn di chúc, cứ như thể việc đầu độc bằng thạch tín đã được ngưng lại một thời gian.

Chỉ có điều khó giải thích là tướng Montholon luôn tỏ ra trung thành đối với dòng họ Bonaparte. Sau người bác (Napoléon I), ông ta tiếp tục theo phục vụ người cháu (sau này là Napoléon III) trong cả những thời khắc khó khăn nhất, và thậm chí sau này còn bị bắt chung với hoàng đế Napoléon III. Ngoài ra, ông cũng không hề đến gần Napoléon I trước năm 1815, vì thế nên ông không thể là hung thủ bí ẩn đã thủ ác từ 10 năm nay.

MỘT CUỘC ĐÁNH ĐỐ

Câu chuyện đầu độc Napoléon được người ta không ngót bàn tán. Trong tác phẩm *Napoléon, cuộc đời và huyền thoại* (nhà xuất bản Larousse), Gérard Gengembre cho biết vì lẽ gì sử gia Ben Weider - người từng cùng Sten Froshufvud xuất bản hai tác phẩm về Napoléon năm 1978 - mới đây đã khơi lại cuộc tranh luận này.

"Những cuộc bút chiến hoặc tranh luận là một trong những dấu hiệu chắc chắn cho thấy đây là sự kiện được nhiều người quan tâm. Năm 1969, Georges Restif de la Bretonne đòi người Anh phải trao trả thi hài Napoléon. Trước đó, chính phủ Anh đã tráo đổi thi thể hoàng đế bằng thi thể một gia nhân khiến nước Pháp tưởng nhầm nên đưa thi thể này vào yên nghỉ tại điện *Les Invalides*.

Đến năm 2000, cuộc tranh cãi về cái chết của hoàng đế lại bùng nổ. Trước đó, vào năm 1982, Ben Weider và David Hapgood tung ra bài báo mang tựa đề *Vụ ám sát Napoléon*. [...] Năm 1999, một người Canada tên Ben Weider, chủ tịch Hội Napoléon quốc tế tại Montréal, đã phát hành một tác phẩm tổng hợp mọi bài viết về đề tài đầu độc này cùng với kết quả phân tích mẫu tóc của hoàng đế do FBI tiến hành. Tác phẩm này mang tựa đề *Phải chăng Napoléon chết vì bị đầu độc?*

Hung thủ là ai? Montholon.

Kẻ chủ mưu là ai? Hudson Lowe, làm việc cho ngài Bathurst, người được chính phủ Anh ủy nhiệm làm quốc vụ khanh thuộc bộ Chiến tranh và Thuộc địa.

Đồng lõa là ai? Bá tước d'Artois.

Động cơ của Montholon là gì? Đầu tiên là vì ghen tuông bởi lúc ở đảo Sainte-Hélène, Napoléon từng cặp với giai nhân Albine, nữ bá tước de Montholon, và từ cuộc tình này họ đã cho ra đời một bé gái tên Joséphine sinh năm 1818. Sau



Napoléon.
Tranh của Ernest Crofts.

- ***Giải thích đơn giản nhất có khi là đúng nhất***

Nhưng có sao ta cứ phải cho rằng có tội ác, âm mưu và giết chóc ở khắp nơi?

Chính lối sống của Napoléon, việc cả ngày rong ruổi trên lưng ngựa cùng thói quen ăn uống không phù hợp đã bào mòn cơ thể của hoàng đế. Khí hậu trên đảo Sainte-Hélène không thể giúp hoàng đế hồi phục sức khỏe khi mà từ nơi này đến nơi khác nhiệt độ có thể chênh lệch nhau đến 10°C. Nên y học của thế kỷ 19 cũng chẳng khác bao nhiêu so với thời của nhà soạn kịch Molière. Vết loét giết chết Napoléon có lẽ xuất phát từ một căn bệnh mà ngài đã mắc phải từ trước và có lẽ đó là nguyên nhân khiến hoàng đế hình thành thói quen luôn tay vào giữa hai chiếc nút áo giật lê như để sưởi ấm vùng bụng trên. Sự tương tác giữa thứ thuốc xổ nguy hiểm và xi-rô đại mạch chỉ thúc đẩy cái chết đến nhanh hơn mà thôi.

- ***Nghĩ sao về tất cả những chuyện này?***

Tà hãy dành lời cuối cho Jacques Charbonnier, người đã viết trên trang web của Học viện Corsa như sau:

“Có vẻ như ông nha sĩ Thụy Điển kia là một trong những cây bút rởm chuyên móc túi người người đáng thương bằng cách lượm lặt những mẩu vụn ký ức về những người danh tiếng. Phải nói rằng những cây bút rởm này đã thu hoạch được rất nhiều trong trường hợp Napoléon vì hoàng đế đã dành những năm tháng cuối đời của mình để tuyên truyền cho chính bản thân.

Nói như Jacques Bainville thì đây là thể loại mà ông nha sĩ kia “là bậc thầy” bởi “câu chuyện ở Sainte-Hélène của ông ta đã thành công”. Thành công đó giúp cho những kẻ hám danh lợi dụng được cuộc đời thăng trầm của hoàng đế để trở nên nổi tiếng”.

Nàng gián điệp quyến rũ trong thế chiến thứ nhất

Ngày 15 tháng 10 năm 1917, ngay trong thời kỳ xảy ra những trận chiến ác liệt của Thế Chiến thứ nhất, vũ nữ nổi tiếng Mata Hari đã bị xử bắn vì tội làm gián điệp cho Đức.

- *Vũ nữ Ấn Độ...*

Ngày 13 tháng 3 năm 1905, chính tại bữa chiêu đãi tổ chức tại viện bảo tàng Guimet - nơi có rất nhiều bộ sưu tập nghệ thuật Á châu nổi tiếng - mà toàn thể Paris bắt đầu biết đến Mata Hari.

Tối hôm đó, trước ánh mắt trầm trồ của đám đông công chúng đến thưởng thức nghệ thuật của Ấn Độ huyền bí, Mata Hari đã trình diễn những vũ điệu Ấn Độ trong bộ trang phục kết bằng vài tấm voan trong suốt, làm lộ rõ làn da nâu bóng. Toàn thể mọi người như bị hút hồn. Kể từ ngày đó, họ luôn bắt gặp nàng vũ nữ lạ lùng này ở tất cả những nơi chốn thương lưu. Tại đây họ được nghe nàng kể về thời thơ ấu ở Java và việc nàng gia nhập đạo *Bà la môn* ra sao. Chẳng bao lâu sau, tiếng tăm của nàng lan ra khắp các thủ đô châu Âu.

- ... *thực ra là một thiếu nữ nóng bỏng người Hà Lan*

Là một phụ nữ hấp dẫn nhưng cũng rất phóng túng, Mata Hari luôn biết cách làm mê mệt cánh mày râu. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, người ta phát hiện ra rằng nàng không biết quá nhiều về nghi lễ cũng như về các vũ điệu của Ấn Độ, và những điều nàng nói đều là dối trá. Thiếu nữ có làn da nâu sậm và cặp mắt quả hạnh này tên thực là Margaretha Zelle. Nàng sinh năm 1876 tại

Leeuwarden, một thị trấn nhỏ phía Bắc Hà Lan. Khi lên 19 tuổi, nàng kết hôn với đại úy Mac Leod, sĩ quan quân đội thuộc địa. Anh chàng này sau đó đưa nàng tới Java và tại đây nàng đã dễ dàng lôi cuốn được giới thượng lưu của “*Thời kỳ tươi đẹp*” (tức khoảng thời gian từ cuối thế kỷ 19 cho đến trước khi xảy ra Thế chiến thứ nhất).

Nữ nghệ sĩ này nhanh chóng trở thành một cô gái phong lưu lanh lợi. Nhờ cặp kè với những người có vai vế trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, tài chính và quân đội mà nàng được đi chu du khắp châu Âu. Cuộc sống sôi động và những mối tình tứ xứ của nàng hẳn sẽ chẳng có gì để nói nếu như hòa bình vẫn ngự trị trên thế giới. Nhưng rồi Chiến tranh Thế giới thứ nhất nổ ra, làm thay đổi mọi chuyện. Những chuyến đi liên tục của Mata Hari và những nơi nàng đặt chân đến trở nên đáng ngờ dưới mắt nhà cầm

quyền Pháp. Chẳng phải nàng là người tình của các chức sắc và sĩ quan Đức đó sao? Người ta dè chừng khi thấy Mata Hari cặp kè với các nhà ngoại giao và sĩ quan Anh, Pháp, Nga và càng dè dặt hơn khi gặp Mata Hari quá thường xuyên ở các địa điểm chỉ huy quân sự quan trọng.



Chân dung Mata Hari

MỘT NỮ GIÁN ĐIỆP HAY MỘT PHỤ NỮ PHÓNG ĐĂNG ĐÃ BỊ XỬ TỬ?

Tất cả mọi bằng chứng đều cho thấy nàng vũ nữ “Ấn Độ” Margaretha Zella tự Mata Hari có quan hệ với các sĩ quan Đức. Đây không chỉ là mối quan hệ nhục dục mà còn dính dấp đến tiền bạc...

Để có tiền, chắc chắn nàng đã làm nhiều việc cho Đức và chuyển giúp thư từ cho họ, tất cả những gì được xem là nghiêm trọng vào thời buổi chiến tranh, cho dù những thông tin mà nàng cung cấp chẳng thể làm thay đổi số phận cuộc chiến. Nhưng vào thời điểm mà thế giới đang lâm vào cảnh binh đao loạn lạc thì việc làm này được xem là không thể chấp nhận.

Như vậy, có thể xem như người ta đã xử tử một phụ nữ nhiều tai tiếng... và đồng thời cũng xử tử một nữ gián điệp.

• *Sứ mạng của điệp viên bí mật H21 bị gài bẫy*

Ở thời điểm mà chiến tranh diễn ra khắp nơi, chính phủ các nước luôn lo sợ bị phản bội và bị cài gián điệp. Cả mật vụ Anh lẫn mật vụ Pháp đều nghi ngờ Mata Hari hoạt động cho Đức. Năm 1916, Phòng nhì (mật vụ của Pháp) quyết định thử nàng bằng cách đề nghị nàng tham gia tổ chức này. Nàng được giao sứ mệnh (giả) sang Bỉ và trên đường đi ghé qua Lisbon. Mata Hari nhận sứ mệnh nhưng trên đường đi Lisbon nàng lại ngừng ở Madrid, nơi có trung tâm gián điệp quan trọng nhất của Đức. Ở Madrid, nàng tìm cách kết thân với đại úy von Kalle, tùy viên quân sự. Nàng lấy được thông tin hoạt động của Đức từ ông ta và chuyển cho mật vụ Pháp. Nhưng nàng vẫn tiếp tục bị họ nghi ngờ và bị cho là gián điệp hai mang.



Mata Hari luôn hòp hồn cả Paris trong mỗi lần xuất hiện.

Lúc Đức hành quyết một gián điệp hai mang và cố tình tiết lộ tên người này cho Mata Hari thì nhà cầm quyền Pháp nghĩ rằng đã nắm được bằng cớ phạm tội của Mata Hari. Sự lo ngại của Pháp càng được khẳng định khi họ bắt được những thông điệp mật mã của von Kalle gởi cho bộ tham mưu Đức. Các thông điệp này đê cập đến sứ mạng và những chuyến đi của một nhân viên mật vụ Đức mang mã số H21, có điều là các hoạt động này lại trùng lặp với lịch di chuyển của Mata Hari.

Kể từ đó, cảnh sát Pháp tin chắc điệp viên H21 và Mata Hari là một. Nàng vũ nữ vì thế đã bị bắt ngay lúc quay về Pháp ngày 14 tháng 2 năm 1917 sau khi hoàn thành sứ mạng.

- **Những gã tình nhân lạ lùng mang tên Đức**

Lúc đầu Mata Hari khăng khăng chối việc hoạt động cho Đức và nói rằng nàng chỉ quan hệ với kẻ thù với mục đích duy nhất là moi tin cho chính phủ Pháp. Nhưng cuối cùng nàng đành thừa nhận là mình tham gia một cuộc chơi phức tạp hơn. Do bị lôi cuốn bởi lợi lộc trước mắt, nàng đã đồng ý cung cấp thông tin cho quân Đức ngay từ đầu cuộc chiến. Tuy nhiên, nàng khẳng định mình chỉ “đùa bỡn với bọn Đức” và cung cấp cho họ những tin tức

vô hại. Còn về số tiền 30.000 mark mà nàng nhận từ viên chỉ huy mật thám Đức, nàng giải thích rằng hắn là tinh nhân của nàng và số tiền đó là do hắn tặng...

Tuy nhiên, hội đồng quân sự phụ trách xét xử vụ án vẫn cho là nàng có tội và chứng các thư từ và số tiền mà Đức gửi cho nàng ra làm bằng chứng. Hơn nữa, vào năm 1917 đầy khó khăn đó, tinh thần yêu nước đã lên rất cao, những kẻ chủ bại, đầu hàng và nhất là những kẻ phản bội đều bị xem là “không thể tha thứ”. Chính vì thế nên Mata Hari bị kết tội hoạt động gián điệp.

• *Cái chết dũng cảm của người phụ nữ xấu số*

Vào tháng 7 năm 1917, thời điểm mà thống chế Pétain vừa dẹp tan những thành phần chống đối ở Verdun, chẳng ai tỏ ra thương cảm cho số phận của một “cô ả thân Đức”, chính vì thế mà đơn xin khoan hồng của Mata Hari bị tổng thống Cộng Hòa Pháp Poincaré bác bỏ.

Rạng sáng ngày 15 tháng 10 năm 1917, các nhân viên phòng xét xử tràn vào nhà giam của Mata Hari khi nàng đang say ngủ do uống thuốc an thần tối hôm trước. Giật mình thức giấc, lúc đầu nàng tỏ ra hoảng sợ nhưng sau đó nàng nhanh chóng tĩnh tinh. Sau khi tắm rửa và trang điểm kỹ càng, nàng yêu cầu một mục sư đến rửa tội. Yêu cầu này được nhanh chóng thực hiện.

Sau đó nàng bước nhanh đến chiếc xe tù có nhiệm vụ chở nàng đến nơi hành quyết ở Vincennes. Tại đó đã có 12 binh lính chờ sẵn. Nàng từ chối không chịu bịt mắt và trói vào cột. Chỉ sau một loạt súng rền vang, Mata Hari ngã gục xuống đất trong tiếng kèn hiệu của một đội quân diễu hành qua. Vì không ai đến nhận xác nên người ta tổ chức một lễ chôn cất giả rồi sau đó chuyển thi thể nàng đến đại học y khoa, và tại đây xác nàng được đưa lên bàn mổ.

châu Mỹ



Truyền thuyết “người vàng”

Kể từ khi Christopher Columbus khám phá ra châu Mỹ năm 1492, nhiều nhà thám hiểm cùng binh lính Tây Ban Nha đã lao vào cuộc chinh phục vùng đất mới này do bị cuốn hút bởi những tài sản bất tận vẽ ra bởi huyền thoại về Eldorado.

- *Truyền thuyết “người vàng”*

Xứ sở diệu kỳ mà tương truyền rằng trong lòng đất chứa đầy vàng đã tạo ra một sức hút mãnh liệt đối với những kẻ săn vàng. Họ tin rằng lượng của cải khổng lồ mà Cortès đã kiếm được ở Mexico và Pizarro kiếm được ở Peru là chỉ dấu cho thấy vương quốc này thực sự tồn tại.

Huyền thoại Eldorado bắt nguồn từ truyền thuyết “người vàng”. Nhà sử học Gonzalo Fernandez de Oviedo cho rằng huyền thoại này xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1534. Tuy nhiên, người Tây Ban Nha đã đồn đại về cái vương quốc này từ nhiều năm trước đó.

Mỗi năm, người da đỏ Muiscas, thổ dân vùng Cundinamarca, nơi được mệnh danh là “xứ sở chim kên kên” (tức Bogotá ở Colombia) đều tổ chức một nghi lễ kỳ lạ. Trong buổi lễ, người tù trưởng lấy mỡ rùa và vụn vàng trét lên khắp người rồi với thân hình sáng chói, ông ta tiến vào giữa đám thần dân trong tiếng ca hát phấn chấn và tiếng trống rộn rã. Sau đó, vị tù trưởng cùng các quý tộc bước lên thuyền độc mộc bơi ra hồ Guatavita. Khi đến giữa hồ, họ vứt vàng bạc châu báu xuống nước để cống tặng thần linh. Vị tù trưởng sau đó lặn xuống hồ và một lúc sau trồi lên mặt nước trong tiếng hò reo vang dội của thần dân.

Nhân vật “người vàng” đã ra đời như thế. Lúc đầu, nhân vật

này được gọi là *El hombre dorado* nhưng sau đó gọi tắt thành El Dorado. Cái tên này kể từ đó cũng được dùng để ám chỉ về một xứ sở thần tiên.

- **Cuộc truy tìm đầm máu của những conquistador (kẻ chinh phục)**

Nhưng, theo dòng thời gian, huyền thoại này không ngừng thay đổi. Eldorado, từ hai chữ ghép lại thành một, được hiểu là một vương quốc vàng, nơi mà người ta đồn rằng mặt đường được lát bằng vàng còn nhà cửa và vật dụng thì phủ đầy kim loại quý.

Người đầu tiên lao vào cuộc tìm kiếm Eldorado là một gã người Đức cực kỳ hiếu ác tên là Ambroise Alfinger. Số tiền mà hắn tài trợ cho các chuyến thám hiểm trong thời gian từ năm 1529 đến 1538 là tiền thu từ việc bán thổ dân da đỏ làm nô lệ ở thành phố

Hoàng đế Aztec đã ban tặng một lượng công phẩm khổng lồ cho tay conquistador nổi tiếng Cortès. Chính từ sự hào phóng này mà Aztec rời vào thảm họa và huyền thoại Eldorado đã ra đời. Trên hình là cuộc gặp đầu tiên giữa hoàng đế Aztec và Cortès.



Santo-Domingo. Những thổ dân này đều bị đóng dấu sắt nung đỏ lên người để mọi người nhận biết thân phận nô lệ của họ.

Từ Coro, thủ đô của Venezuela, Alfinger đi ngược lên Magdalena. Trên đường đi hắn thảm sát rất nhiều bộ lạc bản xứ nhằm tiêu diệt mọi mầm mống nổi loạn của các bộ lạc này. Nhưng sau đó, do bị lạc đường và có nhiều người trong đoàn bị giết, Alfinger đành phải ngưng cuộc tìm kiếm sau nhiều năm dài đeo đuổi mặc dù lúc đó hắn chỉ còn cách Cundinamarca chừng vài chục cây số. Trong một lần chạm trán dữ dội với các thổ dân da đỏ, Alfinger bị một mũi tên độc ghim vào cổ và chảng bao lâu sau qua đời.

- **Eldorado: giấc mơ điên rồ nhưng dai dẳng**

Thất bại này không ngăn được bước chân của những *conquistador* (những kẻ đi chinh phục Nam Mỹ người Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha) khác.

Tuy nhiên, duy nhất chỉ một người là tìm ra vùng đất mới. Đó là một người Tây Ban Nha tên Gonzalo Jiménez de Quesada, một cựu luật sư say mê thám hiểm và được mệnh danh là “hiệp sĩ vùng Eldorado”. Sau chuyến đi dài đầy thử thách do đoàn của Gozalo hết bị người da đỏ tấn công rồi lại đến bị sốt rét rừng hành hạ, cuối cùng đến tháng 1 năm 1537 ông đến được Cundinamarca và chinh phục được Bogotá, kinh đô của vương quốc này. Tại đây, ông quả thực là tìm thấy vàng và ngọc nhưng không nhiều như lời đồn đại về kho báu vô tận của vương quốc vàng. Thất vọng, các *conquistador* cho rằng Eldorado nằm ở nơi khác và chuyển hướng tìm kiếm sang phía sông Orénoque và quần đảo Guiana ở phía Đông lục địa (1559-1569) nhưng vẫn hoài công vô ích.

Mặc dù đã nhiều người thất bại nhưng giấc mơ Eldorado vẫn tiếp diễn ở thế kỷ 16. Đến thế kỷ 17 thì những câu chuyện kể tuyệt

CHINH PHỤC ELDORADO

Suốt hơn hai thế kỷ, những conquistador đã lao vào hàng chục cuộc thám hiểm mà hầu hết đều kết thúc bằng máu và nước mắt, nhưng bù lại những cuộc thám hiểm này đã giúp họ thăm dò được khu vực phía Bắc của Nam Mỹ và dần dần đến đó sống.

Thất bại liên tục. Jorge de Spira đã đến được chân núi Andes (1535-1538) nhưng đành quay về sau khi mất nhiều người trong đoàn. Những người này không mất mạng do bị thổ dân da đỏ tấn công thì cũng chết vì kiệt sức. Sau đó, Nicolas Ferdermann và Sebastian de Beladcazar cũng lên được đến cao nguyên Bogotá (1537-1539) theo hai phía khác nhau, nhưng rồi họ cũng thất vọng ra về giống như Gonzalo Jimenez de Quesada.

Người cai quản vùng đất ảo. Suốt từ năm 1584 đến 1597 Antonio de Berrio đã không ngừng truy tìm vịnh Manoa ở Llanos và ở Guiana. Người thời đó tin rằng đây là nơi xây dựng vương quốc huyền thoại. Ở tuổi 60, Antonio thậm chí còn được chỉ định là người cai quản Eldorado và Guiana nhưng cho đến khi ông qua đời 15 năm sau, ông vẫn chưa tìm ra cái vương quốc mà ông được giao quyền cai quản đó.

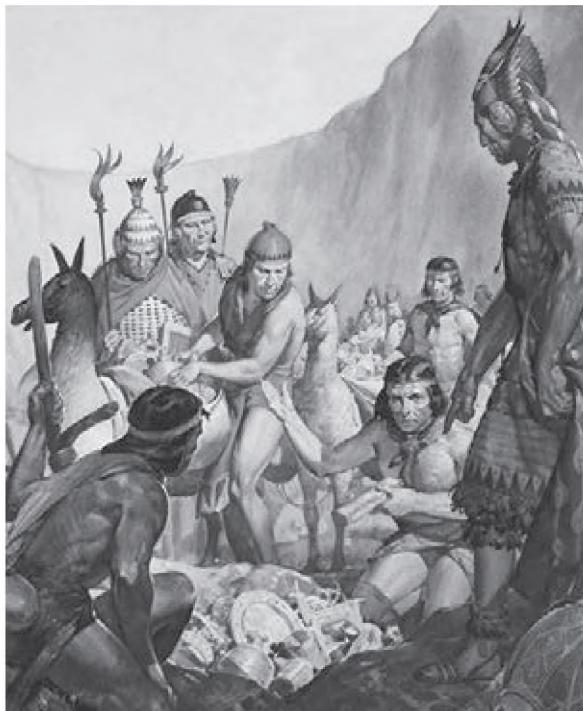
Chiếc hồ huyền thoại. Suốt từ năm 1540 đến 1912 người ta đã liên tục nạo vét và bom hút nước hồ Guatavita để tìm số vàng bạc châu báu mà tương truyền, người da đỏ Muiscas đã ném xuống hồ trước đây nhưng... chẳng tìm thấy gì đáng kể.

vời của nhà thám hiểm Anh Walter Raleigh đã góp phần giúp giấc mơ này lan rộng. Cho đến thế kỷ 18 văn hào Voltaire vẫn còn nói về Eldorado như một mục tiêu thám hiểm của nhân vật *Candide*.

• Đoạn cuối một huyền thoại

Truyền thuyết này chấm dứt hẳn vào đầu thế kỷ 19 nhờ nhà vạn vật học người Đức Alexander von Humboldt. Theo yêu cầu của người Tây Ban Nha vốn không ngừng tin vào huyền thoại Eldorado, Alexander đã đến thám hiểm thung lũng bang Apure và lưu vực sông Orénoque. Với mức độ chính xác cao, các nghiên cứu địa hình của Alexander đã cho phép xác định là Eldorado không hề tồn tại.

Năm 1954 các nhà khảo cổ Columbia đã đặt ra giả thuyết là hàng ngàn năm trước từng có một thiên thạch rơi xuống hồ Guatavita. Nghi lễ “Người vàng” có lẽ chỉ là để kỷ niệm sự kiện này và đồng thời cũng là để tỏ lòng tôn kính vị thần linh được xem là từ trên trời cao rơi xuống hồ.



Kho báu của người Inca.
Tranh của James McConnell

Những kho tàng dưới đáy biển

Nhờ trào lưu khai thác mỏ tại Tân Thế giới vào thế kỷ 16 mà một lượng lớn kim loại quý đã ồ ạt đổ vào châu Âu. Tuy nhiên, rất nhiều tàu vận chuyển vàng bạc của Tây Ban Nha đã mất tích ngoài đại dương. Ai sẽ tìm ra những con tàu đó?

- *Tuy tổ chức bài bản nhung.....*

Để chống lại tình trạng thiếu an ninh trên mặt biển, phòng thương mại *Casa de Contratacion* được giao nhiệm vụ vạch quy chế giao thông đường biển cho quãng đường từ thành phố Cadix tới châu Mỹ. Họ đã thành công trong việc tổ chức mỗi năm một chuyến đi cho một đoàn tàu mệnh danh là “Đội thương thuyền chở bạc” (bởi bạc là hàng hóa chủ yếu của đội thương thuyền đó). Đoàn tàu này có nhiệm vụ mang hàng hóa từ mảnh đất quê hương đi và lấy những tài sản quý giá của thổ dân da đỏ hoặc các nguồn tài nguyên mỏ khai thác ở đó đem về. Đoàn tàu lên đường vào mùa xuân và đến khi qua khỏi thành

Trên đường từ châu Mỹ trở về, những con tàu chất đầy kim loại quý đã bị những cơn bão dữ dội đánh chìm. Hiện nay vô số kho tàng quý báu vẫn còn nằm sâu dưới đáy biển.



phố Santo Domingo thì tách làm hai. Các thương thuyền của Tân Tây Ban Nha tức Mexico thì hướng về Cuba còn các thương thuyền của đại lục tức Nam Mỹ thì hướng về Cartagena nằm trên bờ biển Caribbean của nơi hiện nay là Columbia. Tại Callao, ven bờ biển Peru giáp Thái Bình Dương, ngay khi nghe tin có đội thương thuyền đến Cartagena, một đoàn tàu sẽ lập tức đi ngược về hướng eo biển Panama để đến dỡ các lô hàng quý xuống và sau đó chuyển lên lưng lừa để đi tiếp đến Caribbean. Các thương thuyền đại lục sau đó sẽ gặp lại thương thuyền Tân Tây Ban Nha ở La Havana còn đoàn tàu dỡ hàng thì đi khỏi và đến cuối năm mới quay trở lại Cadix.

• ... cả đoàn tàu vẫn mất tích

Tuy hệ thống tàu vận chuyển hàng luôn thành công trong việc chiến đấu chống hải tặc hay chống lại sự tấn công của các tàu Anh, Pháp hoặc Hà Lan, nhưng tổn thất cũng vô cùng to lớn nếu như cả đoàn tàu bị kẹt trong những cơn bão nhiệt đới dữ dội. Lúc khởi hành, đoàn tàu có từ 30 đến 40 chiếc gồm cả tàu chở hàng lẫn tàu vũ trang. Đi cùng đoàn tàu này là một chục tàu khác có trọng tải nhẹ hơn dành để chở thư từ và hàng hóa có giá trị không cao. Trong suốt hành trình, đoàn tàu phải lệ thuộc vào con tàu chậm



nhất và chỉ cần một con tàu có chút mệnh hệ nào là cũng đủ khiến các tàu khác chậm trễ theo. Ngoài ra, chỉ cần người dẫn đầu đoàn tàu tính sai một nước, nhất là ở vùng Caribbean, là có thể dẫn đến hậu quả thảm khốc.

Đó là trường hợp xảy ra năm 1641. Năm đó, viên tướng Tây Ban Nha lãnh sứ mệnh chỉ huy đoàn tàu đã cho đưa toàn bộ số vàng bạc lên duy nhất hai con tàu mà đó lại là những tàu có tình trạng không tốt. Hậu quả là tàu thứ nhất bị đắm ngay ngoài khơi Santo-Domingo, sau khi vừa thoát khỏi cơn lốc xoáy đã nhấn chìm 8 con tàu khác đi cùng. Tàu thứ hai thoát được và đi tiếp nhưng rồi cũng bị đắm khi gần đến bờ biển Tây Ban Nha...

- **Những đoàn tàu bị cuồng phá và sát hại**

Từ giữa thế kỷ 16 trở đi, đoàn tàu nào ra khơi cũng gặp ít nhiều tai họa. Năm 1567 là năm tồi tệ nhất. Một cơn bão lớn đổ ập xuống đoàn tàu ở ngoài khơi quần đảo Antilles khiến một số lớn tàu bị đắm hoặc bị đánh dạt vào đảo Dominique, một hòn đảo chưa được chiếm làm thuộc địa và là nơi sinh sống của thổ dân ăn thịt người. Kết quả là toàn bộ số người Tây Ban Nha sống sót đều bị thổ dân ăn thịt!

Ngay cả các cảng do người Âu xây lên cũng không bảo vệ được các đoàn tàu bởi vào năm 1563 có đến 7 con tàu bị bão phá hủy tại cảng Nombre de Dios, ở nơi bây giờ là Panama (5 con tàu khác sau đó cũng bị đá ngầm xé nát ở vịnh Campeche) và vào năm 1590 có 15 con tàu bị bão phá hủy ở cảng Veracruz.

Ngay cả khi các thương thuyền tơi tả này có gắng gượng vượt trở lại Đại Tây Dương thì số phận hẩm hiu vẫn đeo bám theo chúng... Năm 1591 có 16 con tàu bị đắm ở quần đảo Azores, và năm 1702 có 19 con tàu bị quân Anh - Hà Lan tấn công, phải tấp

CASA DE CONTRATACION

Thành lập năm 1503 ở Sevilla, *Casa de Contratacion* là một cơ quan nhà nước có nhiệm vụ giám sát mọi di chuyển của tàu bè từ Tây Ban Nha đến châu Mỹ và ngược lại.

Lúc đầu các con tàu không được phép ra khơi một mình mà phải tập hợp thành từng đoàn tùy theo điểm đến. Để đảm bảo cho chuyến hàng đi, *Casa* cấm các quốc gia tân thuộc địa sản xuất hàng chế biến công nghiệp. Điều này dẫn đến sự ra đời của một băng nhóm người Anh chuyên buôn lậu các sản phẩm châu Âu.

Tình hình này ngày càng trở nên nghiêm trọng khi *Casa* lấy lý do đảm bảo an ninh để quyết định chỉ cho phép mỗi con tàu chỉ được ra khơi một chuyến mỗi năm. Hậu quả của biện pháp này cũng dễ đoán: bởi phải chuyên chở nặng hơn để đáp ứng nhu cầu của mẫu quốc và các nước thuộc địa cho nên các con tàu cũng dễ gặp nạn hơn.

Cơ quan *Casa* cũng phụ trách việc tuyển người làm việc ở thuộc địa đồng thời phụ trách việc xây dựng chính sách thuế và thu thuế hải quan.

Mặc dù *Casa de Contratacion* đã thực hiện được nhiều việc nhằm thiết lập chế độ thuộc địa cho Tây Ban Nha nhưng nó cũng góp phần rất lớn vào việc đẩy nền kinh tế các nước thuộc địa châu Mỹ vào tình trạng kiệt quệ.

vào vịnh Vigo ở Tây Ban Nha để lánh nạn. Những con tàu đi riêng lẻ do bị bão tách ra khỏi đoàn tàu lớn thì trở thành mối ngon của cướp biển. Chúng đợi săn gần bờ biển Tây Ban Nha khi các con tàu trên đường quay về. Một số tàu thậm chí bị cướp ngay khi về gần đến Cadix.



Tàu chở vàng
bạc của Tây Ban
Nha bị đắm gần
Florida năm
1622

• *Kho tàng dưới đáy biển*

Con số tổn thất mà phòng thương mại Casa thống kê trong 12 năm đầu như sau: trong tổng số 391 tàu ra khơi chỉ có 269 tàu trở về. Như vậy tỷ lệ tổn thất ở thế kỷ 16 là hơn 30%. Tình hình này chẳng khả quan hơn trong suốt một trăm năm sau đó. Tuy vậy, từ năm 1503 đến năm 1660 tính ra cũng có đến 181 tấn vàng và 17.000 tấn bạc được các đoàn tàu vận chuyển từ châu Mỹ về đến Tây Ban Nha.

Cho dù các con tàu không chỉ vận chuyển đá quý và kim loại quý, cho dù một số tài sản quý giá đã bị cướp biển lấy đi và cho dù một số chuyến hàng đã được Tây Ban Nha cứu được từ những con tàu bị đắm, thì cũng vẫn còn một số lớn kho tàng hiện đang ngủ yên dưới lòng biển...

Sargasso - nghĩa địa trên biển

Vào thời kỳ mà việc đi lại trên biển bằng tàu buồm còn thịnh hành, biển Sargasso được xem là một trong những cạm bẫy đáng gờm nhất của thủy thủ. Nó đồng nghĩa với cái chết chậm rãi và kinh hoàng trên các con tàu bị giam lại bởi rong rêu và bị gió bỏ rơi.

- *Nghĩa trang những con tàu mất tích*

Được Christopher Columbus phát hiện năm 1492 trong cuộc hành trình đi biển đầu tiên, biển Sargasso được đặt theo tên một loài rong biển khổng lồ màu nâu nổi từng đám lớn trên mặt nước gọi là *sargassum*. Ngoài đặc thù sinh thái này ra, biển Sargasso còn có một đặc điểm khí tượng khác: thời kỳ đúng gió ở nơi này có thể kéo dài nhiều tháng. Đây là hai yếu tố gây hiểm họa cho các tàu buồm. Biển Sargasso không có dòng chảy và giáp với vịnh Gulf Stream ở phía Tây. Nó nằm giữa 20-30° vĩ Bắc và kéo dài từ quần đảo Greater Antilles ngoài khơi mũi Hatteras đến Đại Tây Dương chêch về phía Tây. Biển Sargasso rộng 650.000 km², tức bằng hơn phân nửa diện tích châu Âu, và là nơi duy nhất được loài cá chình chọn làm nơi sinh sản. Khi Christopher Columbus khám phá ra đàn cá chình, ông suy ra rằng đất liền nằm cách đó không xa. Mặc dù đây là một suy diễn sai nhưng rất may là không để lại hậu quả nào. Sau này, các thủy thủ đã đánh giá đúng mức hơn sự nguy hiểm của những đồng cỏ nổi này và biển Sargasso vì thế mà trở thành “vùng biển kinh hoàng” hay “nghĩa trang của những con tàu mất tích”. Đó là vì các con tàu có thể bị mắc vào những chiếc bẫy rong dài đến 100m và có thể vĩnh viễn nằm lì một chỗ bởi trời không có gió.

- **Cuộc du hành đầy sóng gió của con tàu Italia ba cột buồm**

Ngày 19 tháng 7 năm 1912, con tàu Italia ba cột buồm mang tên *Herat* xuất phát từ cảng Gulfport sông Mississippi (Mỹ) để lên đường đi Buenos Aires (Argentina), nhưng khi đến vịnh Mexico thì con tàu mắc một cơn bão và bị đẩy vào vùng nước nằm giữa Cuba và Yucantán. Đến khi cơn bão lắng xuống và trời yên biển lặng thì những người trên tàu thấy mình đang ở giữa một vùng biển phủ đầy rong rêu và thân cây, trên mặt biển có nhiều mảnh tàu vỡ. Một mùi thối rữa từ mặt nước bốc lên nồng nặc. Phải mất đến hai tháng sau, gió mới nổi lên trở lại và thổi về hướng Nam. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, gió lại đổi chiều, đưa tàu *Herat* trở về nơi mà nó vừa thoát ra. Trong suốt bốn tháng liên, con tàu chờ đợi mòn mỏi. Cho đến một đêm, khi mọi sự tưởng như đã tuyệt vọng và lương thực hầu như đã cạn kiệt thì gió bắt chợt lại nổi lên và con tàu ba cột buồm cuối cùng đã thoát ra khỏi chiếc bẫy của biển Sargasso.



Ngày 12 tháng 2 năm 1913, tức sau gần 7 tháng kể từ ngày rời khỏi Mỹ, tàu *Herat* cuối cùng đã quay được về cảng Bridgetown thuộc đảo

Tên của loài rong *Sargassum* đã được lấy để đặt cho biển Sargasso.



Bản đồ lục địa châu Mỹ của Frédéric de Witt.

Barbados. Vỏ tàu đen ngòm do bám đầy rong rêu - những đám rêu đã giữ chân con tàu trong suốt một thời gian dài.

- **Địa ngục bất động...**

Từ khi người Tây Ban Nha bắt đầu đặt chân lên châu Mỹ đã có hàng chục chiếc thuyền buồm bị chôn vùi vĩnh viễn trong cái địa ngục bất động này, và cho dù chúng có thoát khỏi thì cũng phải rất khó khăn. Người Anh gọi nơi này là “vĩ độ ngựa” để tưởng nhớ việc thủy thủ đoàn của những chuyến tàu chở hàng phải thường xuyên hy sinh những con ngựa mà họ dự định đưa đến cho những

conquistador để giải quyết vấn đề thiếu nước khi con tàu bị kẹt quá lâu không thể di chuyển. Ta có thể hình dung ra cái chết khủng khiếp của các thủy thủ bị mắc kẹt ở đó qua bản báo cáo của tàu hơi nước *Britannia*. Năm 1884, con tàu này đã phát hiện trên biển Sargasso một tàu buồm mang theo nhiều xác chết thối rữa đến mức không thể nào nhận dạng.

MẮC CẠN... GIỮA BIỂN KHƠI

Những cái bẫy tương tự như ở biển Sargasso luôn rình rập các thủy thủ ở mọi vùng biển khác nhau trên thế giới. Tháng 7 năm 1890, vào một buổi tối nọ, trong lúc đang di chuyển trên tuyến đường giữa Sài Gòn (Việt Nam) và Philippines, thủy thủ đoàn trên chiếc tàu buồm ba cột của Pháp mang tên *Fédération* chợt nhìn thấy những hình thù sẫm màu nổi trên mặt biển. Các thủy thủ nghĩ đó là những hòn đảo nhỏ mà bản đồ hàng hải đã bỏ sót. Bất chợt, tàu va mạnh phải một vật gì đó. Một lúc sau, một thân cây đột nhiên dựng đứng lên và đổ sập xuống boong tàu, ngay tiếp sau đó là một thân cây khác. Lá cây mắc vào boong thượng của tàu *Fédération* khiến tàu kẹt cứng. Qua quan sát, các thủy thủ thấy rằng vỏ tàu không bị hư hại và họ hy vọng có thể giải tỏa được chướng ngại này. Nhưng cho đến gần sáng các thủy thủ vẫn loay hoay kéo đám lá cây ra khỏi tàu mà không mấy kết quả. May sao, lúc đó có một cơn gió nổi lên, giúp các thủy thủ đưa tàu thoát ra khỏi vùng biển này. Trên đường về, viên thuyền trưởng cho tàu đi ngang qua nơi đó nhưng không nhìn thấy dấu vết “hòn đảo nhỏ” nào nữa.

Bí ẩn đó mãi sau này mới được giải mã khi người ta phát hiện ra rằng mỗi khi có đợt lũ lớn ở các bờ biển châu Á thì lại có những dải đất cùng cây cối bị bùt ra khỏi bờ và trôi dạt ra biển. Chính một trong những dải đất đó đã làm cho tàu *Fédération* bị mắc kẹt.

• ... truyền thuyết và ảo ảnh

Một nơi như thế rất dễ thành đề tài cho những câu chuyện phỏng đại và những huyền thoại.

Năm 1894, sau một cơn bão, chiếc tàu buồm Mỹ mang tên *J.G. Norwood* đã bị đẩy vào Sargasso và mắc kẹt ở đó. Người sống sót duy nhất trên tàu là Elipha Thomson, nhân viên phục vụ ăn uống. Anh ta kể rằng đã thấy tại đó một chiếc tàu Tây Ban Nha chất đầy vàng, một chiếc tàu hai cột buồm, một chiếc tàu hơi nước trên đó có lương thực và một chiếc tàu buồm nhỏ. Không ai sống sót trên những chiếc tàu này. Chính bằng chiếc tàu buồm nhỏ mà anh đã ra được biển lớn và được tàu khác cứu.

Năm 1968, một bộ phim giả tưởng mang tên *Những cư dân vực thẳm* của Michael Carreras đã lấy cảm hứng từ các truyền thuyết liên quan đến cái nôi kỳ lạ và kinh khủng này. Trong phim, những người bị lạc vào vùng rong rêu của biển Sargasso đã trải qua những cuộc phiêu lưu kỳ lạ. Khi thì họ phải đương đầu với loài giáp xác khổng lồ, lúc lại phải chống chọi với loài rong ăn thịt người và cuối cùng họ đã gặp hồn ma của con cháu những *conquistador* bị mắc kẹt suốt nhiều thế kỷ trong nghĩa trang của những con tàu mất tích...

Biển Sargasso quả thực là rất phù hợp cho những bộ phim kinh dị.

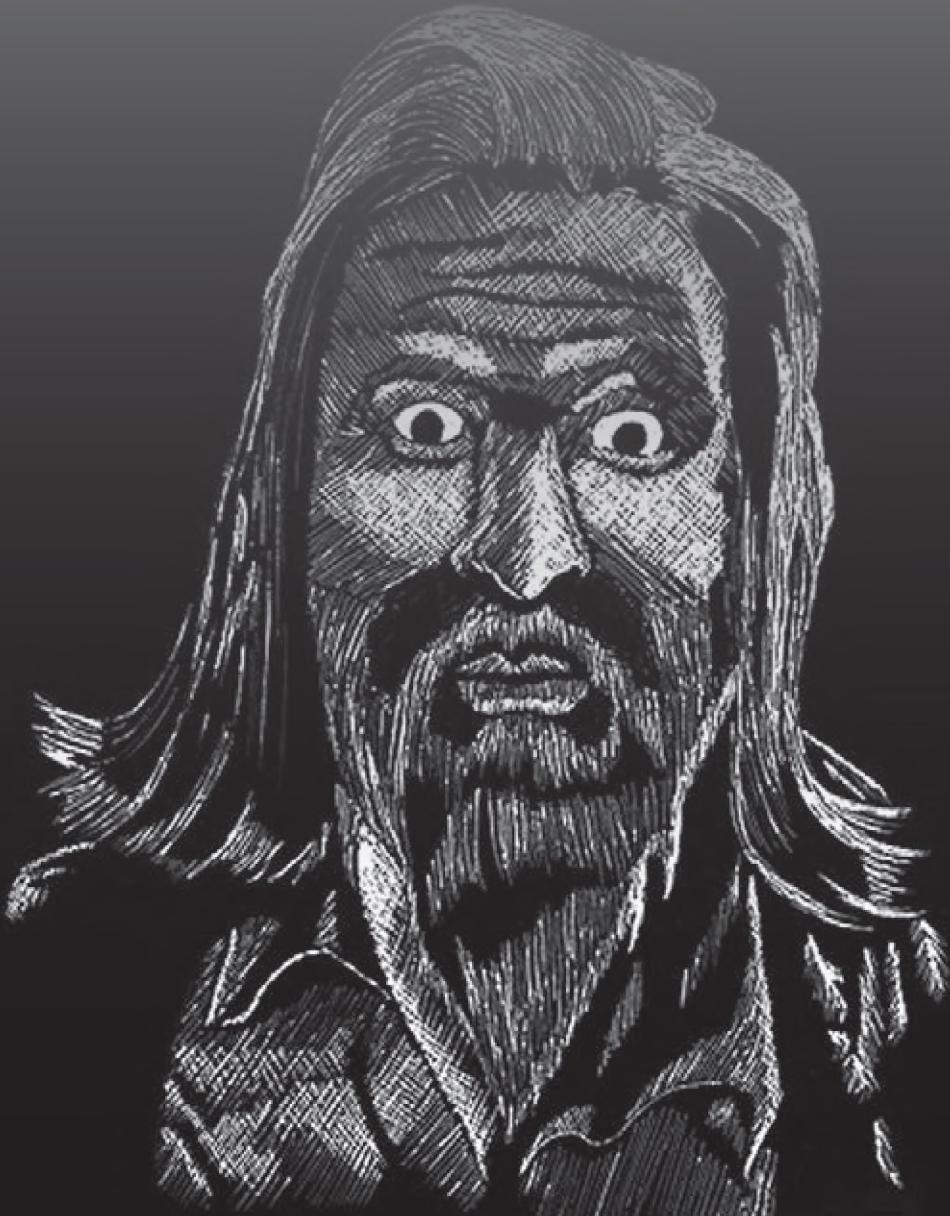
P h â n 2

BÍ KỊCH HIỆN ĐẠI

MẶC DÙ THÔNG TIN NGÀY NAY ĐÃ ĐÁNG TIN CẬY VÀ
DỄ KIỂM SOÁT HƠN, MẶC DÙ SỐ CÁC NHÂN CHỨNG NGÀY NAY ĐÃ
ĐÔNG ĐẢO HƠN, PHƯƠNG TIỆN KIỂM CHỨNG CŨNG PHONG PHÚ
HƠN, VÀ MẶC DÙ CÁC SỰ KIỆN KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC ĐUA LÊN
PHIM ẢNH... NHƯNG LỊCH SỬ CẬN ĐẠI VẪN TIẾP TỤC MANG THEO
NHIỀU UẨN KHÚC. NHỮNG ÂM MƯU, NHỮNG CUỘC ÁM SÁT,
NHỮNG TRƯỜNG HỢP MẤT TÍCH, NHỮNG VỤ MƯU SÁT
CÙNG NHỮNG LỜI ĐỒN ĐẠI VẪN TIẾP DIỄN VÀ KHÔNG PHẢI
LÚC NÀO CŨNG CÓ THỂ LÀM SÁNG TỎ.

Bí ẩn vẫn tiếp tục tồn tại cho dù tiến bộ khoa học ở mọi lĩnh vực
đã cố gắng thu hẹp nó. Bí ẩn vẫn luôn gắn chặt với lịch sử loài
người như bóng tối gắn liền với ánh sáng vậy... Bí ẩn dù đôi khi có
đáng buồn nhưng người ta vẫn chẳng thể nào lảng tránh được.

Nga



Rasputin và cuộc ám sát kinh hoàng

Ngày 19 tháng 12 năm 1916 là ngày mà ông hoàng Yussupoff và một vài quý tộc khác quyết định kết liễu cuộc đời của Grigory Rasputin, một tu sĩ có lối sống trụy lạc, một nông dân thích say sưa chè chén nhung được đúc vua và hoàng hậu sủng ái nhờ tài năng chữa bệnh của ông ta.

- *Từ một nơi héo láng ở Siberia...*

Grigory Rasputin xuất thân từ một ngôi làng nhỏ ở Siberia. Khi lớn lên, ông quyết định bỏ làng để dấn thân vào con đường tôn giáo, thần học và theo đuổi một cuộc sống rày đây mai đó. Sau vài năm lang thang truyền đạo, ông trở nên nổi tiếng khắp vùng và được mọi người xem như thánh sống. Năm 1904, Rasputin rời Siberia đến Saint-Petersburg, xin tá túc tại Viện Thần học, nơi ông được giới thiệu với Đức giám mục Hermogene và nhà thuyết giáo Iliondore. Bị thu hút bởi đức tin của Rasputin, hai vị này đã giúp ông thâm nhập xã hội Saint-Petersburg. Kể từ đó, Rasputin bắt đầu gây chú ý nhờ những câu chuyện kỳ diệu mà ông tạo ra lẩn do cuộc sống trụy lạc tráng tác của bản thân.

- ... để chinh phục triều đình

Lúc đó trong cung điện của Sa hoàng Nicholas II đang xảy ra một chuyện đau buồn. Hoàng tử Alexis, người thừa kế ngai vàng duy nhất đột nhiên mắc bệnh chảy máu không dứt, một căn bệnh vô phương chữa trị lúc bấy giờ khiến cho hoàng tử vô cùng đau đớn. Nghe đồn Rasputin có tài chữa bệnh, hoàng hậu Alexandra

bèn triệu ông vào cung để “làm phép lạ”. Quả nhiên, Rasputin đã nhiều lần giúp cậu bệnh nhân nhỏ giảm đau, thậm chí còn làm ngừng những đợt xuất huyết lớn có thể gây tử vong cho hoàng tử. Lẽ nào các đợt viếng thăm của Rasputin đơn giản là trùng hợp với thời điểm mà sức khỏe của hoàng tử được cải thiện? Không ai biết chắc đó có phải là tình cờ hay không. Nhưng chính nhờ ảnh hưởng tích cực của Rasputin lên căn bệnh của Alexis mà ông đã được hoàng hậu, triều đình và giới quý tộc Saint-Petersburg vô cùng ái mộ.

Lời kể của Yussupoff

“... Rasputin đã chết. Những giọt máu từ vết thương của hắn chảy xuống nền đá hoa cương. Thình lình mắt trái hắn mở ra... Cặp mắt trùng trùng, bỗng trở nên xanh lè như mắt rắn của hắn rơi thẳng vào tôi đầy căm hận.... Như phát điên, hắn đứng bật dậy, miệng sùi bọt mép. Trông hắn thật đáng sợ. Một tiếng rú man rợ tràn ngập căn phòng và tôi nhìn thấy một bàn tay với những ngón co quắp chụp xuống người tôi... Gã Rasputin vừa sống dậy đó không ngoặt rít tên tôi bằng một giọng uất nghẹn... Ở con người sắp chết do bị đánh thuốc độc và bị đạn xuyên thủng này, ở cái xác mà thế lực tăm tối làm hồi sinh để trả thù này có một điều gì đó thật đáng sợ và khủng khiếp, khiến cho đến tận bây giờ khi hồi tưởng lại giây phút đó tôi vẫn còn cảm nhận nỗi kinh hoàng khó tả... Tôi có cảm tưởng như gã nông dân này là hiện thân của quỷ sứ... Những ngón tay co quắp của hắn túm lấy tôi như thể không bao giờ muốn thả ra... Tôi không thể nào diễn tả hết sự kinh ngạc và khiếp sợ của mình khi nhìn thấy cánh cửa bật mở và Rasputin biến vào bóng đêm... Purichkevich vội vã đuổi theo hắn. Ba tiếng súng vang lên rồi tiếp đó là tiếng súng thứ tư... Tôi thấy Rasputin loạng choạng rồi đổ sụp xuống tuyết”.

Hoàng thân Yussupoff, Ngày tàn của Rasputin

• Vị Sa hoàng trên tất cả mọi Sa hoàng

Vua và hoàng hậu thân thiết với Rasputin đến mức mọi người bắt đầu gọi ông là “vị Sa hoàng trên tất cả mọi Sa hoàng”. Rasputin bèn lợi dụng tối đa sức thu hút của mình, nhất là đối với phái nữ. Mỗi khi có một thiếu nữ nào đến xin ý kiến Rasputin về một vấn đề nào đó thì câm chặc cô ta bị ông lạm dụng trong khi ngoài miệng vẫn thơn thớt nói về Chúa và sự chuộc tội. Cuộc sống truy lạc nổi tiếng của Rasputin chẳng hề vì thế mà ngăn cản nhiều phụ nữ tôn thờ ông, sẵn sàng xả thân cho ông. Căn hộ của Rasputin nhanh chóng trở thành nơi mà tất cả những ai muốn cầu cạnh điều gì, tất cả những nhân vật quan trọng đều phải ghé qua. Năm

1916, chủ tịch hội đồng Sturner và bộ trưởng nội vụ Protopopov thậm chí còn đến nhà Rasputin để tham gia buổi câu cơ do ông tổ chức. Vai trò của Rasputin trong xã hội khiến nhiều kẻ có thế lực ghen ghét và gán cho ông một tội danh chính trị mà có lẽ ông không đời nào phạm phải cho dù ông nói điều gì hoàng hậu cũng nghe theo.



Rasputin trở nên quan trọng đối với triều đình Nga nhờ có “phép lạ” chữa được bệnh cho hoàng tử Alexis.

CÁC GIÁO PHÁI THẦN BÍ Ở NGA

Từ sau thế kỷ 17 cho đến cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là khoảng thời gian mà ở Nga ra đời của rất nhiều giáo phái.

Các chiến sĩ tinh thần. Giáo phái này xem đạo chính thống là một hình thức tôn thờ thần tượng. Họ bỏ lễ rửa tội, không làm dấu thánh giá trước khi cầu nguyện và từ chối làm lễ cưới bởi cho rằng chỉ cần hai bên trai gái ưng nhau là đủ rồi. Với họ, gốc của đức tin không phải là Kinh Thánh mà là những điều mà các tín hữu truyền miệng từ đời này sang đời khác.

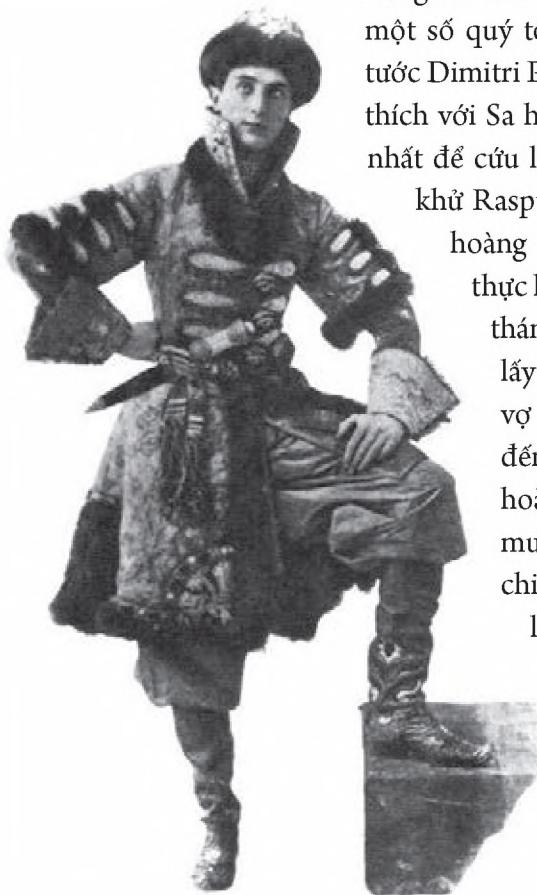
Các tu sĩ dùng roi tự hành xác. Mỗi khi họp hội, họ dùng gậy hay dùng các dải vải xoắn lại với nhau để tự quất vào người. Theo thuyết của họ thì Đức Ki-tô thường xuyên nhập vào những người mà họ gọi là “ki-tô”. Nhiều người thậm chí còn uống nước tiểu của các “ki-tô” trong lễ ban thánh thể. Họ tiếp cận Đấng Vĩnh hằng qua điệu “nhảy xoay tròn”, một dạng lễ nhập định tập thể mà sau khi kết thúc, tội lỗi của họ xem như đã được rửa sạch.

Những kẻ uống sữa. Giáo phái này do Simion Uklein sáng lập. Các tín đồ của nó hành xử đối lập với các “chiến sĩ tinh thần” và Giáo hội chính thống. Họ phá hủy tất cả những hình thánh, lấy hình thánh làm củi nhóm lửa. Họ không dùng thức uống có cồn (chính vì thế mà họ được gọi là “những kẻ uống sữa”). Con cái họ không được phép có đồ chơi, không được phép rong chơi ngoài đường hay ăn bánh kẹo, nhưng bù lại cũng không bao giờ bị cha mẹ trách phạt. Phụ nữ không đeo trang sức nhưng được đối xử bình đẳng với nam giới.

Những kẻ bị hoạn. Là một nhánh của nhóm tu sĩ dùng roi tự hành xác của thế kỷ 18, những người này cũng tham gia điệu vũ xoay tròn nhưng bổ sung thêm nghi lễ tự thiến. Họ cho rằng cần phải thoát khỏi lớp vỏ thể xác (tượng trưng bởi bộ phận sinh dục) thì mới tuyệt đối rửa sạch được tội lỗi.

• Miễn nhiễm với cyanua

Năm 1916, trước thất bại quân sự của Nga ngoài mặt trận và trước sự suy đồi của triều đình, một làn sóng căm phẫn đã dâng trào trong cả nước. Dư luận quần chúng cho rằng sở dĩ mọi sự trở nên tồi tệ là do Rasputin đã ảnh hưởng xấu đến Sa hoàng, và sở dĩ quân đội thua trận là vì vị thánh sống này đã bị gián điệp Đức mua chuộc.



Trong bầu không khí đây ắp hoài nghi đó, một số quý tộc trong đó có Đại Công tước Dimitri Pavlovich - một người thân thích với Sa hoàng - cho rằng cách duy nhất để cứu lấy quốc gia lúc này là trừ khử Rasputin. Felix Yussupoff, một hoàng thân 19 tuổi được giao thực hiện sứ mệnh này. Ngày 29 tháng 12 năm 1916, Yussupoff lấy lý do muốn giới thiệu vợ với Rasputin để mời ông đến lâu đài Moika. Trước đó, hoàng thân cùng những đồng mưu đã chuẩn bị sẵn những chiếc bánh ngọt tẩm một lượng chất độc cyanua đủ để giết chết 20 người.

Yussupoff (ảnh) bỏ vào bánh ngọt một lượng cyanua được cho là đủ để giết chết một con voi. Tuy nhiên, ông ta sau đó phải ra tay nhiều cách mới đạt được mục đích.



*Rasputin bao bọc bởi
các phụ nữ ngưỡng mộ ông.*

Họ cũng rót sẵn chất độc này vào chiếc ly dành cho Rasputin. Sau khi đến nhà Yussupoff, vị thánh sống ngồi xuống ăn uống thoái mái. Qua hai giờ mà ông vẫn mạnh khỏe, không hề hấn gì, mặc dù thông thường độc tính của cyanua phát tác chỉ trong vòng vài phút.

• *Rasputin không chịu chết*

Trong khi vị hoàng thân bắt đầu mất kiên nhẫn thì Rasputin vẫn tiếp tục đòi thêm rượu. Để kết thúc vụ việc, Yussupoff rút súng ra, tiến sát đến Rasputin và bóp cò. Nghe tiếng súng nổ, những người đồng mưu từ chối ẩn nấp mouseup. Sau khi khám nghiệm thi thể Rasputin, một bác sĩ cho biết ông ta vẫn còn sống. Tuy nhiên, không bao lâu sau, Rasputin ngừng thở và những kẻ mưu sát đưa xác ông xuống hầm lâu đài. Vài phút sau, Rasputin tỉnh lại, toan bóp cổ chết Yussupoff, sau đó lao ra ngoài. Phải thêm bốn phát đạn nữa mới khiến ông gục ngã. Nhưng chưa xong, những kẻ mưu sát còn nện nhiều phát vào đầu Rasputin khiến ông vỡ sọ. Sau đó, họ quấn thi thể Rasputin lại và vứt xác ông xuống sông

Neva. Sau khi tìm thấy xác Rasputin, người ta mới vỡ lẽ rằng ông vẫn còn sống khi bị ném xuống sông vì nguyên nhân dẫn đến cái chết của Rasputin là do... ngạt nước. Chính khả năng chịu đựng kỳ lạ này đã góp phần biến Rasputin thành một “siêu nhân” trong các câu truyện truyền thuyết. Phải chăng Rasputin miễn nhiễm với chất độc cyanua? Đây vẫn mãi là một bí mật. Dù sao thì mọi người cũng cho là ông ta có sức mạnh trời cho và khí chất siêu phàm.

Cuộc thảm sát gia đình Sa hoàng Nicholas II

Năm 1984, bà Anderson, một phụ nữ Mỹ, trước khi biến mất đã để lại một bí mật từng gây tranh cãi trong giới sử gia suốt từ năm 1920. Phải chăng bà là nữ đại công tước Anastasia, con gái của Sa hoàng II, người đã sống sót sau cuộc thảm sát ở Yekaterinburg?

- *Cuộc thảm sát ở Yekaterinburg*

Tháng 2 năm 1917, cả gia đình Nicholas II bị bắt giam. Kể từ khi bị chuyển từ dinh Tsarskoe Selo ở Tobolsk đến Yekaterinburg, điều kiện giam cầm của họ ngày càng tồi tệ đi. Theo công bố chính thức thì họ bị xử tử vào đêm ngày 16 rạng ngày 17 tháng 7 năm 1918. Cả Sa hoàng, hoàng hậu, 5 người con lẫn ngự y Botkin và 3 gia nhân đều bị xử bắn vào lúc 2 giờ sáng rồi sau đó bị đâm lê cho đến chết. Thi thể họ được đưa vào khu rừng gần đó và bị chặt ra từng khúc. Sau đó người ta tưới axit và xăng lên rồi châm lửa đốt. Tro cốt của họ bị đổ xuống một chiếc giếng trong một hầm mỏ ngập nước.

- *Những giả thuyết trái ngược*

Công bố chính thức này của thẩm phán Sokolov có nhiều điểm không chính xác và mâu thuẫn. Theo giả thuyết đáng tin cậy nhất thì chỉ Sa hoàng và người con trai là bị bắn chết, còn hoàng hậu và bốn cô con gái thì bị di lý đến Perm. Đây là khẳng định của Malinovski, một sĩ quan bách vệ, người được giao trọng trách điều tra vụ này sau khi thành phố Yekaterinburg bị chiếm lại một tuần sau ngày hành quyết. Trong báo cáo của mình, Malinovski

kết luận rằng nhiều người đã bị xử bắn nhằm ngụy tạo việc giết chết toàn bộ gia đình nhà vua. Song song đó, Kirsta, chỉ huy phản gián của Bạch vệ cũng tiến hành điều tra riêng và đã tìm ra những manh mối cho thấy hoàng hậu cùng bốn cô con gái đã hiện diện ở Perm trong tháng 8 và tháng 9 năm 1918. Nhiều nhân chứng còn nói rằng cô con gái tên Anastasia đã chạy trốn nhưng sau đó bị bắt lại và được một bác sĩ chăm sóc nhưng rồi cô lại tiếp tục bỏ trốn vào ngày 17 tháng 9. Các thông tin này khớp với lời kể của một nữ giáo viên ở Perm. Theo lời nữ giáo viên này thì “hoàng hậu và ba cô con gái lên đường bằng tàu hỏa sau tháng 9”. Như vậy, vào cái ngày mọi người lên đường thì Anastasia đã không có mặt ở đó. Lời chứng này đã được nhiều người thời đó xác nhận.



Theo công bố chính thức thì Sa hoàng Nicholas II cùng hoàng hậu và 5 con bị hành quyết vào đêm 16 rạng sáng 17 tháng 7 năm 1918.

CÁCH MẠNG NGA

Sau 3 năm chiến tranh, đến năm 1917 thì đế quốc Nga trở nên suy yếu. Tháng 2 năm 1917, nhân dân nổi dậy, thiết lập chế độ Xô viết tại các thành phố lớn ở Nga. Sa hoàng Nicholas II buộc phải thoái vị. Phe tư sản muốn thành lập một nước cộng hòa tự do. Ông hoàng Lvov, người đứng đầu chính phủ lâm thời, do muốn tiếp tục duy trì cuộc chiến chống Đức nên không ngăn nổi sự sụp đổ của kinh tế trong nước, do đó đành nhường chỗ cho Kerensky, một người thuộc đảng xã hội ôn hòa. Nhưng đến tháng 10 thì những người Bolshevik đứng lên cướp chính quyền dưới sự lãnh đạo của Lenin. Lenin sau đó ký một hiệp ước hòa bình riêng rẽ với Đức và thiết lập ra nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Ông phải chiến đấu chống lại lực lượng Bạch vệ trung thành với nền quân chủ và được quân đồng minh hậu thuẫn.

• Một cô gái tự nhận mình là Anastasia

Ngày 17 tháng 2 năm 1920, một cô gái toan nhảy xuống một con kênh ở Berlin tự vẫn nhưng may mắn được cứu thoát. Phong thái quyền quý của cô khiến cảnh sát lưu ý, nhưng cô nhất quyết không mở miệng và luôn ngồi thu mình một chỗ. Ngay cả khi bị chuyển đến viện tâm thần Dalldorf, cô vẫn giữ thái độ thờ ơ và không muốn để ai chụp hình. Tuy nhiên, nhờ một tấm ảnh của cô đăng trên một tờ tạp chí mà một bệnh nhân đã nhận ra cô là Anastasia Romanov, con gái của Sa hoàng Nicolas II. Tin này lập tức gây xôn xao dư luận. Tháng 3 năm 1922, cô gái được Nam tước Kleist đón về nhà. Cô dần dần mở lòng và cho biết mình quả thật là Anastasia. Một quân nhân tên Tchaikowski đã cứu cô

khỏi cuộc thảm sát ở Yekaterinburg và giấu cô một nơi. Sau đó anh đưa cô đến Bucarest và kết hôn với cô. Nhưng chẳng bao lâu sau anh lại bị giết chết. Với báo giới, kể từ đó cô gái sang trọng kia trở thành bà Tchaikowski. Những hoàng thân quốc thích thay nhau đến thăm hỏi cô. Có kẻ nhận ra cô, có kẻ không. Những người tin cô là Anastasia Tchaikowski cho rằng chi họ phụ của dòng dõi Romanov sở dĩ không thừa nhận cô là vì những lợi ích kín của mình.

• *Anastasia Anderson*

Năm 1929, bà Tchaikowski rời Đức sang Hoa Kỳ sinh sống. Tại đây, bà đổi họ thành Anderson. Tuy nhiên cuộc bút chiến về thân thế của bà vẫn tiếp diễn. Bên nào cũng trưng ra bằng chứng chứng tỏ mình đúng. Ngoài ngoại hình rất giống Anastasia, Anna Anderson còn biết những chi tiết mà chỉ riêng Anastasia mới biết. Việc bà mong muốn không để lộ thân phận không hề giống với thái độ thường thấy ở những kẻ mạo danh.



*Anna Anderson có phải
là nő Đại Công tước
Anastasia, ái nữ của
Sa hoàng Nicholas II,
hay chỉ là một cô
công nhân Ba Lan?*

Tuy nhiên, những người cho bà Anderson không phải là Anastasia thì nhấn mạnh các mâu thuẫn trong các câu chuyện bà kể. Điều lớn nhất chống lại bà là ngôn ngữ: trong khi Anastasia nói tiếng Nga và tiếng Anh hoàn hảo, nói một ít tiếng Pháp và rất kém tiếng Đức thì cô gái ở Berlin lại nói tiếng Đức rất giỏi. Cô ta hiểu tiếng Nga nhưng không chịu nói, còn tiếng Anh và tiếng Pháp thì không hiểu chút nào.

• Phát hiện mới

Năm 1928, nhà thám tử tư Martin Knopf mở cuộc điều tra bằng cách xem xét vấn đề theo chiều ngược lại: lần tìm dấu vết của cô gái trước ngày 17 tháng 2 năm 1920. Ông tham khảo các hồ sơ lưu trữ ở Berlin và tìm thấy một giấy cảnh sát thông báo vụ mất tích ngày 15 tháng 2 của một nữ công nhân trẻ người Ba Lan tên Franziska Schanzkowski. Chữ viết của nữ công nhân này rất giống nét chữ của bà Anderson và người này cũng đã từng vào viện tâm thần hai lần.

Thám tử Knopf tìm gặp những người trong gia đình Schanzkowski ở Pomerania và đưa họ xem ảnh của Anna Anderson. Họ nhận ra ngay đó là Franziska. Mẹ của nữ công nhân kể rằng con gái bà từng bị thương ở ngón tay giữa của bàn tay trái. Anna quả thật cũng có một vết theo rất sâu ở ngón tay này. Tất



Chân dung Đại Công tước Anastasia Nikolaevna Romanova. Anastasia là con gái út của Sa Hoàng Nicholas II. Cô được mô tả là hồn nam tính, rất hiếu động và không điệu đàng như các chị.

cả mọi chi tiết mà thám tử Knopf thu thập sau đó đều được kiểm chứng và cho thấy là trùng khớp ở cả hai bên. Tuy nhiên, mặc dù mọi bằng cớ đã rành ràng nhưng bà Anderson vẫn không thừa nhận đó là sự thật.

- *Những bí ẩn mới*

Tuy đến nay mọi người đều đã biết chắc bà Anna Anderson không phải là nữ Đại Công tước Nga mà chỉ là một nữ công nhân Ba Lan có thần kinh bất ổn, nhưng vẫn không ai tháo gỡ được bí ẩn về Anastasia. Bà Anderson đã thu hút sự chú ý của mọi người trong thời gian dài, nhưng bí ẩn thực sự về vụ Yekaterinburg vẫn chưa được giải mã. Không ai biết hoàng hậu và các cô con gái có thoát khỏi cuộc hành quyết hay không bởi bản công bố chính thức khó thuyết phục được ai. Trong trường hợp không bị hành quyết thì 5 người phụ nữ này hiện giờ ra sao?

Năm 1970, một phụ nữ lớn tuổi qua đời, để lại một quyển sổ tay mà bà chỉ cho phép mọi người mở ra xem 10 năm sau khi bà chết. Trong quyển sổ này bà khẳng định mình là nữ Đại Công tước Maria, chị của Anastasia, và cũng là người bị tuyên bố đã qua đời ở Yekaterinburg. Bản viết tay này sau đó được cháu nội của bà là Alexis de Durazzo, hoàng tử vùng Anjou, cho xuất bản năm 1982.

Hết chuyện này lại đến chuyện khác... Năm 1979, người ta phát hiện 9 bộ hài cốt ở Yekaterinburg trong khi theo công bố chính thức thì có đến 11 người bị xử tử... Vậy chuyện gì đã xảy ra cho hai thi thể còn lại? Và nhất là hai thi thể này là của ai? Đến thập niên 1990 lại có thêm một người tên Alexander Filatov tự xưng mình là con trai của Nicholas II...

Ngày 17 tháng 7 năm 1998, hài cốt của những người chết được chuyển đến nhà thờ Saint-Pierre & Paul ở Saint Petersburg, tuy nhiên bí mật về câu chuyện này thì vẫn chưa được làm sáng tỏ...



Các ái nữ
của Sa hoàng
Nicholas II:
Olga, Tatiana,
Maria và
Anastasia.

ANASTASIA PHẢI CHẶNG LÀ NẠN NHÂN CỦA CẢ PHE ĐỎ LẪN PHE TRẮNG?

Theo Marc Ferro, một sử gia người Pháp, thì Anastasia cùng các chị và mẹ có lẽ đã thoát chết năm 1918 nhưng những người *Bolshevik* và đối thủ của họ đều muốn che giấu sự thật này.

Tại sao họ thoát được vụ thảm sát? Vì lý do chính trị. Vào thời đó, chế độ *Bolshevik* vẫn còn rất non yếu. Dưới mắt Lenin thì chế độ này có tồn tại hay không là tùy thuộc vào việc có ngưng được cuộc chiến với Đức hay không. Do hoàng hậu là người Đức còn các cô con gái của bà đều có đính hôn với gia đình hoàng đế Wilhelm của nước Đức nên việc hành quyết họ có thể dẫn đến hậu quả khó lường. Người *Bolshevik* vì thế đã giấu họ ở một nơi chắc chắn trước khi đưa họ sang Đức. Về phần Anastasia, cô đã không chờ đến lúc đó mà bỏ trốn trước cùng một trong những người lính gác đã làm cô mang bầu. Sau khi gặp lại gia đình ở Berlin, cô trở thành người thừa kế của Sa hoàng. Nhưng cô gặp phải sự chống đối của Đại Công tước Cyrille, một kẻ khao khát ngôi báu. Để chứng minh thân phận của mình, cô đã tiết lộ việc anh họ của hoàng hậu (Wilhelm II) toan đến Nga vào năm 1916 để hòa đàm riêng rẽ với Sa hoàng Nicholas II. Thế là gia đình cô quay lưng lại với cô. Họ thậm chí còn tạo ra một Anastasia giả để thay thế cô khiến cô trở nên điên loạn...

Như vậy cả bên đỏ (Hồng quân) lẫn bên trắng (Bạch vệ) đều được lợi khi phủ nhận Anastasia còn sống. Hồng quân thì phủ nhận việc này để không bị xem là đồng minh của Đức và cũng vì muốn đề phòng dòng họ Romanov khôi phục địa vị. Còn Bạch vệ thì phủ nhận vì không muốn tiết lộ chuyện Sa hoàng tiếp xúc với Đức và nhất là vì muốn hợp pháp hóa chi họ phụ của hoàng tộc...

Đức Quốc Xã



Hitler và tư tưởng của các hội kín

Mỗi liên hệ giữa Đệ tam đế chế (tức Đức Quốc Xã) với hoạt động huyền bí và ma thuật đã được nêu ra tại tòa án Nuremberg năm 1946 nhưng không được các quan tòa lúc đó quan tâm. Tuy nhiên, mối liên hệ này có lẽ sẽ cho phép ta hiểu rõ hơn cương lĩnh của phe phát-xít và hành động của một số thủ lĩnh Đức Quốc Xã.

• *Hội Thule hợp thức hóa chủ nghĩa chủng tộc*

Một trong những nền tảng của hệ tư tưởng Hitler được xây dựng trên thuyết *liên Đức* nhằm đến việc thống nhất về mặt kinh tế và chính trị toàn thể những dân tộc mang gốc Đức. Ngoài việc xây dựng một cộng đồng Đức theo nghĩa rộng, phe phát-xít còn bổ sung vào đó huyền thoại về tính thuần chủng. Dựa vào chủ nghĩa dân tộc làm mê hoặc công chúng này mà nhiều hội kín đã ra đời với phương châm pha trộn sự huyền bí với chính sách cực đoan chính trị. Hội kín có ảnh hưởng mạnh nhất trong số các bang hội này sinh ở Đức vào đầu thế kỷ 20 là hội Thule.

Tư tưởng chính của hội Thule thiên về “một dân tộc thuần chủng” đã được Hitler lấy làm tuyên ngôn của Đảng Quốc Xã.



LÃNH TỤ ĐẢNG QUỐC XÃ VÀ CÁC THẦY TỬ VI

Mặc dù Hitler không tham gia các hội kín nhưng ngay từ thập niên 1920 ông ta đã rất mê thích những trò ma thuật và khoa học huyền bí. Người ta đồn rằng ông rất mê tín dị đoan (giống Hess) và luôn tham vấn các thầy tử vi trước khi đưa ra quyết định quan trọng. Trong giai đoạn từ 1942 đến 1943, khi thế lực quân đội Đức bắt đầu suy yếu, Hitler thậm chí còn ra lệnh “trục xuất” một số “thầy bói” vì đã dám tuyên bố Đức đại bại. “Cố vấn tâm linh” quan trọng nhất của Hitler là một người tên Eri-Jan Hanussen, một “đạo sĩ huyền thuật” thường hay tổ chức những nghi lễ nhập môn nhuốm màu tà đạo vào các buổi chiêu tối cho một nhóm ít người. Vị đạo sĩ này nổi tiếng vì được nhiều viên chức phát-xít cao cấp trả vàng để ông ta xem tử vi cho họ. Do bị một số lãnh tụ Đảng Quốc Xã căm ghét vì ảnh hưởng quá lớn của ông ta lên các quyết định của Hitler nên ông ta trở thành nạn nhân của báo chí dưới sự chỉ phối của Goebbels, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Tuyên truyền. Người ta đã tìm thấy xác của ông, lõi chổng, chôn trong một nấm mồ hép ở một khu vực ngoại ô Berlin.

Thành lập năm 1912, hội này lấy tên một miền đất huyền thoại nằm ở phía Bắc La Mã là *ultima Thule*, một miền đất trải dài trên một cánh đồng bao quanh bởi những dãy núi băng sáng chói, nơi cư ngụ của một chủng tộc thượng đẳng. Giống như Atlantis, Thule cũng đã chìm sâu vào lòng biển nhưng một vài cư dân nơi đó đã thoát khỏi thảm họa này và sau đó sản sinh ra chủng tộc Aryan. Các hội viên Thule tin rằng những người tóc vàng mắt xanh cao to lực lưỡng ở Bắc Âu và nhất là ở Đức là hậu duệ thuần khiết của những cư dân Thule sống sót sau thảm họa. Thuyết liên Đức vì

thể được xây dựng trên tinh thần phân biệt chủng tộc và được hợp thức hóa bằng huyền thoại.

- ***Hitler dưới sự chi phối của hội Thule***

Kẻ khởi xướng hội Thule là một người Đức tên Sebottendorf. Rất nhiều hội viên Thule sau này chiếm địa vị quan trọng trong Đức Quốc Xã, trong số đó có Dietrich Eckart, một cựu kịch tác gia, người đã truyền đạt tư tưởng của hội Thule cho Hitler; Rudolf Hess, nhân vật thứ hai của Đảng Quốc Xã, kẻ truyền cảm hứng cho bản tuyên ngôn *Mein Kampf* của Hitler khi hai người còn ở trong lao tù sau khi cuộc đảo chính ngày 3 tháng 11 năm 1923 ở Munich bị thất bại; Alfred Rosenberg, nhà lý luận về thuyết chủng tộc của Hitler; và Karle Haushofer, một quân nhân đồng thời cũng là nhà ngoại giao, người đề xướng tư tưởng *Lebensraum* tức “không gian sống” mà theo ông ta là vô cùng cần thiết cho sự phát triển của “chủng tộc thượng đẳng” Đức.

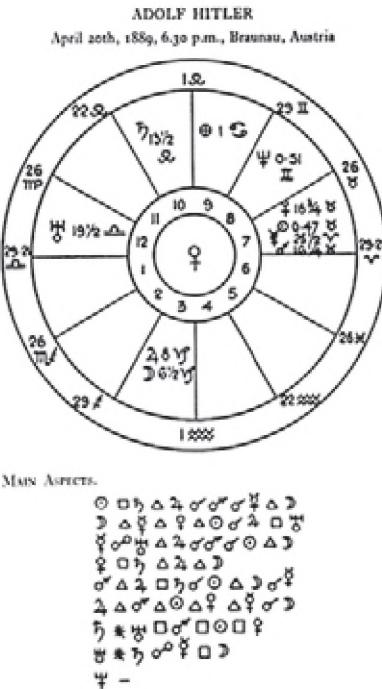
- ***Chữ Vạn trở thành biểu tượng của Đức Quốc Xã***

Hitler lấy huy hiệu của hội Thule làm biểu tượng của Đệ tam Đế chế. Biểu tượng này có hình chữ thập ngoặc, xuất phát từ chữ *svastika* (chữ Vạn), biểu trưng cho Mặt trời của người Aryan. Biểu tượng này do Haushofer truyền lại cho các hội viên Thule bởi ông

Rudolph Hess, người mà niềm tin vào hội Thule đã dẫn đường đến nước Anh



đã từng sống một thời gian dài ở Tây Tạng vào đầu thế kỷ 20 nên biết rõ các nghi lễ tôn giáo cùng các biểu tượng Phật giáo Tây Tạng. Ngay cả ở Đức, ông ta cũng thường xuyên giao du với những nhân vật lạ lùng. Những người này giống phù thủy hơn là pháp sư và được gọi là “những kẻ mù đèn”, một trong những giáo phái Tây Tạng. Nhưng biểu tượng mà ông ta phổ biến cho nhóm Thule bị đảo ngược so với biểu tượng Phật giáo phương Đông. Đầu của các nhánh trên chữ thập của Haushofer xoay từ trái sang phải còn thì xoay theo chiều ngược chúa tể” đã hình thành như



Tử vi của Hitler do các cố vấn
tâm linh của ông thiết lập.

- *Cuộc phiêu lưu của Rudolf Hess*

Ảnh hưởng của hội Thule và nhất là của Karl Haushofer được thể hiện chủ yếu qua hành vi của Rudolph Hess. Chính do ảnh hưởng của Thule mà Hess đã nảy sinh ý định đàm phán hòa bình riêng với Anh. Theo thuyết của Haushofer thì nếu Đức muốn

phân chia phương Tây thì chỉ có thể phân chia với một dân tộc duy nhất là người Anglo-saxon. Người Anh không phải là kẻ thù của Đức mà chỉ là một đối thủ mà Đức cần thương lượng để phân chia vùng ảnh hưởng.

Hitler lúc đầu cũng bị tư tưởng này cuốn hút, nhưng về sau lại không quan tâm nữa. Hess vì thế đã một mình bay sang Anh ngày 10 tháng 5 năm 1941 và nhảy dù xuống vùng Renflexshire ở phía Nam Scotland để gặp gỡ công tước Hamilton, thành viên Quốc Hội Anh, đồng thời là trung tá không lực hoàng gia Anh, người giữ vai trò trung gian trong cuộc đàm phán hòa bình. Đây là người mà Haushofer đã liên hệ xin gặp từ năm 1940. Hamilton sau đó đã thông báo lên cấp trên về cuộc viếng thăm của Hess nhưng cuộc đàm phán không đi đến đâu bởi Rudolph Hess chỉ đại diện cho riêng bản thân mình.

Ngày tàn của nhà độc tài Hitler

Cuối tháng 4 năm 1945, thủ đô Berlin của Đức Quốc Xã bị Hồng quân Liên Xô bao vây và liên tục dội bom. Hitler trốn vào khu vực phòng không dưới phủ thủ tướng. Khi thấy không còn đường thoát thân, lãnh tụ của nước Đức Quốc Xã quyết định tự kết liễu cuộc đời.

- ***Hitler trốn dưới boong-ke***

Boong-ke này được xây dưới mặt đất 16m và có hai tầng, phía trên là một nắp đậy bằng bê tông cốt thép. Tầng dưới là nơi mà Hitler và ban tham mưu của ông sử dụng làm nơi hội họp. Đây cũng là nơi ẩn náu của một số thành viên trung thành với chế độ quốc xã. Hitler trốn vào đây sau khi được tin quân đoàn 9 của Tướng Wenck mà Hitler trông đợi sẽ giải thoát cho Berlin bị đánh thảm bại.

Ngay từ ngày 23 tháng 4, Hitler tiết lộ với chỉ huy trưởng lực lượng vũ trang Keitel và bộ trưởng khí tài và vũ trang Speer ý định tự sát và phi tang thi thể của ông. Hitler không muốn thi hài của mình bị đưa ra bêu riếu trước công chúng. Ông hiểu rất rõ chuyện này là như thế nào bởi trước đây ông đã từng cho treo thi thể của Feldmarkschall von Wizleben, một người bị tố cáo là liên quan đến việc mưu sát ông, vào một chiếc móc thịt. Đêm 26 tháng 4, quân Nga bắt đầu dội bom thành phố và tiến sát Phủ thủ tướng, chỉ còn cách 2km.

- ***Ngày tàn của nhà độc tài***

Có hai sự kiện dẫn Hitler đến quyết định tự sát. Sự kiện đầu tiên xảy ra ngày 28 tháng 4 khi Hitler hay tin Himmler, người được chỉ

*Cái chết của Hitler:
tấm ảnh này được
cho là chụp vài giờ
sau khi Hitler tự sát.*



định kế vị ông, đã ngầm ngầm đàm phán hòa bình với phe đồng minh. Tin này khiến Hitler giận điên và lập tức thảo ra hai tờ di chúc, một di chúc cá nhân và một di chúc chính trị trong đó đô đốc Donitz mới là người được Hitler chỉ định kế vị mình. Ngày hôm sau, Hitler lại được tin người bạn đồng minh ngay từ những ngày đầu chiến tranh là nhà độc tài Ý Mussolini bị hành quyết. Có lẽ ông ta cũng nghe được chuyện thi thể của Mussolini bị treo ngược lên tại chợ Milan và bỏ lại đó cho dân chúng trừng phạt. Từ đó, Hitler bắt tay vào chuẩn bị rất kỹ cho cuộc tự sát của mình.

Trước hết Hitler cho hạ sát con chó của mình. Hitler vừa mới kết hôn với người bạn gái Eva Braun vào ngày 29 tháng 4 thì ngay ngày hôm sau, ông nói lời từ biệt với Ban Tham mưu và những thành viên cuối cùng của Đảng Quốc xã. Sau đó, hai vợ chồng Hitler rút vào phòng riêng. Một tiếng súng vang ra. Sau một lúc,

những người thân đang chờ sẵn ngoài cửa xông vào phòng. Hitler nằm dài trên ghế sofa, người đầy máu. Phát súng mà Hitler tự bắn vào miệng đã làm bay mất một nửa chiếc sọ của ông. Cạnh đó là thi thể của Eva Braun. Bà tự sát bằng thuốc độc. Bản thân Hitler cũng dùng thuốc độc trước khi bắn vào miệng.

Nguyện vọng cuối cùng của trùm phát xít Đức

Trước khi tự sát, Adolf Hitler viết nguyện vọng cuối của mình qua hai văn kiện. Văn kiện thứ nhất trích từ di chúc chính trị của ông ta tức di chúc mà ông ta thảo ra để quyết định việc ai sẽ là người kế vị, còn văn kiện thứ hai trích từ di chúc cá nhân của ông ta:

"Sau 6 năm chiến tranh (...), tôi không đành lòng rời bỏ thành phố này, vốn đồng thời cũng là thủ đô của Quốc Xã... Chính vì vậy tôi quyết định ở lại Berlin và sẽ tự kết liễu đời mình ngay khi không còn khả năng hoàn thành nghĩa vụ của một lãnh tụ và của một thủ tướng..."

"Trước khi chết, tôi quyết định kết hôn với người phụ nữ mà sau bao năm từng là người bạn trung thành của tôi nay chấp nhận đến thành phố này để cùng chia sẻ số phận với tôi. Nguyện vọng của cô ấy là được chết bên tôi với tư cách là người vợ (...) Tôi và vợ tôi chọn cái chết để không phải chịu đựng nỗi sỉ nhục bị truất phế và để không phải đầu hàng. Nguyện vọng của chúng tôi là được hỏa táng ngay tại nơi mà tôi đã bỏ công sức làm việc suốt 12 năm trời để phục vụ nhân dân".



Mẫu sọ được cho là của Hitler tại Cơ quan Lưu trữ Quốc gia Nga

- *Tro cốt của Quốc trưởng ở đâu?*

Một tấm khăn được khoác lên thi thể Hitler để che chiếc đầu vỡ. Sau đó, hai thi thể được đưa ra ngoài vườn. Các lối ra vào vườn đều bị phong tỏa,

chỉ còn lại vài người tham gia việc hỏa táng. 180 lít xăng được tưới lên hai xác chết và ngọn lửa đã cháy âm ỉ suốt cả buổi. Khi quân Nga vào được đến boong-ke, họ tìm thấy vài xác nhưng dĩ nhiên không thể thấy xác Hitler.

Làm sao biết đống tro và xương còn lại là từ xác chết của Hitler? Chính sự mơ hồ này đã tạo ra rất nhiều lời bàn tán về tro cốt thực của ông, cũng như việc liệu ông có dàn cảnh cái chết của mình hay không. Theo Guensch, viên sĩ quan mật vụ SS hầu cận Hitler, thì tro cốt ông ta đã được đưa ra khỏi Phủ thủ tướng và có thể đã được chuyển cho Arthur Axmann, lãnh tụ Đoàn thanh niên Hitler. Tuy nhiên, không có bất kỳ nguồn tin nào khẳng định việc này.

- *Một cuộc đào tẩu ngoạn mục?*

Một số sử gia tỏ ra nghi ngờ việc Hitler tự bắn vào đầu. Họ cho rằng các bộ hạ của Hitler đã dựng lên chuyện này nhằm mô tả Hitler “chết như một vị anh hùng”. Theo họ, có thể Hitler đã trốn thoát khỏi boong-ke. Một giả thuyết cho rằng Hitler đã được đưa lên tàu ngầm Đức U-977. Tàu ngầm này đã đi đến cảng Mar

del Plata ở Argentina vào cuối cuộc chiến. Richard Koshimizu, nhà nghiên cứu thuộc Viện Quan hệ quốc tế Nhật Bản mới đây tiết lộ trên trang web của ông rằng Hitler đã được giải thoát bởi chính Hoa Kỳ và Anh (để ông không rơi vào tay Liên Xô) trong một chiến dịch mang tên “Overseas South” (tạm dịch là “Vượt biển Nam”) nhằm giải thoát các quan chức cao cấp nhất của Đức Quốc Xã.

Theo nhà điều tra De Napoli, sau khi thế chiến 2 kết thúc (ngày 7 tháng 5 năm 1945), đã có hai chiếc tàu ngầm U-530 và U-977 đến Argentina vào ngày 10 tháng 7 và 17 tháng 8 cùng năm. Hitler có thể có mặt trên chiếc U-977. Những lập luận này được đưa ra bất chấp việc viên chỉ huy trưởng của tàu U-977 là H. Schaeffer đã cùng thủy thủ đoàn đầu hàng và sau đó viết trong một quyển sách, dứt khoát bác bỏ việc ông đã đưa Hitler đến Argentina.



Các phóng viên chiến tranh đang xem xét chiếc ghế sofa Hitler và Eva ngồi khi tự sát, bên trong căn hầm của Hitler.

De Napoli vẫn khăng khăng rằng: “Hải quân Argentina đã lập một vùng tự do để tàu ngầm Đức đáp vào theo một chỉ thị từ Anh. Chúng tôi nghĩ rằng Hitler, Eva Braun, Grettel Braun và Martin Bormann đã thoát nạn nhờ chiến dịch này”. Richard Koshimizu thì viết: “Thật ra chuyện này không có gì kỳ quái nếu biết rằng Churchill (thủ tướng Anh) được sự bảo trợ của nhà tài phiệt ngân hàng Rothschild, người đỡ đầu và cũng là ông nội của Hitler (!?)”.

Trong khi đó, Verlasco - người tự nhận đi cùng Martin Bormann trên tàu ngầm U-313 từ Villa Garcia (một làng chài Tây Ban Nha) đến Argentina - nói đã được Bormann tiết lộ rằng Hitler đã được chuyển đến một pháo đài ở Bavaria. Eva Braun chết ở đây do dùng sai thuốc lúc ở boong-ke... Theo Verlasco, Bormann biết rõ Hitler đang ở đâu và tỏ ra rất hân diện vì đã làm cho cả thế giới tin rằng Hitler đã tự sát.

- ***Hitler chết ở Argentina năm 1985?***

Nhà báo Abel Basti thậm chí còn đi xa hơn khi thu thập các cam kết của nhiều nhân chứng, hình ảnh và sơ đồ để dẫn đến nơi trú ẩn của Hitler, Bormann, tiến sĩ tử thần Joseph Mengele (người điều khiển các thí nghiệm rùng rợn trên tù nhân ở trại tập trung Auschwitz và thực hiện nhiều tội ác ghê tởm) và Adolf Eichman (người được trao trách nhiệm chính trong kế hoạch thủ tiêu người Do thái ở châu Âu).

Đó là nông trang Incalco của nhà doanh nghiệp Argentina Jorge Antonio, nằm tại làng Angostura trên bờ hồ Nahuel Huapi, cách Bariloche 80km về phía Bắc. Nơi này nằm giữa một cánh rừng thông và người ta chỉ đến được đó bằng thuyền hay thủy phi cơ. Jorge Antonio là người thân cận của vị tổng thống Argentina ba lần tái đắc cử Juan Domingo Peron.



Hitler và Eva Braun

Về phần Richard Koshimizu thì, dựa vào các hồ sơ được giải mật của tình báo Nhật Bản, ông cho rằng Hitler đã chết vào tháng 12 năm 1985 tại Mendoza, Tây Bắc Argentina. Xác của ông được chôn tại nghĩa trang Palmero, cách thị trấn này 30 dặm.

Trong khi đó, nhiều nhà viết sử về Hitler vẫn bảo vệ ý kiến cho rằng lãnh tụ Đảng Quốc Xã đã chọn ở lại và chết ở Berlin bằng cách chứng ra các chúc thư của Hitler. Lời khai của những người chứng kiến giây phút lâm chung của Hitler và cuộc điều tra do Trevor-Roper tiến hành cũng cho thấy Hitler quả thật đã chết trong boong-ke và thi thể của ông ta đã bị hỏa táng. Những người này cho rằng lập luận “một cuộc đào tẩu” là sản phẩm của những kẻ sùng bái và tưởng nhớ chế độ phát-xít.

Cuộc tranh cãi này có vẻ lắng xuống khi, vào năm 2000, người Nga đưa ra trưng bày mẫu sọ có lỗ đạn của Hitler.

- *Nghi ngờ nối tiếp nghi ngờ*

Nhưng mẫu sọ này cũng bị nghi vấn nốt. Các nhà khoa học Mỹ mới đây đã bắt tay vào xây dựng bộ phim tài liệu mang tên *Hitler's Escape* (Cuộc đào thoát của Hitler). Để làm phim, họ tới Nga, kiểm tra mẫu xương sọ và phát hiện ra nhiều điều thú vị.

Chuyên gia về xương Nick Bellantoni cho rằng mẫu sọ này không phải là của Hitler do quá mỏng so với sọ của đàn ông. Hơn nữa, những đường rãnh trên sọ cho thấy nó thuộc về một người

Những cuộc tranh luận về cái chết của Hitler vẫn đang là đề tài nóng bỏng trên báo chí.

dưới 40 tuổi (năm 1945, Hitler 56 tuổi). Bellantoni dùng một miếng gạc vô trùng quét qua mẫu sọ và lấy đi một số mẫu DNA. Mẫu DNA này sau đó được chuyển về Trung tâm Nghiên cứu di truyền của trường Đại học Connecticut, Hoa Kỳ, để phân tích. Kết quả thật là bất ngờ: mẫu xương sọ kia thuộc về một phụ nữ!

Công bố này bị phía Nga phản ứng quyết liệt. Hãng tin RIA Novosti tuyên bố Bellantoni chưa từng đặt chân đến Cơ quan Lưu trữ Quốc gia Nga. Mặc dù loạt phim tài liệu trên *History Channel* có cảnh Bellantoni đang cầm mẫu sọ vỡ được cho là của Hitler và gỡ từ đó một số mảnh nhỏ để đưa đi xét nghiệm, nhưng Phó Giám đốc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Nga Vladimir Kozlov lại tuyên bố không nhân viên lưu trữ nào của Nga có thể cho phép một nhà khoa học Mỹ làm việc này. Nhưng Kozlov lại nói thêm rằng cho dù mẫu sọ đó là của phụ nữ thì điều đó cũng không thay đổi thực tế rằng Hitler đã chết. Theo ông, phía Nga vẫn giữ một phần xương hàm của Hitler với đầy đủ thông tin về răng cho thấy nó thuộc về trùm phát-xít Đức. *History Chanel* sau đó đã bác lại thông tin của Nga, nói rằng họ nắm trong tay hợp đồng cho phép sử dụng các tài liệu của Nga liên quan đến cái chết của Hitler và chính Cơ quan Lưu trữ Quốc gia Nga đã cho phép họ tiếp cận mẫu sọ.

Cuộc tranh cãi này vẫn đang tiếp diễn, và mở rộng sang cả bộ răng của Hitler. Rõ ràng, những vụ ám sát này cho thấy cái chết của Hitler vẫn nằm trong vòng bí ẩn và đến tận ngày nay vẫn được sự quan tâm rất lớn của tất cả mọi người.

Cuộc đào tẩu của kẻ thân cận Hitler

Cuối tháng 4 năm 1945, Hitler tự kết liễu đời mình trong boong-ke. Một số sĩ quan cao cấp của Đức Quốc xã bị bắt. Joseph Goebbels, bộ trưởng Bộ Thông tin và Tuyên truyền tự sát cùng vợ và 6 con. Riêng Martin Bormann, một trong những thủ lĩnh của chế độ Quốc xã đồng thời là người thân cận của Hitler, thì biến mất không tung tích.

• *Chết hay trốn thoát?*

Từ ngày 20 tháng 11 năm 1945 đến ngày 1 tháng 10 năm 1946 ở Nuremberg diễn ra một phiên tòa lịch sử trong đó những kẻ bị xét xử là 24 đảng viên Quốc gia Xã hội chủ nghĩa tức các thủ lĩnh Đức Quốc Xã. Kết thúc phiên tòa, Bormann bị kết án tử hình cùng 11 quan chức quốc xã khác. Với Bormann, bản án này được tuyên vắng mặt vì bị cáo đã không có mặt tại tòa.

Bormann được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo Đảng Quốc Xã tháng 1 năm 1942 và trở thành một nhân vật đầy quyền lực. Ông giữ vị trí này suốt cho đến khi Đế chế thứ ba sụp đổ. Bormann là người mà ngay chính các đảng viên Quốc xã cũng phải thừa nhận là tàn bạo. Ông là một trong những nhân vật bị thù ghét nhất của Đức Quốc Xã, đặc biệt vì ông rất thân cận với Hitler. Bormann đã có mặt trong boong-ke khi Hitler kết liễu đời mình vào ngày 30 tháng 4 năm 1945 sau khi chỉ định ông ta là người thực hiện di chúc của mình. Vào tối ngày 1 rạng sáng ngày 2 tháng 5 năm 1945, những người tập hợp trong hệ thống boong-ke xung quanh Thủ tướng quyết định cùng nhau đào tẩu. Rất nhiều người đã

thoát được khỏi thủ đô Berlin lúc đó đang bị bao vây. Bormann có nằm trong số những người này không? Một số người cùng đào tẩu với ông nói rằng ông đã chết, nhưng số người làm chứng ngược lại cũng rất đông. Chẳng hạn, không ai dám khẳng định đã nhìn thấy Bormann chết bên cạnh chiếc xe tăng *Tiger* đang bốc cháy. Do có quá nhiều lời chứng khác nhau nên không lời chứng nào có sức thuyết phục. Tòa án Nuremberg kết án Bormann với mặc định là ông còn sống, còn các tổ chức Do Thái thì đỗ xô đi tìm ông.

- *Hành trình vượt ngục của Bormann*

Ngay khi Đệ tam Đế chế đầu hàng vào tháng 5 thì quân đồng minh đã cho truy nã những thủ lĩnh chính của đảng Quốc Xã và của cơ quan mật vụ SS. Nhưng việc truy lùng gặp rất nhiều khó khăn vì diễn ra ở thời điểm nước Đức đang vô cùng hỗn loạn và vì nhiều thủ lĩnh Quốc xã đã tìm đường tẩu thoát qua nhiều đường dây khác nhau. Năm 1968, sau khi điều tra tỉ mỉ, nhà báo Michel Bar-Zohar đồng thời cũng là cựu thành viên của *Knesset* (Quốc hội Israel) cho rằng ông có thể dựng lại cuộc hành trình đào tẩu của Bormann. Theo ông, sau ngày 2 tháng 5 năm 1945, Bormann đã lần theo đường ống dẫn nước *Die Schleuse* thoát khỏi Berlin với giấy tờ tùy thân giả. Sau đó ông ta đến Flensburg rồi đến lâu đài-



Martin Bormann luôn sát cánh cùng Hitler

bệnh viện Grosten ở Đan Mạch. Tiếp đó, ông trở xuống phía Nam qua đèo Brenner. Sau khi qua Ý, tạm lánh trong các tu viện, ông đến Tây Ban Nha. Cuối năm 1947, Bormann đến Argentina và sống ở Parana cho đến năm 1951.

- **Nhiều lần bị cho là đã chết**

Khi được tin bị mật thám truy tìm, Bormann liền lên đường đi Brazil, nơi mà đến nay vẫn còn nhiều thuộc địa của Đức. Một người trước đây từng làm việc cho *Irgun* (Sở Mật vụ Israel) đã lẩn ra dấu vết của Bormann. Nhưng nhờ biết thay đổi chỗ ở đúng lúc nên Bormann cuối cùng cũng đào thoát thành công. Kể từ đó, người ta mất dấu Bormann trong suốt nhiều năm.

NHỮNG “KẺ SĂN LÙNG” ĐẢNG VIÊN QUỐC XÃ

Cuối Thế chiến 2, nhiều tổ chức đã được lập ra để truy lùng các cựu đảng viên Quốc xã. Từ trong quân đội Anh đã hình thành nên một nhóm chiến binh Do Thái trẻ tuổi lấy tên là “*Đội quân báo thù*”. Đội quân này hoạt động ngầm ở châu Âu và mỗi lần tìm ra một tên Đức Quốc Xã nào là xử tử tại chỗ. Nhưng *Haganah* - một tổ chức bán quân sự Do Thái chủ trương thể hiện lòng tôn trọng đối với kẻ thù - đã ra lệnh cho những người tham gia “*Đội quân báo thù*” ngưng việc họ làm.

Và thế là những “kẻ săn lùng” đảng viên Quốc xã đã nhập cuộc. Sau khi thoát khỏi trại tập trung Mauthausen, Simon Wiesenthal thành lập Trung tâm tư liệu ở Vienna. Đây là nơi tập trung các hồ sơ lưu trữ của Đức Quốc Xã liên quan đến việc tiêu diệt người Do Thái. Chỉ với phương tiện ít ỏi, Wiesenthal đã theo đuổi những tên cựu đao phủ khắp thế giới. Mỗi khi tìm được tên nào, ông liền thông báo cho chính quyền sở tại để họ đưa hắn ra xét xử hoặc dẫn độ về nước.

NGÀY ĐỀN TỘI CỦA ADOLF EICHMANN

Adolf Eichmann từng là người phụ trách Cục Do Thái của Gestapo (mật vụ Đức). Năm 1941, chính Eichmann là người được Hitler trao mật lệnh lên kế hoạch thủ tiêu toàn bộ người Do Thái ở các lãnh thổ châu Âu thuộc Đức (kế hoạch *"Giải pháp tối hậu"*). Năm 1942, Eichmann là người được cử làm chỉ huy công tác chuyên chở trong *"Giải pháp tối hậu"*. Ông là người chịu trách nhiệm bắt bớ và vận chuyển người Do Thái đến chỗ chết của họ trong các trại tập trung rải rác khắp Ba Lan. Năm 1944, khi Đức tiến chiếm Hungary, chính Eichmann là người đã đem 430.000 người Hungary gốc Do Thái vào trại tập trung và giết chết trong các lò ga. Năm 1945, khi được Hitler ra lệnh ngưng giết dân Do Thái và tiêu hủy *"Giải pháp tối hậu"*, Eichmann không tuân thủ mà vẫn tiếp tục tiêu diệt người Do Thái.

Sau chiến tranh, Eichmann bị Đồng Minh truy lùng gay gắt. Người ta dò ra Eichmann ẩn náu ở Argentina dưới tên giả là Ricardo Clemente.

Do Argentina từ chối dẫn độ Eichmann, cơ quan tình báo Mossad của Israel quyết định ra tay, bắt cóc ông vào năm 1960 và đưa ra xét xử tại tòa án tối cao Israel. Tại đây hắn bị kết án tử hình và bị treo cổ vào năm 1962.



Phiên tòa xử Adolf Eichmann tại Israel



Martin Bormann

Năm 1959 lại xuất hiện nhiều dấu vết mới của Bormann: Bar-Zohar tìm ra một bác sĩ người Paraguay xác nhận rằng, lúc ở Asunción, đã từng chữa bệnh cho một người mà ông ta nhận ngay ra là cánh tay đắc lực của Hitler. Người này sau đó quay về Mato Grosso. Kể từ ngày ấy, người ta không ngừng đồn đại Bormann đã chết.

Năm 1960, có tin nói Bormann bị một bác sĩ Do Thái giết chết, nhưng tin này không có căn cứ. Không bao

lâu sau lại có tin Bornmann chết tự nhiên. Ngày 7 tháng 12 năm 1962, các hãng thông tấn lớn lại loan tin Bormann chết vì ung thư dạ dày và thậm chí còn chỉ rõ nơi chôn xác ông. Không cần phải tiến hành giải phẫu tử để xác định đây là tin thất thiệt, bởi lẽ cái xác mà báo chí đề cập là xác một thổ dân da đỏ thuộc tộc Guarani. Nếu tin vào những điều tra của Michel Bar-Zohar thì Bormann sống ở Mato Grosso, một khu rừng rậm nhiều đầm lầy. Chỉ có hai con đường băng ngang khu rừng đó nên rất dễ cảnh giác. Tại đây, Bormann được các tổ chức quốc xã hùng mạnh ở Nam Mỹ bảo vệ.



Xác Mussolini (trái)
bị treo ngược tại
quảng trường Milan.

CÁI CHẾT THẨM CỦA MUSSOLINI

Ngày 27 tháng 4 năm 1945, Mussolini bị du kích quân phát hiện tại một trạm kiểm soát, khi đang cùng người tình là Clara Petacci trên đường trốn sang Thụy Sĩ. Ông mặc một chiếc áo hành tô kiểu Đức để che đi bộ quân phục của mình và ngồi lẩn trong một đoàn xe của Đức.

Một ngày sau, du kích quân thuộc lực lượng kháng chiến Ý quyết định hành quyết Mussolini, Petacci cùng 16 thuộc hạ. Ngày 29 tháng 4, họ chuyển xác những người này đến Milan (thành phố nơi Mussolini lập ra phong trào pháo-xít đầu tiên tại châu Âu dưới tên gọi *Fasci di Combattimento* vào năm 1919) và treo ngược trên quăng trường để mọi người chứng kiến.

Một phụ nữ đã cầm súng bắn 5 phát đạn vào Mussolini để trả thù cho 5 người con bị sát hại của bà. Nhiều người qua đường nhổ nước bọt vào những xác chết bị treo ngược để bày tỏ sự khinh bỉ.

Hoa Kỳ



Vụ ám sát tổng thống Kennedy của Mỹ

Ngày 22 tháng 11 năm 1963, John Fitzgerald Kennedy - vị tổng thống Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ đắc cử từ năm 1960 - đến Dallas để chuẩn bị cho cuộc tái tranh cử. Đến 12 giờ 30 phút, khi đoàn xe của tổng thống vừa vào đến trung tâm thành phố thì nhiều tiếng súng bỗng vang lên. Kennedy bị trúng đạn ở đầu và cổ. Ông qua đời không lâu sau đó trong bệnh viện.

• *Sát thủ bị giết chết*

Cả nước Mỹ bàng hoàng tự hỏi không biết kẻ nào muốn sát hại vị tổng thống trẻ nhất nước Mỹ, người từ 3 năm nay là hiện thân cho giấc mơ Mỹ quốc.

Các chính trị gia lập tức lao vào truy lùng tên sát thủ và, chẳng bao lâu sau, một kẻ tình nghi đã bắt được. Hắn ta tên Lee Harvey Oswald, làm việc tại một thư viện nằm ngay trên con đường xảy ra vụ ám sát và cũng là nơi phát ra tiếng súng nổ.

Oswald rời thư viện chỉ vài phút sau khi tổng thống bị ám sát. Hắn khăng khăng chối tội nhưng hung khí gây án mà mọi người tìm thấy trong thư viện rõ ràng là thuộc sở hữu của hắn. Ngày hôm sau, trong khi rời trụ sở cảnh sát để chuyển đến nhà tù, hắn bị một người chủ hộp đêm tên Jack Ruby giết chết, viện có là để trả thù cho tổng thống. Cái chết ngoài mong muốn của kẻ tình nghi chính khiến cho nguyên nhân của vụ ám sát bị phủ trong màn sương bí mật. Tân tổng thống Lyndon B. Johnson lập tức thành lập một ban điều tra đặt dưới sự chủ trì của chánh án tòa án tối cao Warren.

- **Có nhiều sát thủ không?**

Trong suốt 10 tháng làm việc, ban điều tra đã lắng nghe hàng trăm nhân chứng và xem đi xem lại đoạn phim chiếu cảnh ám sát do một nhân chứng quay được. Cuối cùng, họ đi đến kết luận rằng Kennedy quả thật do Oswald ám sát. Tên này từ trong thư viện bắn ra và chỉ hành sự một mình. Nguyên nhân hắn ta làm việc này là do bị rối loạn tâm thần chứ không phải vì động cơ chính trị. Nhưng báo cáo của quan tòa Warren chưa đựng nhiều điều mâu thuẫn và không giải quyết được những thắc mắc. Nhiều nhân chứng khẳng định là họ nghe thấy nhiều tiếng súng phát ra từ một cồn đất có rào che ở bên kia đường. Vậy đằng sau cồn đất

đó có nhiều sát thủ không? Liệu có ai đó đã mượn tay Oswald, người đã từng sống ở Liên Xô và thường giao du với những người ủng hộ cách mạng Cuba? Việc Jack Ruby dính dáng đến mafia và cái chết nhanh chóng của ông ta sau khi bị bắt vào tù năm 1967 khiến cho việc ông giết Oswald trở nên khả nghi. Jack Ruby muốn che giấu điều gì khi trừ khử Oswald? Mọi diễn biến trong vụ này đều khiến người ta nghĩ đến một âm mưu chính trị.



John F. Kennedy tại đại học Rice, Houston, Texas, ngày 12/09/1962.

- **KKK hay Cuba?**

Nhiều giả thuyết cho rằng Kennedy bị thù ghét do cả chính sách đối nội đây tham vọng lẩn đường lối đối ngoại cứng rắn của ông. Một số người cho đây là hành vi của Đảng phân biệt chủng tộc KKK (Ku Klux Klan) vốn bất bình với chính sách bình quyền cho người da đen của Kennedy. Một số khác lại cho rằng vụ ám sát là do Cuba hay Moscow chỉ huy. Quả thật, Kennedy đã hậu thuẫn cho âm mưu xâm lược Cuba của các nhóm người Cuba tỵ nạn chống Fidel Castro phối hợp cùng CIA (cuộc xâm lược Vịnh Con heo). Ông cũng tỏ ra cứng rắn trước khiêu khích của Liên Xô, nhất là trong cuộc khủng hoảng gây ra bởi việc Liên Xô đặt tên lửa tại Cuba năm 1962. Ông thậm chí còn ủng hộ những âm mưu ám sát Fidel Castro của CIA.

- ... hay do những kẻ chống Fidel Castro?

Nhưng cũng có cả khả năng ngược lại bởi lẽ từ năm 1963 Kennedy bắt đầu chủ trương hòa hoãn với Liên Xô. Có thể vì thế mà ông trở thành nạn nhân của một vụ thông đồng giữa CIA, Lầu Năm góc, phe chống Fidel Castro và tổ hợp công nghiệp



Lee Harvey Oswald đã hành động một mình hay có người giật dây?

NƯỚC MỸ CỦA KENNEDY

Nhiệm kỳ tổng thống của John Fitzgerald Kennedy trong giai đoạn từ 1960 đến 1963 mở ra một thời kỳ thay đổi cho nước Mỹ. Vì tổng thống trẻ đã đề xuất với đồng của bào mình một dự án đầy tham vọng: chinh phục những “tiền tuyến mới” nhằm gia tăng quyền lực quốc gia và sự phồn vinh của dân tộc. Ông đưa ra ý tưởng phát động các chương trình xã hội công bằng hơn, giúp những người bị thiệt thòi và nghèo khó. Ông trình bày bản dự thảo luật giúp đảm bảo quyền công dân cho các dân tộc thiểu số và nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt chủng tộc.

Về đối ngoại, Kennedy biết cách tỏ ra cứng rắn. Mặc dù để xảy ra vài sự việc đáng tiếc, nhưng nhìn chung ông vẫn thành công trong việc biến Hoa Kỳ thành một thế lực quốc tế hàng đầu, đảm bảo được an ninh trên thế giới và hướng đến làm giảm bớt căng thẳng trong quan hệ Xô - Mỹ.

Tuy nhiên, khi Kennedy qua đời, các dự án đẹp đẽ do ông đề ra vẫn chưa đạt được nhiều thành quả và người kế nhiệm ông là tổng thống Lyndon B. Johnson đã đưa nước Mỹ bước vào cuộc chiến chống Việt Nam.



*Chân dung Kennedy.
Tranh của Aaron Shikler*



Xe chờ thống đốc Texas John Carnally và tổng thống J.F. Kennedy cùng phu nhân Jacqueline Kennedy bình thản lăn bánh trên đường phố Dallas...

quân sự, nói chung là tất cả những ai chống lại chính sách hòa hoãn Đông - Tây.

Kennedy đã có ý định sớm rút các dính líu, đầu tư quân sự vào Việt Nam, nhưng sau khi ông qua đời thì chính Johnson là người chịu trách nhiệm cho việc leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Điều này gợi ý về bàn tay của tổ hợp công nghệ quân sự trong vụ ám sát.

Ngoài ra, mối quan hệ giữa tổng thống và CIA cũng ngày một xấu đi kể từ khi âm mưu đổ bộ vào Cuba bị thất bại ê chề, và Kennedy bị cho là có ý định tái cấu trúc CIA, cắt giảm bớt quyền lực của cơ quan này.

• ***Kennedy có dính dáng đến Mafia?***

Một giả thuyết nữa là phải chăng tổng thống Kennedy bị mafia thủ tiêu bởi vì muốn đấu tranh chống tham nhũng và chống lại

các tổ chức tội phạm. Năm 1991, nhân tình cũ của Kennedy là Judith Campbell đã tiết lộ một chuyện khác hẳn với suy nghĩ của mọi người. Theo như lời bà này thì Kennedy quả thật là do mafia thủ tiêu nhưng không phải vì ông là một chính khách thanh liêm mà bởi trước đó ông đã từng nhờ mafia hỗ trợ tài chính cho các cuộc vận động tranh cử nhưng sau đó lại hất cẳng họ.

- *Hay bàn tay của Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson?*

Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson được xem là người hưởng lợi nhiều nhất từ cái chết của Kennedy. Theo Hiến pháp Hoa Kỳ thì Johnson sẽ đương nhiên lên làm tổng thống. Chính ông đã từng nói khi nhậm chức Phó Tổng thống: “Cứ 4 tổng thống thì 1 bị ám sát, có thể tôi sẽ gặp may mắn?”. Thái độ của Johnson khi nhậm chức Tổng thống trên chuyên cơ Air Force One ngay sau khi Kennedy qua đời cùng với bản “Nhật ký Nhà Trắng” của Lady Bird - vợ của Johnson - cũng làm dấy lên những nghi ngờ. Quan hệ giữa Kennedy và Johnson cũng không hề tốt đẹp. Thực tế thì Kennedy đã có ý định bãi nhiệm ông này.

- *Còn ai khác nữa?*

Nhiều thế lực khác cũng được xem là có thể có lợi ích trong cái chết của Kennedy.

- Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) bị đe dọa mất nhiều quyền lực dưới thời Kennedy.

- Trong quyển sách “*Mortal Error*” (Sai lầm chết người), tác giả cho rằng Lee Harvey Oswald chỉ làm Kennedy bị thương. Vết thương gây tử vong cho Kennedy là từ phát súng thứ hai do viên mìn vụ George Hickey sơ ý cướp cò từ phía sau Kennedy.

- Chính quyền Israel đã phẫn nộ trước áp lực của Kennedy về chương trình vũ khí hạt nhân bí mật của nước này, và trước sự đồng cảm của Kennedy với người Ả rập.

- Các hãng buôn dầu ở Texas (cùng các ngân hàng hợp tác với họ) đã bị thiệt hại về lợi nhuận do các chính sách của Kennedy.

- ***Một tổng thống chết vì lý tưởng hay một chính khách gian xảo?***

Cho đến nay nguyên nhân cái chết của Kennedy vẫn chưa sáng tỏ. Có rất nhiều giả thuyết được nêu ra, từ tốt đến xấu. Kennedy phải chăng là một tổng thống có lý tưởng bị ám sát vì đã đưa ra nhiều chính sách dũng cảm? Hay ngược lại, vụ ám sát Kennedy là một hậu quả bi thương do những hành động sai lầm của một vị tổng thống không đạo đức như người ta vẫn tưởng?

Những nghi vấn quanh vụ khủng bố 11 tháng 9

Sáu tháng sau ngày xảy ra cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001, một quyển sách xuất hiện ở Pháp với nội dung chứng minh tấn thảm kịch này thật ra là âm mưu của tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ. Tin này lan ra khắp nơi...



Hình ảnh này được camera ghi được vào 17 giờ 37 phút ngày 12 tháng 9 năm 2001. Chính phủ không đưa ra bất kỳ lời giải thích nào về sự "nhảm lẩn" này.

- *Sau ngày 11 tháng 9 năm 2001*

Dư âm cuộc tấn công tòa nhà Trung tâm Thương mại Thế giới và Lầu Năm Góc chưa kịp lắng xuống thì vào tháng 3 năm 2002 một người Pháp tên Thierry Meyssan đã cho xuất bản một tác phẩm có tính công kích với mục đích là tiết lộ

cho toàn thế giới sự thật về các cuộc tấn công vào nước Mỹ. Sự thật này tuy đơn giản nhưng cũng thật tàn nhẫn, theo đó chỉ duy nhất một tổ chức có sự chuẩn bị vô cùng hoàn hảo mới có thể thực hiện được hành vi này. Theo Thierry Meyssan, đây không phải là hành vi cảm tử của người Hồi giáo, những kẻ mà mọi người đồn là đang trốn chui trốn nhủi trong các hang động Afghanistan. Tác

giả khẳng định rằng không có bất kỳ chiếc *Boeing* nào đâm vào Lầu Năm Góc và chính quân đội Mỹ đã dàn dựng tấn thảm họa này để làm cho công chúng phẫn nộ và cũng để biện minh cho hành động trả đũa của Mỹ sau này, những hành động mà theo tác giả chỉ là để góp phần vào âm mưu thống trị thế giới của đế quốc Mỹ.

- **Sự thật khác hẳn...**

Tác phẩm mang tựa đề *Sự lừa dối khủng khiếp* của Meyssan lúc đầu không được chú ý. Có lẽ nó cũng giống như hàng trăm hàng nghìn quyển sách khác được lan truyền khắp nơi sau ngày xảy ra cuộc tấn công. Nhưng điều đáng nói là tác giả quyển sách không phải là kẻ vô danh tiểu tốt. Là giám đốc của tổ chức *Réseau Voltaire*, Meyssan từng nhiều lần tham gia các cuộc tranh luận xã hội và là người cổ vũ cho tinh thần phê phán, chính vì thế ông rất nổi tiếng và được giới báo chí đánh giá cao. Chỉ sau vài tuần, luận

Theo Thierry Meyssan thì cuộc tấn công vào Lầu Năm Góc là hoàn toàn do quân đội Mỹ dàn dựng.



cứ của ông trên các trang web đã nhanh chóng lan ra khắp nơi. Tin đồn lan ra, được thổi phồng lên. Meyssan được mời lên truyền hình. Những tiết lộ đầy kinh ngạc của ông được rất nhiều người tin tưởng mặc dù sau đó cũng chẳng đi đến đâu.

Lúc đầu, ông chỉ đưa ra lời nhận xét về một số hình ảnh trên internet. Những hình ảnh này đơn giản cho thấy Lầu Năm Góc không hề bị máy bay đâm trúng. Bằng chứng ư? Quả thật là không ai nhìn thấy bất kỳ mảnh vỡ máy bay nào trên ảnh. Bằng chứng này đủ cho thấy đây là âm mưu của một nhóm quyền lực bí ẩn ngay trong lòng các cơ quan Hoa Kỳ. Đây chẳng phải là một ý tưởng mới mẻ bởi lẽ nó đã rất phổ biến trong văn học và điện ảnh ở thời kỳ chiến tranh lạnh.

Sở dĩ tin đồn lần này gây chấn động khắp nơi là do toàn thế giới vô cùng phẫn nộ trước hành động khủng bố làm chết nhiều người nhất từ trước đến nay. Theo tin đồn này thì cả thế giới đang trở thành nạn nhân của một âm mưu vô tiên khoáng hậu mà mục tiêu vô liêm sỉ của nó là cho nước Mỹ cái quyền được làm theo ý mình muốn, nhân danh việc tự vệ hợp pháp và nhân danh các giá trị tự do, để trở thành bá chủ toàn cầu.

- **Nước Mỹ bị trùng phạt**

Mặc dù cuộc tấn công này gây xúc động mạnh cho nhiều người nhưng luận cứ cho đây là âm mưu của Mỹ cũng rất hấp dẫn đối với một số người muốn nhìn thấy “Chú Sam” phải trả giá cho đường lối chính sách của mình. Ngoài ra, không phải quốc gia nào trên thế giới cũng thương xót cho hàng ngàn nạn nhân của cuộc tấn công. Đã có nhiều tiếng nói vang lên, đả kích chính sách ngoại giao của Mỹ, một chính sách được xem là gây kích động và thậm chí là làm nảy sinh các cuộc nội chiến hoặc chính biến tại nhiều

quốc gia nhằm bảo vệ quyền lợi kinh tế ích kỷ của Mỹ. Điều mà Mỹ hiện phải gánh chịu chỉ là sự trả thù thật công bằng.

Nhưng tin đồn này nhanh chóng ngưng bặt bởi lời buộc tội tỏ ra vụng về và không thể đứng vững. Bản thân người Mỹ cũng không hề quan tâm đến tin đồn này. Ở Pháp, hai nhà báo đã viết một bài phóng sự mang tựa đề *Sự dối trá khủng khiếp* để lên án câu chuyện “nhảm nhí” của Meyssan. Nhưng, giống như mọi tin đồn khác, điều duy nhất khiến tin này đáng để quan tâm là... nguyên nhân khiến nó lan tỏa. Tuy nhiên, tin đồn này không hề có ác ý muốn làm hại nước Mỹ mà chỉ thực sự muốn bộc lộ phần nào nỗi sợ hãi ngầm từ bên trong các xã hội phương Tây.

• *Nền dân chủ bị thao túng*

Trong trường hợp này thì “*Sự lừa dối khủng khiếp*” mà Thierry Meyssan muốn trình bày chính là nỗi băn khoăn mới về một âm mưu lớn (của người Do Thái, của các hội viên Tam Điểm, của các đại tư bản hay của cả ba lực lượng này cùng thực hiện) nhằm phá hoại nền tảng dân chủ. “Người ta giấu giếm chúng ta mọi thứ”, “những kẻ thực sự nắm quyền quyết định không phải là những người mà ta tưởng”, hoặc “sự thực nằm ở chỗ khác”... Quả là nền ngoại giao của Mỹ trong những thập niên gần đây đã bộc lộ những kẻ hờ làm truyền ra nhiều tin đồn dai dẳng khiến người ta nhớ



Osama Bin Laden, kẻ chủ mưu trong vụ khủng bố 11-9 ở Mỹ

lại thái độ của Mỹ đối với Cuba hoặc nhớ đến những vụ ám sát những người đổi lập tại các quốc gia mà Mỹ có quyền lợi không nhỏ về dầu hỏa.

Cuộc tấn công vào Mỹ đã xảy ra kịp lúc để làm thỏa mãn các tổ hợp công nghiệp quân sự nấp phía sau giật dây Nhà Trắng và biến Nhà Trắng thành một con rối trong tay một thế lực bí ẩn. Quyển sách của Messan thật ra không có gì mới mẻ mà chỉ nhằm mục đích khơi dậy sự lo lắng ở các nền dân chủ vốn luôn phải đương đầu với sự yếu ớt của chính mình. Và thế mạnh của các tin đồn là nhằm bộc lộ những điểm yếu đó.

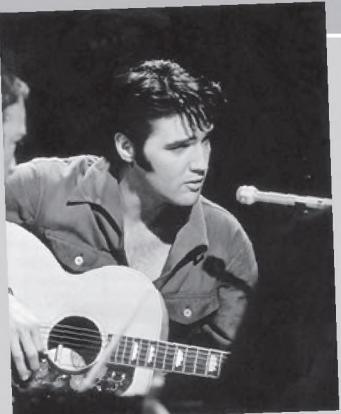
ÔI TIN ĐỒN....

Một số tin đồn đi ngược lại các tuyên bố chính thức và nêu ra những “sự thật” vô cùng lố bịch. Vậy mà đôi khi chúng vẫn tồn tại rất lâu.



Neil Armstrong bước đi trên Mặt trăng

Ngày 20 tháng 7 năm 1969, Neil Armstrong trở thành người đầu tiên đi trên mặt trăng. Thời điểm lịch sử này được phát trên truyền hình ở khắp nơi trên thế giới. Thế nhưng, tác phẩm *Ánh sáng trên mặt trăng* của tác giả Philippe Lheureux lại cho rằng toàn bộ sự kiện này chỉ là sự dàn dựng. Quyển sách thậm chí còn giải thích cả cách chính quyền Mỹ “tạo” ra sự kiện đó trong phim trường...



Elvis Presley

Ngày 17 tháng 8 năm 1977, danh ca Mỹ Elvis Presley qua đời ở Memphis. Cả nước Mỹ để tang... trừ một số ít người ái mộ Elvis. Họ cho rằng Elvis đã cùng FBI ngụy tạo cái chết của chính mình để tránh sự quấy rầy của người hâm mộ. Không thể đếm xuể số người tiết lộ "nơi ẩn náu" của ông vua Rock and Roll. Đó là chưa kể tin đồn Elvis đang sống trong một thế giới khác từ khi bị người ngoài hành tinh bắt đi....

Năm 1985 là năm mà virus AIDS được nhận diện và cũng là thời điểm mà đại dịch này bắt đầu hoành hành trên toàn thế giới. Từ đâu đưa đến tai họa này? Một số người dựa vào tiết lộ của các nhà nghiên cứu để đồn rằng virus mới này "thoát" ra từ một phòng thí nghiệm bí mật của Mỹ hay của Liên xô, nơi nghiên cứu các loại vũ khí vi trùng.



Tháng 4 năm 2001, lũ sông Somme ở Pháp dâng cao và gây ngập lụt toàn khu vực. Một số người cho rằng cơn lũ này đã được cố ý gây ra nhằm bảo tồn Paris. Tin đồn dâng nhanh còn hơn cả nước lũ khiến nhiều chuyên gia thủy học phải ra sức thuyết phục những người bị quan rằng không thể có chuyện đó được, bởi lẽ hai lưu vực thủy văn liên quan là lưu vực sông Oise và lưu vực sông Somme có dòng chảy ngược nhau. Sông Oise thì chảy về hướng Đông còn sông Somme thì chảy về hướng Nam nên không thể nào đưa nước từ sông Oise về sông Somme được.

Tháng 6 năm 2002, tờ *Guardian* của Anh tiết lộ nguyên nhân thoái vị thực sự của vua Edward VIII nước Anh ngày 10 tháng 12 năm 1936. Theo tuyên bố chính thức thì lý do nhà vua từ bỏ ngai vàng là vì ngài yêu chân thành một cô gái "thường dân" người Mỹ tên Wallis Simpson nên hy sinh ngai vàng vì nàng. Nhưng tờ *Guardian* lại khẳng định rằng Wallis Simpson là nhân tình cũ của một quan chức quốc xã, chính vì thế mà mật vụ Mỹ và chính quyền Anh đã gây áp lực buộc vua Edward VIII phải nhường lại ngai vàng...



Wallis Simpson

TRONG THẨM SÂU CỦA BÍ ẨN (TẬP 4)

Nguyễn Thị Kim Anh *bìa* *soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THÈ TRUẬT

Biên tập: TUẤN VIỆT - THU NHI

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: NHẬT VI

Trình bày: NGUYỄN VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đàm Tráu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn
